

PHẦN BA

(Kinh) Xá Lợi Phất! Nhữ vật vị thử điều thật thị tội báo sở sanh. Sở dĩ giả hà? Bỉ Phật quốc độ vô tam ác đạo. Xá Lợi Phất! Kỳ Phật quốc độ thượng vô ác đạo chi danh, hà hưởng hữu thật? Thị chư chúng điều giai thị A Di Đà Phật dục linh pháp âm tuyên lưu, biến hóa sở tác.

(Chánh Kinh: Nay Xá Lợi Phất! Ông đừng nói những con chim ấy là do tội báo mà sanh ra. Vì có sao vậy? Cõi nước Phật ấy không có ba đường ác. Nay Xá Lợi Phất! Cõi nước Phật ấy còn không có danh từ ba đường ác, hưởng là có thật! Các loài chim ấy là do A Di Đà Phật muốn cho pháp âm được lan truyền rộng khắp mà biến hóa ra).

Trong đoạn Kinh Văn này, Đức Phật sợ có người nghe nói trong Tây Phương vẫn còn có bạch hạc, chim công v.v... thuộc về súc sanh đạo, vậy thì Tây Phương khác với Thế Giới này ở chỗ nào? Tại Tây Phương, những loài chim như vậy hoàn toàn chẳng có sanh mạng, đều do A Di Đà Phật biến hóa ra. Toàn thể cấu tạo của Tây Phương là do Tỳ Kheo Pháp Tạng đối trước tòa của Đức Thế Tụ Tại Vương Phật, nương vào oai thần của Phật, tham khảo tình hình trong các Thế Giới Phật ở khắp mười phương, tập hợp những điểm tốt đẹp nhất để tạo thành. Không riêng gì các loài

chim thuyết pháp, thậm chí cây báu, nước chảy đều có thể thuyết pháp, đều do A Di Đà Phật hóa ra. Thuở còn trẻ, tôi thích đọc những sách như Liêu Trai Chí Dị, chưa từng thấy quý, nhưng đã thấy hồ ly. Trong thời kỳ Kháng Chiến, tôi sống trong nhà một người giàu có tại Hành Sơn thuộc tỉnh Hồ Nam. Nhà ấy đã suy vi, trên lầu không có ai ở, nghe nói có hồ ly, rất nhiều người đã thấy. Tôi chỉ thấy một người đàn ông mặc áo dài bằng vải xanh, nhưng mặt mũi lờ mờ không rõ ràng. Ngoài ra, quê tôi sản xuất gạo, có một người họ hàng đóng đầy một thuyền gạo, tính chở sang Nam Kinh bán. Trong lúc thuyền sắp nhổ neo, có người thấy một con vật giống con chồn lông vàng chạy lên thuyền, nhưng tìm khắp nơi không thấy, bèn vẫn theo đúng giờ khởi hành. Đến Nam Kinh, cả một thuyền đầy gạo không còn gì, chỉ toàn là bao rỗng, chúng hững quay về. Đến nhà rồi mới thấy gạo chở đi còn nguyên trong kho. Chắc là người buôn gạo ấy đắc tội với nó nên nó mới giở trò như vậy. Đây là điều chính tôi mắt thấy tai nghe. Trên Thế Giới chuyện kỳ lạ gì cũng có. Rất nhiều nhà Tôn Giáo ở Ấn Độ có công phu định lực có thể thấy được những chuyện giống như thế, họ nhìn thấy lục đạo rất rõ ràng, chỉ biết lẽ đương nhiên, chứ không biết nguyên do sự tình phát sanh như thế nào? Kết quả về sau ra sao họ cũng không biết! Chỉ riêng Kinh Phật là giảng lý sự nhân quả tường tận nhất.

A Di Đà Phật do đại nguyện từ bi, giúp đỡ con người đời nghiệp Vãng Sanh, sanh về Cực Lạc Thế Giới là nơi có hoàn cảnh tu học tốt đẹp và thiện duyên thù thắng, chẳng đến nỗi nầy sanh một vọng niệm nào. Do vậy, Cực Lạc Thế Giới giống như một lớp học vĩ đại, Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật và mười phương hết thầy Chư Phật cổ vũ, khích lệ chúng ta Vãng Sanh Cực Lạc Thế Giới là vì nguyên nhân này. Nói thật ra, Vãng Sanh Tây Phương dễ hơn sanh lên Trời. Tôi sống tại Câu Tử Khẩu, Đài Bắc, cách vách có một nhà thờ Thiên Chúa, linh mục là Tiên Sinh Phương Hào, ông ta chỉ tốt nghiệp Sơ Trung (học hết cấp hai), tự tu thành tựu. Ông ta là chuyên gia về Sử đời Tống, là viện sĩ viện nghiên cứu văn hóa Trung Quốc, và là viện trưởng viện văn học của Quốc Lập Chánh Trị Đại Học, thường mượn tôi Đại Tạng Kinh để đọc. Ông ta nói: *“Kinh Phật giảng Thiên Đường tử mĩ hơn Thánh Kinh, chắc là Phật đã thật sự đến được Thiên Đường!”* Cõi Trời có rất nhiều tầng, điều kiện sanh lên Trời chẳng dễ dàng. Trời có đức hạnh cao hơn người. Đức Phật nói điều kiện để sanh lên Trời là Thập Thiện Nghiệp đạo. Đây là tiêu chuẩn của Dục Giới Thiên. Nếu muốn sanh lên Sắc Giới Thiên ắt phải tu Tứ Vô Lượng Tâm, tức Từ, Bi, Hỷ, Xả và Tứ Thiên Bát Định, khó hơn sanh về Tây Phương nhiều lắm.

(Giải) Trung thích khả tri.

Vấn: Bạch hạc đặng, phi ác đạo danh da?

Đáp: Ký phi tội báo, tắc nhất nhất danh tự, giai thuyên Như Lai cứu cánh công đức. Sở vị cứu cánh, bạch hạc đặng, vô phi tánh đức mỹ xưng, khởi ác danh tai!

Vấn: Hóa tác chúng điều hà nghĩa?

Đáp: Hữu Tứ Tắt Đàn nhân duyên. Phàm tình hỷ thử chư điều, thuận tình nhi hóa, linh hoan hỷ cố. Điều thượng thuyết pháp, linh văn sanh thiện cố, bất u điều khởi hạ liệt tướng, đối trị phân biệt tâm cố. Điều tức Di Đà, linh ngộ Pháp Thân bình đặng, vô bất cụ, vô bất tạo cố. Thử trung hiển vi phong, thụ, vông đặng âm, cập nhất thiết y chánh giả thật, đương thể tức thị A Di Đà Phật. Tam thân tứ đức, hào vô sai biệt dã.

(Giải: Lời Phật gạn hỏi và lời Ngài tự giải thích dễ hiểu.

Hỏi: Những danh từ như bạch hạc v.v... chẳng phải là danh xưng trong ác đạo u?

Đáp: Đã không có tội báo thì mỗi một danh tự đều nói lên công đức rớt ráo của Như Lai. Đã nói là rớt ráo thì những danh tự như bạch hạc v.v... không gì chẳng phải mỹ hiệu của tánh đức, há có phải là ác danh vậy thay!

Hỏi: A Di Đà Phật hóa ra các loài chim có ý nghĩa như thế nào?

Đáp: Có nhân duyên của Tứ Tất Đàn. Phạm tình ưa thích những loài chim ấy nên thuận theo lòng chúng sanh ưa thích mà hóa ra, khiến cho chúng sanh trong cõi Cực Lạc hoan hỷ. Chim còn có thể thuyết pháp, khiến cho người nghe sanh điều thiện, sẽ chẳng khởi ý niệm coi những con chim ấy là kém hèn, nhằm đổi trị cái tâm phân biệt. Chim chính là Di Đà, khiến cho chúng sanh trong cõi Cực Lạc ngộ Pháp Thân bình đẳng, không gì chẳng đầy đủ, không gì chẳng tạo. Trong đoạn này chỉ rõ: Âm thanh của gió nhẹ, cây cối, lưới báu v.v... và hết thấy y báo, chánh báo là “giả thật”, bản thể của chúng là A Di Đà Phật. Ba thân, bốn đức, chẳng sai biệt mảy may).

Nếu có người nêu câu hỏi: Bạch hạc, chim công v.v... chẳng phải là tên gọi trong ác đạo ư? Sao Kinh nói “thượng vô ác đạo chi danh, hà hướng hữu thật” (còn không có danh từ ác đạo, hướng là thật sự có?) Pháp thế gian và xuất thế gian chẳng có tiêu chuẩn tuyệt đối dành cho chân, vọng, tà, chánh, đúng, sai, thiện, ác. Chẳng hạn như đối với thiện, ác, tà, chánh, tiêu chuẩn của Cổ Nhân khác với hiện thời, xưa nay không giống nhau. Trong và ngoài nước cũng khác nhau. Đó gọi là “người

nhân thấy là nhân, người trí thấy là trí". Theo cách nhìn của phàm phu, bạch hạc, chim công thuộc súc sanh đạo, nhưng trong cách nhìn của Phật, Bồ Tát, như Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Viên Giác đã nói, *"hết thấy chúng sanh vốn đã thành Phật"*. Không riêng gì súc sanh đạo mà ngạ quỷ, địa ngục cũng là danh hiệu xứng tánh rất ráo. Nhất là sống trong xã hội hiện thời, giao thông, thông tin phát triển, toàn thể địa cầu gần giống như một quốc gia, nhưng lịch sử, văn hóa, quan niệm đạo đức, tập quán sinh hoạt của mỗi nước đều khác nhau. Nếu chẳng hiểu cặn kẽ, hợp tác với nhau, sẽ khó tránh khỏi nảy sanh chướng ngại xung đột. Trong quá khứ, tại Trung Quốc, hoàng dương Phật Pháp chỉ hạn chế trong phạm vi Phật học, tối đa là dính dáng đến tư tưởng của Nho, Đạo, bá gia chư tử. Còn hoàng pháp trong hiện tại, đối với nội dung của sáu Tôn Giáo lớn trên Thế Giới và lịch sử dân tộc các nước, nếu chẳng hiểu rõ, ắt sẽ gặp trở ngại, mâu thuẫn. Tôi đến nước Mỹ, trước hết, đọc lịch sử, phong tục, tập quán, văn hóa nước Mỹ. Vì để lợi ích hết thấy chúng sanh, hoàng dương Phật Pháp thì cần phải hiện đại hóa, địa phương hóa. Phật Giáo truyền đến Trung Quốc vào năm sáu mươi bảy Công Nguyên, đã hợp thành một thể với văn hóa Trung Quốc, hoàn toàn chẳng thể tách rời. Phật Giáo truyền vào Trung Quốc liền bị Trung Quốc

hóa, địa phương hóa, hòa lẫn thành một khối với tư tưởng, tập quán sinh sống, đạo đức, luân lý của người Trung Quốc. Do vậy, Phật Giáo được toàn dân Trung Quốc tiếp nhận, biến thành văn hóa của chính Trung Quốc.

Có một mục sư người Mỹ rất cảm khái, bảo tôi: “*Cơ Đốc Giáo truyền vào Trung Quốc chừng một trăm ba mươi hay một trăm bốn mươi năm trước, đã phải rất nhiều người sang công tác tại Trung Quốc, đến nay mới chỉ có hơn một trăm vạn tín đồ, thật đáng than thở!*” Ông ta chẳng biết vì sao thất bại đến như thế! Là vì họ chẳng hiểu rõ lịch sử văn hóa Trung Quốc, họ muốn theo đuổi đường lối trái ngược văn hóa Trung Quốc. Người Trung Quốc lấy hiếu đạo làm gốc, họ chẳng thờ Tổ Tiên tức là đã mất gốc, chẳng thể nào dung nạp giáo nghĩa của bọn họ được, khiến cho những người Trung Quốc học theo người ngoại quốc, hễ có hiểu biết đôi chút liền hoàn toàn chẳng chịu “*sổ diễn vong tổ*” (tính đếm sách vở, quên mất Tổ Tiên, ý nói: mất gốc). Thuở đầu, Phật Giáo xây dựng Đạo Tràng, chọn cách kiến trúc theo lối cung điện Trung Quốc. Nếu dùng kiến trúc theo kiểu Ấn Độ, sợ rằng sẽ khó thể phát triển được! Tổng cương lãnh của Phật Pháp là “*giác, chánh, tịnh*”. Giác ngộ viên mãn, chánh tri chánh kiến viên mãn, tâm thanh tịnh viên mãn thì gọi là thành Phật. Vì sao hết thầy

chúng sanh vốn đã thành Phật? Phật nói “*giác, chánh, tịnh*” trong tự tánh của hết thảy chúng sanh vốn đã viên mãn. Các nhà Tôn Giáo tán thán Thượng Đế là toàn tri toàn năng. nhưng Kinh Đại Thừa nói “*toàn tri, toàn năng là tự tánh của mỗi cá nhân, tánh đức chính là toàn tri, toàn năng*”. Hiện thời chúng ta có vọng tưởng, chấp trước, khiến cho toàn tri toàn năng bị chướng ngại. Tuy có trí năng, nhưng không thể hiển lộ được. Đức Phật chẳng ban cho con người cái gì cả, Đại Thừa Khởi Tín Luận chép: “*Bổn giác vốn có, bất giác vốn không*”. Đã vốn có thì đương nhiên sẽ có thể khôi phục. Vốn không thì tự nhiên sẽ trừ được. Hiểu rõ đạo lý này, ắt sẽ có tín tâm trong phương diện tu học, nhất định có thể thành tựu trí huệ đức năng của chính mình. Trí huệ đức năng hiện tiền mới là điều đáng kể, còn những phước báo mà người thế gian mong cầu chính là lông gà, vỏ tỏi. Đáng sợ nhất là mê, tà, nhiễm! Giác, chánh, tịnh là tánh đức, nhưng mê, tà, nhiễm có bao giờ tách khỏi tánh đức? Do vậy, mới nói “*mê và ngộ không hai, nhiễm tịnh hệt như một*”. Hiểu rõ đạo lý này thì đoạn Kinh Văn này sẽ dễ hiểu. Bất cứ một danh tự nào đều nhằm trình bày, giải thích công đức rốt ráo của Như Lai. Hết thảy những sự đặt bày trong Thế Giới Cực Lạc đều là do A Di Đà Phật biến hóa ra.

Lại có kẻ hỏi: “*Hóa ra các loài chim là do ý nghĩa nào?*”
Đáp: “*Có bốn nhân duyên Tất Đàn*”. “*Tất*” là phổ biến bình đẳng, “*đàn*” là bổ thí. Phật Giáo hóa chúng sanh, điều kiện thứ nhất là làm cho người tiếp nhận sự giáo hóa ấy sẽ sanh tâm hoan hỷ. Tiếp đó, chim có thể thuyết pháp, người chẳng bằng chim, nên có thể tự cảnh tỉnh, răn nhắc chính mình. Vốn coi thường loài chim chóc, chúng có thể thuyết pháp khiến cho con người sanh lòng kính nể, bèn đoạn trừ cái tâm ngạo nghễ, ngã mạn. Chim là vật được biến hóa từ tự tánh của A Di Đà Phật, khiến cho con người hoảng nhiên đại ngộ, minh tâm kiến tánh, đây chính là lợi ích thù thắng nhất. Đức Phật thuyết pháp, trước hết quán sát căn cơ, phương pháp dạy học rất cao minh. Trước hết, quán sát trình độ căn cơ, sự yêu thích, thói quen sống, bối cảnh tư tưởng của chúng sanh, điều gì cũng hiểu rõ, rồi mới thuyết pháp khéo cơ, tất nhiên sẽ phù hợp rất tốt đẹp. Chúng tôi dạy học hoặc giảng Kinh trên bục giảng, từ những nguyên tắc dạy học của Phật mà đạt được khai thị rất lớn. Tóm lại, có mấy điều như sau:

1) Vì sao phải giảng Kinh? Ví dụ như chúng sanh đều đang mê, Đức Phật giảng Kinh để làm cho chúng sanh phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui. Chúng sanh tri kiến bất chánh, tư tưởng sai lầm,

Đức Phật giảng Kinh nhằm uốn nắn tâm họ. Tâm địa họ ô nhiễm, giảng Kinh để tâm họ được thanh tịnh.

2) Giảng cho ai? Con người có lợi căn, độn căn. Căn tánh mỗi người mỗi khác, ắt phải hiểu rõ đối tượng. Trong xã hội, người đi học muốn hiểu rõ lý, người làm ăn muốn kiếm tiền, công tác, sự nghiệp của mỗi chúng sanh đều khác biệt! Cùng một bộ Kinh Điển, có đủ mọi cách giảng khác nhau, đều là vận dụng sống động. Bất luận áp dụng vào nghề nghiệp nào đều được hoan nghênh. Đời Tống, Triệu Phổ dùng nửa bộ Luận Ngữ để trị thiên hạ, Luận Ngữ là một bộ sách rất nổi tiếng. Tống Thái Tổ dùng Triệu Phổ làm Tể Tướng để xây dựng chánh quyền. Về sau, Tống Thái Tông tức vị (lên ngôi), vẫn dùng Triệu Phổ làm Tể Tướng. Ông ta tâm với Tống Thái Tông: “Thần có một bộ Luận Ngữ, dùng nửa bộ phù tá Thái Tổ định thiên hạ, dùng nửa bộ để phù tá bệ hạ đạt đến thái bình”. Dùng một bộ Luận Ngữ vận dụng vào quân sự, chính trị cho đến công thương nghiệp. Do những điều đã nói trong Kinh Điển đều là nguyên lý, nguyên tắc, nhưng trên phương diện ứng dụng, mỗi nơi mỗi khác. Vận dụng khéo léo là nhờ nhất tâm.

3) Giảng vào lúc nào? Xã hội bình trị hay loạn lạc khác nhau, quốc gia hưng thịnh hay suy vong cũng khác nhau, nhỏ thì như một năm có bốn mùa, tình cảm con người cũng biến hóa, ắt phải khế

cơ, phải chú ý thấu hiểu, phải hiểu rõ thời tiết, nhân duyên hồng ứng hợp căn cơ.

4) Dùng phương pháp nào để giảng khiến cho chúng sanh vui vẻ tiếp nhận, lại còn có thể lãnh ngộ, đạt được lợi ích chân thật.

Đức Phật Giáo hóa giống như vậy đó. Trong Kinh nhắc đến những loài chim như bạch hạc, công v.v... là do A Di Đà Phật thuận theo sự ưa thích của chúng sanh mà biến hóa ra, để làm họ vui thích. Do vậy, Phật Giáo hoằng pháp tại các nơi, chẳng phá hoại tín ngưỡng, tập quán sinh hoạt và bối cảnh văn hóa của dân địa phương, vẫn gìn giữ những khuôn khổ cũ. Dùng phương pháp này để dạy dỗ thì gọi là Thế Giới Tất Đàn.

Thứ hai là Vị Nhân Tất Đàn, là nội dung và thành quả của sự dạy dỗ nhằm giúp cho người ta đoạn ác, tu thiện. Phong tục, tập quán của Trung Quốc và cổ Ấn Độ có nhiều chỗ khá giống nhau, chẳng hạn như giềng mối đạo đức của Trung Quốc được kiến lập trên nền tảng hiếu đạo, hiếu thảo cha mẹ, tôn trọng thầy thì Phật Pháp cũng giống như vậy. Kinh Địa Tạng là Hiếu Kinh trong nhà Phật, đại địa chứa đựng vô lượng kho báu, chúng ta phải dựa vào nó để sanh tồn. “Địa” biểu thị tâm địa, tâm địa có vô lượng trí huệ, đức năng, tài nghệ, chẳng cày cấy nơi đất sẽ chẳng thể thâm hoạch ngũ cốc, các loại lương thực, chẳng đào bới kho tàng dưới đất thì

chẳng thể sử dụng được. Kho báu trong tâm địa phải dùng hiểu kính để đào bới, có hiếu thảo cha mẹ, tôn trọng thầy thì tánh đức của chính mình mới tỏ lộ rộng lớn.

“Bất ư điều khởi hạ liệt tướng” (Chẳng khởi ý tưởng nghĩ những loài chim ấy là hèn kém) chính là Đới Trị Tất Đàn, chẳng khinh thị chúng sanh. Trong Kinh Hoa Nghiêm, Đức Phật đã nói: Hữu tình và vô tình đều cùng viên thành Chứng Trí. Không chỉ động vật là bình đẳng, mà thực vật, khoáng vật cũng phải bình đẳng. Chúng đều do duy tâm sở hiện, duy thức sở biến. Thiên gia nói: “Khi chưa ngộ, đâu đâu cũng là chướng ngại, lúc đã ngộ, tùy ý lấy một vật nào cũng đều là Chân Như bản tánh, thứ gì cũng là đạo, nơi nào cũng là nguồn, vạn pháp bình đẳng”. A Di Đà Phật do tự tánh của chúng ta biến hiện, đó gọi là “duy tâm Tịnh Độ, tự tánh Di Đà”. Tận cùng hư không, trọn khắp pháp giới, có vật nào chẳng phải do tự tánh biến hiện? Ngoài tâm không pháp, ngoài pháp không tâm. Tâm và pháp là một, chẳng phải hai. Tâm là Năng Biến, pháp là Sở Biến. Ví như tâm là vàng, pháp là đồ vật, đồ vật và vàng có tách rời nhau hay không? Thông đạt nghĩa này, sẽ biết chúng sanh và Phật bình đẳng, hữu tình và vô tình bình đẳng, hết thảy muôn pháp bình đẳng, liền ngộ Pháp Thân bình đẳng. “Vô bất cụ” (không gì chẳng đủ) là như Lục Tổ khi khai ngộ đã nói: “Nào

ngờ tự tánh vốn sẵn đầy đủ”. “Vô bất tạo” (không gì chẳng tạo) là như Lục Tổ đã nói: “Nào ngờ tự tánh có thể sanh ra vạn pháp”. Nếu hiểu rõ đoạn Kinh Văn này thì sẽ ngộ nhập cảnh giới ấy, liền giống hệt như Lục Tổ Đại Sư.

“Thử trung hiển vi phong, thụ, vông đặng âm, cập nhất thiết y chánh giả thật, đương thể tức thị A Di Đà Phật, tam thân tứ đức, hào vô sai biệt dã” (Trong đoạn này chỉ rõ: Âm thanh của gió nhẹ, cây cối, lưới báu v.v... và hết thảy y báo, chánh báo là “giả thật”, bản thể của chúng là A Di Đà Phật. Ba thân, bốn đức, chẳng sai biệt mảy may): Lãnh hội thấu triệt những nghĩa trên đây thì đoạn chú giải nhỏ này chẳng cần phải giải thích nữa. Đoạn văn trước đó nói về chim là hữu tình chúng sanh, còn đoạn này nói đến vô tình chúng sanh, mà cũng là sự thật của “vô bất cụ” và “vô bất tạo” như trong đoạn trước đã nói. “Vi phong” (gió nhẹ) là không khí chuyển động mà cũng là tướng được hiện bởi tự tánh của chúng ta. Đức Phật thường nói “y báo chuyển theo chánh báo”. Y báo là hiện tượng vật chất, chánh báo là tâm. Tâm là chủ tử, vận mạng cả đời của mỗi người đều đã định sẵn, số mạng định sẵn ấy không do Thượng Đế hay do một vị chúa tử nào quyết định mà là do tâm thiện hay ác mà có. Tâm thiện thì hành vi ắt thiện, ắt được thiện báo, cả đời hạnh phúc. Thân là chánh báo, những vật ngoài thân và

hoàn cảnh, hư không đều thuộc y báo. Đời thái bình, nhân dân cơm no áo ấm, lòng người thuần hậu. Thuở loạn động, lòng người gian dối, tà ngụy, cảm vùi thiên tai, nhân họa. Trong ấy có cộng nghiệp và biệt nghiệp. Trong cộng nghiệp có biệt nghiệp, đại chúng tuy cùng sống trong đời ác, nhưng mỗi cá nhân cảm nhận họa phước khác nhau. Tây Phương Cực Lạc Thế Giới thuần thiện không ác, đều tu Tịnh nghiệp, tâm tịnh ắt cõi nước tịnh. Huống hồ còn có một vị tu giác chánh tịnh đến viên mãn rốt ráo là A Di Đà Phật chủ trì sự giáo hóa tại Tây Phương. Tâm chúng ta thanh tịnh cảm ứng đạo giao với “giác, chánh, tịnh” của Phật. cho nên hết thấy hoàn cảnh vật chất, hết thấy y báo và chánh báo là “giả thật”, bản thể của nó chính là tam thân và tứ đức của A Di Đà Phật, không có mảy may sai biệt nào! Chữ Giả chỉ vạn pháp được biến hiện, Thật chỉ tâm tánh Năng Biến.

“Tam thân” của A Di Đà Phật là Pháp Thân, Báo Thân, Ứng Hóa Thân. Nói theo Lý, Pháp Thân chính là chân tâm bản tánh. Nói theo mặt Sự thì là hết thấy vạn pháp. hết thấy vạn pháp đều là chính mình. Ý nghĩa này hết sức khó hiểu! Ví như nằm mộng, trong mộng có bản thân ta và núi, sông, đại địa, người, vật, hoàn toàn do cái tâm ý thức của ta biến hiện ra. Ngoài tâm không có pháp, hết thấy mọi thứ tồn tại trong Vũ Trụ chỉ là chính mình. Nếu

quý vị nhận biết điều này rõ ràng thì quý vị chúng được Pháp Thân. Sau khi chúng được Pháp Thân, sẽ thương yêu hết thảy mọi người, hết thảy chúng sanh là chính mình. cho nên yêu thương chúng sanh vô điều kiện. Đây gọi là “vô duyên đại từ”, “vô duyên” là vô điều kiện, từ bi là yêu thương. Yêu thương hết thảy chúng sanh tức là yêu thương chính mình. Báo Thân là trí huệ. Ứng Hóa Thân là Dụng, tức là dùng Ứng Hóa Thân để thực hành đại từ đại bi. Tam Thân là một Thể, Phật có đủ ba thân, chúng ta cũng có đủ ba thân, nhưng do mê nên không có trí huệ, Pháp Thân tuy ở trước mắt mà chẳng biết gì. Thân thể hiện thời của chúng ta là thân nghiệp báo.

“Tứ đức” là Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. “Thường” là bất sanh, bất diệt. Chúng ta đang mê, những gì ta cảm nhận đều là pháp sanh diệt. Chúng ta dùng cái tâm sanh diệt để quán sát Vũ Trụ nhân sinh nên hết thảy pháp đều là sanh diệt. Tâm Phật là chân tâm, chân tâm vô niệm, bất sanh bất diệt. Dùng chân tâm quán sát nhân sinh và Vũ Trụ thì đều là bất sanh bất diệt, thấy được chân tướng sự thật. Chúng ta định tâm lại, trừ bỏ vọng tưởng, chấp trước, sẽ thấy cảnh giới giống như Chư Phật, Bồ Tát đã nói. Hết thảy những cảnh giới mà Đức Phật đã nói, chúng ta đều có thể đích thân chứng đắc. Kinh Phật định nghĩa Ngã là “chủ tử”. Nếu chính mình có thể làm chủ tử

thì lẽ ra năm nào cũng là năm mười tám tuổi, tự tại chẳng cần phải nói nữa, trong cuộc sống vạn sự xúng tâm vừa ý. Hễ có một sự kiện nào chẳng vừa lòng tức là chẳng tự tại. Đến khi minh tâm kiến tánh thì mới thật sự được tự tại. “Lạc” là chân lạc, vĩnh viễn chẳng khổ, không có phiền não, vĩnh viễn thanh tịnh, quyết định chẳng bị ô nhiễm mây may nào. Trong Tây Phương, ai nấy đều viên mãn trọn đủ “Thường, Lạc, Ngã, Tịnh”. Nhìn lại chúng ta trong lục đạo, chẳng những con người không được tự tại mà Trời cũng chẳng hề tự tại! Phi Tướng Phi Phi Tướng Thiên thọ mạng tám vạn đại kiếp, khi hết tuổi thọ, lại phải đọa lạc. Do vậy, trong lục đạo không có Tứ Đức (Thường, Lạc, Ngã, Tịnh). Trong ấy, trọng yếu nhất là tinh nghĩa (nghĩa lý tinh vi) “chúng sanh và Phật chẳng hai”, bình đẳng với Phật. Bình đẳng về mặt Lý, mà về mặt Sự cũng bình đẳng. Hiện thời có một giả tướng bất bình đẳng là do mê hay ngộ khác nhau. Phật là giác, chúng ta là mê, trừ điều ấy ra, không có gì khác nhau. Do vậy, Phật tôn kính chúng sanh, vì Ngài biết chúng sanh và Phật trọn chẳng sai biệt, nhưng chúng sanh chẳng hoàn toàn cung kính Phật. Chúng sanh có kẻ ngạo nghễ, ngã mạn là vì họ chẳng hiểu rõ chân tướng sự thật, còn chúng ta phải tôn kính người khác. Người khác chẳng cung kính chúng ta là chuyện đương nhiên, vì họ chẳng hiểu rõ chân tướng sự thật. Chẳng tôn kính người khác chính là chẳng tôn kính chính mình, mà cũng là chẳng

tôn kính cha mẹ, sư trưởng, Phật, Bồ Tát, đặc biệt là đối với những Tôn Giáo khác! Ở Mỹ, tôi đã từng viếng thăm giáo đường của Thiên Chúa Giáo, Cơ Đốc Giáo. Vào giáo đường phải hành lễ. Tôn trọng họ, họ cũng hoan hỷ tiếp đón tôi. Thượng Đế của họ là thượng đế của tôi, Thượng Đế là quốc vương trong thiên giới. Đối với nguyên thủ của quốc gia khác, chúng ta cũng phải tôn kính, đây chính là lễ tiết. Nho Gia nói: “Kính quý thần nhi viễn chi” (Kính trọng quý thần, nhưng không thân cận họ). Do trước kia không hoàn toàn hiểu rõ ràng tình hình quý thần nên phải giữ khoảng cách đối với họ. Phật Pháp không có khoảng cách, quý thần cũng là chúng sanh, cũng là vật được biến hiện trong tâm. Do vậy, họ là chính mình. Ở đây nói: “Tức thị A Di Đà Phật, tam thân tứ đức, hào vô sai biệt dã” (Chính là A Di Đà Phật, ba thân, bốn đức, không sai biệt mảy may nào), cũng có nghĩa là tam thân, tứ đức của chính mình cũng chẳng có sai biệt mảy may nào! Nếu nói đến Thượng Đế thì tam thân, tứ đức của Thượng Đế cũng chẳng có mảy mai sai biệt nào. Trong tâm không có chút giới hạn nào, tâm lượng mở rộng đến tận cùng hư không, trọn khắp pháp giới. Tâm lượng rộng lớn sẽ vui sướng, khí lượng hẹp hòi thì đối với ý kiến trái ngược sẽ khởi lên xung đột, khổ chẳng thể nói nổi, đều do tự mình chuốc lấy, Phật chẳng hoạch định giới hạn đối với hết thảy chúng sanh, vạn vật. vì thế, “tâm bao thái hư, lượng châu sa giới”

(tâm bao trùm trọn khắp thái hư, lượng trọn khắp các cõi với số lượng nhiều như cát).

(Kinh) Xá Lợi Phất! Bỉ Phật quốc độ, vi phong xuy động, chư bảo hàng thụ, cập bảo la võng, xuất vi diệu âm, thí như bách thiên chủng nhạc, đồng thời câu tác. Văn thị âm giả, tự nhiên giai sanh niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng chi tâm.

(Giải) Tình dữ vô tình, đồng tuyên diệu pháp, tứ giáo đạo phẩm, vô lượng Pháp Môn, đồng thời diễn thuyết, tùy loại các giải, năng linh văn giả, niệm Tam Bảo dã. Niệm Tam Bảo, thị tùng Tất Đàn hoạch ích. Phạm phu sáng văn, đại dũng biến thân, thị hoan hỷ ích. Dữ Tam Bảo khí phận giao tiếp, tất năng phát Bồ Đề tâm, thị sanh thiện ích. Do thử phục diệt phiền não, thị phá ác ích. Ngộ chứng Nhất Thể Tam Bảo, thị nhập lý ích dã. Sơ biệt minh cảnh.

(Chánh Kinh: Này Xá Lợi Phất! Cõi nước Phật, gió nhẹ thổi động các hàng cây báu và màn lưới báu, phát ra âm thanh vi diệu, ví như trăm ngàn loại nhạc cùng lúc tấu lên. Kẻ nghe âm thanh ấy tự nhiên đều sanh tâm niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

Giải: Hữu tình và vô tình cùng tuyên diệu pháp, diệu pháp ấy chính là ba mươi bảy đạo phẩm của tứ giáo Tạng, Thông, Biệt, Viên, vô lượng Pháp Môn, cùng lúc diễn nói, tùy theo từng loài,

loài nào cũng hiểu, khiến cho người nghe niệm Tam Bảo. Niệm Tam Bảo là do bốn môn Tất Đàn mà được lợi ích. Phàm phu vừa nghe những pháp ấy, khắp thân rung động, là lợi ích hoan hỷ. Được tiếp xúc với khí phận Tam Bảo, ắt có thể phát Bồ Đề tâm, là lợi ích “sinh ra điều lành”. Do vậy, chế phục, diệt trừ phiền não, đây là lợi ích “phá ác”. Ngộ chứng Nhất Thế Tam Bảo là lợi ích “nhập Lý”. Phần giảng riêng thứ nhất tức phần giảng về sự trang nghiêm nơi y báo đã xong).

Nội dung của đoạn Kinh Văn này nói về hàng cây diễm nói pháp trong cõi Cực Lạc. Những con chim nói trong phần trước là loài hữu tình, trong đoạn này nói về loài vô tình. Trong Cực Lạc Thế Giới, hiện tượng này hết sức rõ rệt. Người nào cũng dễ dàng đạt được lợi ích do nghe pháp. Thật ra, sáu trần thuyết pháp thì Thế Giới Sa Bà cũng chẳng nằm ngoài lệ ấy, nhưng do hết thấy đại chúng căn tánh bé tấc, nhìn mà chẳng thấy, nghe mà chẳng nghe. Nếu là người căn tánh lạnh lợi thì có thể cảm nhận được. Như trong lịch sử, truyện ký đã chép, ông Tô Đông Pha ở Lô Sơn nghe tiếng nước chảy, làm thơ có câu rằng: “Khê thanh tiện thị quảng trường thiết, sơn sắc vô phi thanh tịnh thân” (Sắc núi khác gì thân thanh tịnh, tiếng suối chính là lưỡi rộng dài). Nghe khá có thiên vị. Từ các thứ âm thanh, hình sắc trong tự nhiên, người thông minh có

thể khai ngộ. Trong nhà Thiên có những người khai ngộ như vậy. Trong Tây Phương Thế Giới, những âm thanh phát ra từ hữu tình hay vô tình chúng sanh đều là giảng Kinh, thuyết pháp, thậm chí trong tâm chúng ta có nghi hoặc thì loài vô tình chúng sanh cũng có thể giải đáp cho chúng ta, lại còn đều là thuyết pháp thuần chánh, không sai lạc.

“Tình dữ vô tình, đồng tuyên diệu pháp” (Tình và vô tình cùng tuyên pháp nhiệm màu), Tình là động vật, Vô Tình là khoáng vật và thực vật. Tất cả hết thảy vạn vật đều có Tánh, hữu tình chúng sanh có Phật Tánh, còn vô tình chúng sanh có Pháp Tánh. Phật Tánh và Pháp Tánh là một. Vì là cùng một tánh nên hữu tình chúng sanh có thể thành Phật, mà vô tình chúng sanh cũng có thể thành Phật. Kinh Hoa Nghiêm dạy: “Tình và vô tình, cùng viên thành Chung Trí”. Trừ Đại Thừa Phật Pháp ra, trong các giáo pháp khác chưa từng nghe nói điều này. Trong Kinh, Đức Phật nói, hữu tình chúng sanh thành Phật, vô tình chúng sanh cũng liên đới thành Phật. Nhà Thiên nói: “Minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật”. Khi mê thì thấy là sắc tướng, khi đã giác ngộ thì từ Tướng có thể thấy được Tánh. “Tình và vô tình, cùng tuyên pháp nhiệm màu”. Pháp vốn là như vậy nên gọi là “diệu”, khiến cho hết thảy chúng sanh hễ tiếp xúc liền có thể minh tâm kiến tánh thì mới gọi là

“diệu”. Nội dung của diệu pháp được tuyên nói bởi hữu tình và vô tình chúng sanh là “tứ giáo đạo phẩm”. Tứ Giáo là Tạng, Thông, Biệt, Viên. “Đạo phẩm” là ba mươi bảy đạo phẩm, là tổng cương lĩnh của hết thầy Phật Pháp. Đạo phẩm là lý luận thuộc về Giải, còn Pháp Môn là phương pháp, thuộc về Hạnh. Cổ Nhân chia nội dung của Phật Pháp thành bốn loại lớn là Giáo, Lý, Hạnh, Quả. Diễn và nói cùng một lúc thì cũng là biểu diễn, nêu gương cho chúng ta thấy.

“Tùy loại các giải”, có người muốn nghe Hoa Nghiêm, có người muốn nghe Pháp Hoa, mỗi người đều được nghe pháp xứng với ý nguyện, đây thật là màu nhiệm chẳng thể nói được. Tại Tây Phương Thế Giới, trong hết thầy thời, hết thầy chỗ, vô lượng Kinh, Luận, Pháp Môn đều được loài hữu tình và vô tình tuyên giảng cho hành giả, không chỉ tuyên giảng mà còn biểu diễn. Trong Kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử tham học năm mươi ba lượt chính là biểu diễn. Năm mươi ba vị thiện tri thức hằng ngày xử thế, đãi người, tiếp vật, đem những lý luận, cảnh giới trong Kinh Điển biến thành hành vi sinh hoạt của chính mình. Đủ thấy Kinh chẳng ở trong sách vở mà nằm trong cuộc sống của chúng ta. Phải biến lý luận, giáo huấn, cảnh giới trong Kinh thành hành vi sinh hoạt của chính mình. Do vậy, Phật Pháp coi trọng Hạnh và Quả, Quả là sự

hưởng thụ. Ngày nay nói đến sự tu học của mỗi cá nhân, gia đình mỹ mãn, xã hội hài hòa, quốc gia giàu mạnh, Thế Giới hòa bình đều thuộc về Quả. Nếu tu học chẳng đạt kết quả thì sẽ biến thành huyễn học (học tập hư huyễn). Phật Pháp giúp cho con người lý giải chánh xác chân tướng của nhân sinh và Vũ Trụ, đối với hết thảy vạn pháp quyết định chẳng mê, ban cho nhân loại sự hưởng thụ tối cao.

“Năng linh văn giả, niệm Tam Bảo dã” (Có thể làm cho người nghe niệm Tam Bảo): Chữ Niệm này chính là “kim tâm” (cái tâm hiện tại), ngụ ý cái tâm hiện tại là “giác, chánh, tịnh”. Chân tâm bản tánh toàn thể hiển lộ thì gọi là Quả Đức. Trong Kinh thường nói người học Phật thì điều thứ nhất là phải hiểu rõ nhân duyên, quả báo. Người ta chỉ mong đạt được quả báo tốt mà chẳng tu nhân, làm sao đạt được? Phú quý là quả báo, nhân và duyên của nó đều là bố thí. Trong đời quá khứ, hành bố thí là nhân, đời này có của cải, tiếp tục hành bố thí là duyên. Vì thế, đời sau ắt được phú quý. Đối với tình huống của việc làm ác thì cứ theo đó mà suy. Trong cửa nhà Phật, hễ cầu ắt ứng. A Di Đà Phật sáng tạo Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, phàm ai sanh về Tây Phương thì hết thảy thụ dụng tự nhiên đầy đủ, đấy là Tài Bố Thí. Tây Phương là Thế Giới bình đẳng, sáu trần thuyết pháp cũng là bình đẳng phổ

biển, đây là Pháp Bồ Thí. A Di Đà Phật tiếp dẫn hết thầy chúng sanh niệm Phật trong Mười Phương Thế Giới Vãng Sanh, giúp họ phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui, đây là Vô Úy Bồ Thí. Do Tài, Pháp, Vô Úy ba thứ bồ thí đều viên mãn bày ra trước mặt chúng ta khiến cho người ta phải khoa chân múa tay. Chưa đến Tây Phương, chưa nghe nói qua, đến rồi ắt sẽ đích thân tự thấy.

“Dữ Tam Bảo khí phận giao tiếp” (tiếp xúc với khí phận của Tam Bảo), chữ Tam Bảo ở đây chỉ cho Tự Tánh Tam Bảo, tức “giác, chánh, tịnh”, trong tâm giác ngộ, chánh tri, chánh kiến trong mỗi niệm. Nói theo cách bây giờ là tư tưởng, kiến giải thuần chánh, hoàn toàn tương ứng với sự thật, thân tâm thanh tịnh. Thời khắc ấy chính là Bồ Đề tâm, mà cũng là giác chứ không mê. Giác cũng có mức độ khác nhau, mức giác ngộ lớn nhất là thật sự thấy rõ ràng Thế Giới này. Đức Phật nói Thế Giới này khổ, không, vô thường. Nếu chẳng giác ngộ, đời đời kiếp kiếp nhất định chịu khổ, lại còn càng lúc càng tệ hơn. Người giác ngộ khác hẳn người chưa giác ngộ. Kẻ chưa giác ngộ mê nơi cảnh giới, luân hồi trong sanh tử. Người giác ngộ tu đạo, thoát lìa con đường “khổ, không, vô thường”. Các học thuyết, khoa học, kỹ thuật, Tôn Giáo trên Thế Giới đều nhằm tìm ra con đường này. Nếu họ đã có thể giải quyết vấn đề thì Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng cần phải đa sự đến thế gian

này. Do người đời không tìm được con đường thoát khổ nên Phật Thích Ca mới giáng thế. Chúng ta cần phải tỉnh ngộ, nhận biết đời người rốt cuộc rỗng tuếch, sanh tử luân hồi chẳng ngừng nghỉ. Người giác ngộ lo toan cho cuộc đời mai sau. Đức Phật nói rất nhiều Kinh Luận Đại Thừa đều nhằm giúp chúng ta giải quyết vấn đề này. Nhưng lý luận và phương pháp trong các Kinh Luận khó, dễ khác nhau. Từ vô thủy kiếp đến nay, tập khí, căn tánh, hoàn cảnh sống, bối cảnh thời đại của chúng ta khác nhau. Vì thế, phương pháp tu hành chẳng thích hợp cá tánh của chúng ta thì đời này nhất định bị luống uổng, chỉ có một biện pháp là niệm Phật. Từ xưa nay, rất nhiều vị Cao Tăng, Đại Đức nghiên cứu, tu học Kinh Giáo Đại Thừa trong một thời gian rất dài, đến cuối cùng quay về Pháp Môn Niệm Phật này, bỏ hết những Pháp Môn khác, gần như không có một vị nào chẳng thành tựu.

“Do thử phục diệt phiền não, thị phá ác ích” (do vậy, chế phục, diệt trừ phiền não, là lợi ích “phá ác”). “Phục” (chế phục, khuất phục) là công phu đầu tiên. Phiền não tuy có, nhưng chẳng khởi tác dụng. “Sự nhất tâm” là chế phục phiền não, “Lý nhất tâm” là diệt phiền não. Sự nhất tâm bất loạn thì Vãng Sanh cõi Phạm Thánh Đồng Cư và cõi Phương Tiện Hữu Dư. Lý nhất tâm là sanh về cõi Thật Báo Trang Nghiêm và cõi Thường Tịch Quang. Tuy

chia ra giai đoạn như vậy, nhưng bốn cõi của Tây Phương được xếp thành hàng ngang, chẳng bị chướng ngại, hễ sanh về một cõi sẽ sanh về hết thảy cõi. Đây chính là cảnh giới đặc biệt thù thắng nhất của Tịnh Độ. Niệm Phật cố nhiên là công phu trực tiếp, nhưng trong phương diện hành trì thường ngày, trong mỗi niệm đều mong giúp đỡ chúng sanh. Những gì thuộc vào khả năng của ta thì hãy tận hết sức thực hiện. Thấy chúng sanh trong Thế Giới này cần gì, chúng ta tận tâm tận lực góp sức một tay.

Nước Anh có một nhà sử học kiêm triết gia tên là Thang Ân Tử (Arnold Joseph Toynbee) có lần mở hội nghị quốc tế tại Âu Châu vào hai mươi hay ba mươi năm trước, nhằm diễn giảng học thuật. Ông ta nói thẳng thừng: “Trong tương lai, nếu muốn Thế Giới thật sự đạt đến hòa bình thì chỉ có học thuyết Nho gia của Trung Quốc và Đại Thừa Phật Pháp mới có thể đảm nhận trách nhiệm ấy”. Mấy câu nói này khiến lòng người rúng động. Khi ấy, chủ giáo Vu Bân cũng tham dự hội nghị, ông ta trở về Đài Loan đề xướng cúng tế Tổ Tiên là do chịu ảnh hưởng từ bài diễn thuyết của Thang Ân Tử. Vị Giáo Hoàng tiền nhiệm của Thiên Chúa Giáo vào lúc tuổi già cũng thường đặc biệt ra lệnh cho các giáo khu phải tăng cường quan hệ với Phật Giáo, nghiên cứu Kinh Điển Phật Giáo. Chủ Giáo Vu Bân sáng lập Sở Nghiên Cứu Đời Sống Tinh

Thần Châu Á tại Đài Loan, do Giám Mục Đoàn Á Châu chủ trì, đặt tại tu viện Đa Mã Tư (Thomas) ở phía sau đại học Phụ Nhân. Nhiều năm trước, họ có mời tôi đến giảng về đời sống tinh thần Phật Giáo. Tôi cùng các linh mục, nữ tu (soeur, sister) rất thuận thảo.

“Ngộ chứng Nhất Thể Tam Bảo, thị nhập lý ích dã” (Ngộ chứng Nhất Thể Tam Bảo là lợi ích “nhập Lý”). “Ngộ chứng Nhất Thể Tam Bảo” là thành Phật. Đây chính là mục tiêu cuối cùng, điều này cần phải thật sự ngộ nhập pháp giới là một Thể, trong Phật môn gọi là “thành Phật”, tức là thành tựu trí huệ viên mãn, không thiếu khuyết mảy may nào!

(Kinh) Xá Lợi Phất! Kỳ Phật quốc độ, thành tựu như thị công đức trang nghiêm.

(Giải) Trùng trùng kết thị, linh thâm tín nhất thiết trang nghiêm, giai Đạo Sư nguyện hạnh sở thành, Chứng Trí sở hiện, giai ngô nhân tịnh nghiệp sở cảm. Duy Thức sở biến, Phật tâm, sanh tâm, hõ vi ảnh chất. Như chúng đấng minh, các biến tự nhất. Toàn Lý thành Sự, toàn Sự tức Lý, toàn Tánh khởi Tu, toàn Tu tại Tánh, diệc khả thâm trường tư hỹ.

(Chánh Kinh: Này Xá Lợi Phất! Cõi nước Phật ấy thành tựu công đức trang nghiêm như thế đó.

Giải: Nhiều phen kết lại lời dạy, nhằm làm cho người nghe Kinh tin tưởng sâu xa rằng hết thảy các sự trang nghiêm đều là do nguyện hạnh của đấng Đạo Sư tạo thành, do Chứng Trí hiện ra, đều là do tịnh nghiệp của chúng ta chiêu cảm. Chỉ do Thức biến, tâm Phật và tâm chúng sanh làm bản chất và hình bóng cho nhau. Như ánh sáng của các ngọn đèn, ánh sáng của mỗi ngọn đều trọn khắp giống như chỉ có một ngọn đèn. Toàn thể Lý biến thành Sự, toàn thể Sự tức là Lý, dùng toàn thể Tánh để tu tập, hoàn toàn tu hành nơi Tánh, cũng nên suy nghĩ sâu xa điều này vậy).

Trong nhà Phật, danh xưng “Đạo Sư” (bậc thầy chỉ đường) nhằm tôn xưng Đức Phật, còn gọi là Bổn Sư. ở đây, chữ “Đạo Sư” chỉ A Di Đà Phật. Hết thảy sự trang nghiêm trong Thế Giới Cực Lạc là do đại nguyện đại hạnh của A Di Đà Phật thành tựu. “Chứng Trí sở hiện”: Nói rõ nguyên do có thành tựu vĩ đại như vậy chính là do Nhất Thiết Chứng Trí hiện ra. Phật Pháp nói có ba loại trí: Thứ nhất là Nhất Thiết Trí, thứ hai là Đạo Chứng Trí, thứ ba là Nhất Thiết Chứng Trí. Nhất Thiết Trí là biết bản thể của vạn pháp trong Vũ Trụ, Thể là không, Tướng là có. Chữ Chứng trong Đạo Chứng Trí có nghĩa là “các thứ” hiện tượng vô lượng vô biên, Đạo là đạo lý. Vạn hữu trong Vũ Trụ, sâm la vạn tượng, phát sanh theo đạo lý nào, quá trình phát triển của chúng như thế nào, hoàn toàn hiểu rõ

chánh xác những sự ấy thì là Đạo Chứng Trí. Đạo Chứng Trí là biết Hữu. Loại thứ ba viên mãn nhất là Nhất Thiết Chứng Trí. Hai loại trí trước đó mà đạt đến rốt ráo viên mãn thì gọi là Nhất Thiết Chứng Trí. Như vậy, hết thảy sự trang nghiêm ấy chính là do trí huệ rốt ráo viên mãn nơi quả địa Như Lai tạo thành, mà cũng là do Nhất Thiết Chứng Trí của A Di Đà Phật hiện ra. “Giai ngô nhân tịnh nghiệp sở cảm, duy thức sở biến” (đều do tịnh nghiệp của chúng ta chiêu cảm, chỉ là do thức biến): Thế Giới Cực Lạc do A Di Đà Phật tạo ra, sau khi chúng ta đến đó cũng sẽ tăng thêm một phần rực rỡ cho A Di Đà Phật, vì tâm tánh của chúng ta và tâm tánh của A Di Đà Phật là một chứ không phải hai. Vì thế gọi là “tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ”. A Di Đà Phật đã hết phiền não, trí huệ trọn đủ. Tuy chúng ta là phàm phu, nhưng ngày nay tu bằng cái tâm thanh tịnh, hễ tâm tịnh thì cõi nước tịnh. Do vậy, “giác, chánh, tịnh” là ba cửa ngõ trong Phật Giáo. Thiền Tông do cửa Giác mà vào, ắt phải đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh thì mới được kể là có thành tựu. Các tông phái ngoài Thiền Tông được gọi là Giáo Hạ, từ chánh tri chánh kiến mà tu tập, nương theo lý luận và phương pháp trong Kinh Luận để sửa đổi cách nhìn và cách nghĩ sai lầm của chính mình đối với Vũ Trụ, nhân sinh. Giáo Hạ do cửa Chánh mà vào. Tịnh Tông và Mật Tông là dùng tâm thanh tịnh

đề tu tập, do cửa Tịnh mà vào. Đây chính là một nhưng mà ba, tuy ba mà một. Hễ đạt được một thứ thì hai thứ kia cũng đều đạt được.

Người tu Tịnh Độ chú trọng tâm thanh tịnh nên sự tu tập của họ được gọi là “tịnh nghiệp”. Tịnh Tông chỉ có một câu Phật hiệu, ngoài câu ấy ra, không có gì cả. Kể đến là Trợ Duyên, niệm niệm tuyệt đối chẳng nghĩ đến chính mình. Trên thực tế, không có chính mình, hết thấy vô thường. Không chỉ vật ngoài thân chẳng có được thứ gì, mà ngay cả thân thể của chính mình cũng chẳng thể được. Do vậy, khởi tâm động niệm, hết thấy hành vi đều vì đại chúng, dùng hết thấy năng lực giúp đỡ đại chúng là khổ được vui. Nếu vì chính mình, ắt sẽ có được, mất, thành, bại. hễ có lòng mong muốn, ắt có phiền não. Làm như vậy, tuy chẳng thể vĩ đại bằng A Di Đà Phật, nhưng nguyện hạnh của chúng ta là vì hết thấy chúng sanh, khí phận tương tự như A Di Đà Phật, quả thật là do Tịnh nghiệp cảm thành. Đương nhiên, Tây Phương Thế Giới được tạo thành bởi các nguyện của A Di Đà Phật, do Chủng Trí hiện, nhưng cũng có quan hệ mật thiết với chúng ta. A Di Đà Phật là do Chủng Trí hiện, còn chúng ta là do Thức biến. Khi mê thì gọi là Thức, hễ ngộ thì Thức biến thành Trí.

“Phật tâm, sanh tâm, hõ vi ảnh chất” (Tâm Phật và tâm chúng sanh làm bản chất và hình bóng cho nhau): Điều này được gọi là

“cảm ứng đạo giao”. Phật tâm là Trí viên mãn. Tuy tâm chúng ta là Thức, nhưng đã bắt đầu giác ngộ, chứ không hoàn toàn là Thức. Lại còn hoan hỷ tiếp nhận Pháp Môn Niệm Phật, tuy chưa hoàn toàn biến thành Trí. Trí của Phật là bản chất, còn Trí của chúng ta còn kèm theo Thức thì là “ảnh” (bóng dáng), giống như bóng dáng của ngọn đèn. Ví như nhiều ngọn đèn thắp trong cùng một căn phòng, chiếu sáng lẫn nhau. Quang minh của A Di Đà Phật chiếu khắp pháp giới, một tí ánh sáng như đom đóm của chúng ta cũng chiếu khắp pháp giới.

“Toàn thể Lý biến thành Sự, toàn thể Sự tức là Lý”: Y báo và chánh báo trang nghiêm trong Tây Phương Thế Giới là Sự. Sự nhất định phải có Lý, Lý là tâm tánh, chỉ do Tâm biến, chỉ do Thức hiện. “Chủng Trí sở hiện” (do Chủng Trí hiện): Chủng Trí là chân tâm bản tánh, chúng đặc viên mãn chân tâm bản tánh thì là Chủng Trí, đó là Lý. “Toàn thể Lý biến thành Sự”: Biến thành y báo, chánh báo trang nghiêm, sáu trần thuyết pháp trong Tây Phương Thế Giới. “Toàn thể Sự tức là Lý”, thay đổi chữ thì Lý là Tánh, Sự là Tướng. Toàn thể Tánh chính là Tướng, toàn thể Tướng chính là Tánh, Tánh và Tướng không hai, Lý và Sự giống hệt nhau. Đây chính là điều được hiện bởi Nhất Thiết Chủng Trí.

“Toàn thể Tánh khởi Tu, hoàn toàn Tu nơi Tánh”: Hiện thời Chánh Trợ Song Tu chính là dựa trên lý luận trong hai câu nói này, dùng phương pháp Niệm Phật để tu “giác, chánh, tịnh”, lấy tịnh làm chủ. Một nhưng ba, ba nhưng một. Dùng tâm thanh tịnh, tâm chân thành giúp đỡ hết thảy chúng sanh, xử thế, đãi người, tiếp vật chân thành, cung kính là Trợ Tu. Chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối niệm Phật, xử thế, đãi người, tiếp vật đều là Tánh Đức lưu lộ ra bên ngoài. Cuối cùng, Tổ bảo chúng hãy suy nghĩ sâu xa, cặn kẽ những điều Ngài vừa giảng.

(Giải) Nại hà, ly thử Tịnh Độ, biệt đàm duy tâm Tịnh Độ, cam đoạ thử tức điều không chi tiểu dã tai. Sơ y báo diệu cánh.

(Giải: Hiềm rằng, lìa khỏi cõi Tịnh Độ này thì đừng bàn đến “duy tâm Tịnh Độ” nữa, cam lòng bị chê cười là “thử tức, điều không” vậy thay! Phần thứ nhất trong Chánh Tông Phần giảng về sự mâu nhiệm nơi y báo đến đây là hết).

Đây chính là lời Đại Sư cảm thán. Trong nhà Phật có những kẻ chẳng biết chân tướng sự thật. Đối với “duy tâm Tịnh Độ, tự tánh Di Đà” hoàn toàn chẳng mảy mòi phần minh bạch, chỉ hiểu biết nửa vời, ham cao chuộng xa, ném niệm Phật cầu sanh Tây Phương qua một bên, chẳng chịu sốt sắng tu học mà chỉ bàn xuông “duy tâm Tịnh Độ”, cam lòng đoạ lạc. Câu ví “giống như chuột rúc”, tỷ

dụ chẳng biết Diệu Hữu. Chim kêu trên không, tử dụ chẳng biết diệu lý Chân Không, đều là hạng chẳng thấu hiểu sát sao thực tế. Chữ Tiểu đọc giống như âm Khiêu, có nghĩa là chê cười.

(Kinh) Xá Lợi Phất! Ư nhữ ý vân hà? Bỉ Phật hà cố, hiệu A Di Đà?

(Giải) Thử Kinh đích thị trì danh diệu hạnh, cố đặc trưng thích danh hiệu, dục nhân thâm tín, vạn đức hồng danh bất khả tư nghị, nhất tâm chấp trì, vô phục nghi ngại dã. A Di Đà, chánh phiên “vô lượng”, bổn bất khả thuyết. Bổn Sư dĩ Quang, Thọ nhị nghĩa, thâm tận nhất thiết vô lượng. Quang tắc hoành biến thập phương, Thọ tắc thụ cùng tam tế. Hoành thụ giao triệt, tức Pháp Giới Thể. Cử thử Thể tác Di Đà thân độ, diệt tức cử thử Thể tác Di Đà danh hiệu. Thị cố, Di Đà danh hiệu, tức chúng sanh bổn giác lý tánh. Trì danh, tức Thử Giác hợp Bổn. Thử Bổn bất nhị, sanh Phật bất nhị. Cố nhất niệm tương ứng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật dã.

(Chánh Kinh: Này Xá Lợi Phất! Ý ông nghĩ sao? Vì sao Đức Phật ấy hiệu là A Di Đà?

Giải: Đây là Kinh nêu bày đích xác diệu hạnh trì danh, nên đặc biệt gạn hỏi và giải thích danh hiệu, muốn cho người ta tin tưởng sâu xa vào vạn đức hồng danh chẳng thể nghĩ bàn, một lòng

chấp trì không còn nghi ngờ. A Di Đà Phật, dịch đúng nghĩa là “vô lượng”, vốn chẳng thể nói được. Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật dùng hai nghĩa Quang và Thọ để gồm thâu trọn hết thảy những điều vô lượng. Quang theo chiều ngang trọn khắp mười phương, Thọ theo chiều dọc cùng tột ba đời. Ngang dọc đan xen vào nhau thấu suốt cùng tận, đây chính là Thể của pháp giới. Nêu ra cái Thể này để làm thân và cõi nước của A Di Đà Phật, mà cũng là nêu ra cái Thể nhằm tạo nên danh hiệu A Di Đà. Vì vậy, danh hiệu Di Đà chính là Bốn Giác lý tánh của chúng sanh. Trì danh chính là Thủ Giác hợp với Bốn Giác. Thủ Giác và Bốn Giác chẳng hai, chúng sanh và Phật chẳng hai. Vì thế, một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật).

Trong Kinh này, Đức Phật đặc biệt chỉ dạy diệu hạnh trì danh cho chúng sanh, nên nêu ra câu hỏi danh hiệu A Di Đà Phật rất ráo rầu nhiệm ở chỗ nào?

1) Thứ nhất, chỉ cần niệm một câu Phật hiệu, hết sức đơn giản. Tám vạn bốn ngàn Pháp Môn chẳng có pháp nào dễ dàng như vậy. Một câu Phật hiệu có thể làm cho con người vượt thoát tam giới, liễu sanh tử, ra khỏi luân hồi theo chiều ngang, giải quyết xong chuyện sanh tử, thoát luân hồi.

2) Thứ hai, Kinh này và Kinh Vô Lượng Thọ đều nói: Lâm chung mười niệm hay một niệm đều được Vãng Sanh. Đây chính là chỗ kỳ diệu hết sức thù thắng.

3) Thứ ba, chỉ cần Vãng Sanh thì liền viên chứng ba thứ Bất Thoái. Nếu chỉ nói đến ba thứ Bất Thoái thì chính là bậc Bồ Tát Sơ Trụ trong Viên Giáo hoặc bậc Sơ Địa Bồ Tát trong Biệt Giáo. Chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái thì nếu không là Đẳng Giác Bồ Tát thì cũng phải là Pháp Vân Địa Bồ Tát (Thập Địa Bồ Tát trong Viên Giáo). Người tu hành thông thường để đạt đến địa vị này, nếu tính từ lúc chứng được Sơ Quả Tu Đà Hoàn trong Tiểu Thừa thì phải mất ba đại A tăng kỳ kiếp mới có thể viên chứng ba thứ Bất Thoái. Điều này (tức hành nhân đời nghiệp Vãng Sanh Tịnh Độ liền viên chứng ba thứ Bất Thoái) thật khó tin. Nếu hỏi vì sao chỉ niệm Phật mấy tiếng lại có thể viên chứng ba thứ Bất Thoái? Câu trả lời là: Do danh hiệu có công đức chẳng thể nghĩ bàn! Đức Phật gạn hỏi rồi giải thích ý nghĩa danh hiệu A Di Đà Phật là muốn làm cho con người tin tưởng sâu vạn đức hồng danh chẳng thể nghĩ bàn rồi nhất tâm chấp trì, không còn nghi ngờ nữa. Trong một đời này, chúng ta may mắn gặp được Pháp Môn này, nhưng có được Vãng Sanh hay không, mấu chốt là có thể nghiêm túc tuân thủ lời răn

dạy “nhất tâm trì danh, không còn nghi ngờ” hay không. Nếu làm được như vậy thì không một ai chẳng Vãng Sanh!

A Di Đà (Amitābha) là tiếng Phạn, dịch nghĩa chánh yếu là Vô Lượng. A dịch là Vô, Di Đà (Mitā) dịch là Lượng. Vô lượng vốn chẳng thể nói được. Phật Thích Ca dùng hai nghĩa Quang và Thọ để thâm tóm trọn hết thảy vô lượng. Đức Phật chỉ nói hai thứ: “Quang thì theo chiều ngang trọn khắp Mười Phương, Thọ thì theo chiều dọc tốt cùng ba đời”. Điều này giống như hiện thời ta nói là “không gian và thời gian”, nhưng hai chữ Quang và Thọ hay hơn chữ thời gian và không gian, nhất là chữ Thọ. Trong hết thảy vô lượng, Thọ là bậc nhất. Nếu có vô lượng của cải, tài sản, nhưng không có thọ mạng thì của cải, tài sản cũng thành vô ích. Toàn thể Vũ Trụ chính là Pháp Giới Thể, hai chữ Quang và Thọ đủ để đại diện cho toàn thể Vũ Trụ. Từ đây, ta có thể thấu hiểu sự vĩ đại của Tây Phương Cực Lạc Thế Giới: Thân và cõi chẳng hai, Sắc và Tâm giống hệt như một. A Di Đà nương vào toàn thể pháp giới mà khởi. Niệm một câu A Di Đà Phật chính là niệm toàn thể pháp giới. Có những đồng tu hỏi tôi: “Trước nay, con từng niệm chú Đại Bi, Tâm Kinh, phẩm Phổ Môn, và mười chú nhỏ. Nếu bây giờ chuyên niệm thánh hiệu A Di Đà Phật, há các vị Bồ Tát khác chẳng trách tội ư?” Thứ tâm thái này chính là xem chư Bồ Tát như phạm phu, quả thật

đại bất kính! Hiện thời chúng ta hiểu rõ, một câu Phật hiệu vốn không gì chẳng bao gồm. Kinh Hoa Nghiêm nói: “Tình và vô tình, cùng viên mãn Chứng Trí”. Chúng sanh và Phật có cùng một Lý Tánh, Lý là Lý Thể, Tánh là Chân Như bốn tánh. Lý Thể chính là toàn thể pháp giới mà cũng là A Di Đà Phật, cũng là Chư Phật Như Lai, cũng là hết thảy chúng sanh, cũng là chính bản thân ta. Sự thật đúng thực, niệm một câu Phật hiệu cũng chính là niệm Chân Như bốn tánh của chính mình. Bát Luạn Kinh chú nào cũng đều nằm trong một câu Phật hiệu.

“Trì danh, tức Thỉ Giác hợp Bốn” (Trì danh chính là Thỉ Giác hợp với Bốn Giác): Khởi lên một niệm, niệm A Di Đà Phật chính là Thỉ Giác. Một câu danh hiệu A Di Đà Phật chính là Bốn Giác. Bốn Giác chính là Chân Như bốn tánh. Thỉ Giác hợp với Bốn Giác chính là chân thật tu hành.

“Thỉ Bốn bất nhị, sanh Phật bất nhị, cố nhất niệm tương ứng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật” (Thỉ Giác và Bốn Giác chẳng hai, chúng sanh và Phật chẳng hai, nên một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật). “Tương ứng” là tương ứng với Lý, tương ứng với sự thật, tương ứng với toàn thể pháp giới. Đức hiệu của toàn thể pháp giới là A Di Đà Phật, niệm niệm lay tỉnh chính mình “hãy hợp làm một

với pháp giới, hợp làm một với hết thảy Chư Phật Như Lai, hợp làm một với hết thảy chúng sanh”. Đây là tương ứng.

Trong đoạn trước, có nói tới “khí phận”, chẳng hạn như A Di Đà Phật từ bi, tâm địa của chúng ta cũng từ bi, liền tương ứng với khí phận từ bi của A Di Đà Phật. Hôm nay, qua đoạn Kinh Văn này, ta thật sự hiểu rõ, quý vị tương ứng với khí phận của A Di Đà Phật. Do Thử Giác và Bỏ Giác chẳng hai, Tánh và Tướng như một, chúng sanh và Phật chẳng hai, Lý và Sự như một, nên khi niệm Phật, thấu hiểu, khế nhập cảnh giới này thì gọi là “đã đạt được khí phận của Phật”. Nếu hiểu rõ Lý thì nghi hoặc sẽ đoạn, đây là chân tín, so với chánh tín lại cao hơn một tầng. Đây là khế nhập khí phận của Phật.

(Kinh) Xá Lợi Phát! Bỉ Phật quang minh vô lượng, chiếu thập phương quốc, vô sở chướng ngại. Thị cố hiệu vi A Di Đà Phật.

(Chánh Kinh: Này Xá Lợi Phát! Đức Phật ấy quang minh vô lượng, chiếu mười phương cõi nước không bị chướng ngại. Do vậy, Ngài có hiệu là A Di Đà Phật).

Hai đoạn Kinh Văn tiếp theo là từ trong hết thảy vô lượng, nêu ra hai món cương lĩnh, một là Quang, hai là Thọ. Quang minh là trí huệ, mà cũng là vô lượng trí huệ vốn có sẵn trong tự tánh.

Đức Phật tiêu trừ sạch sành sanh hết thảy nghiệp chướng, cho nên tánh đức tỏ lộ viên mãn. Trên mặt Tướng, chính là quang minh chiếu khắp tột hư không, trọn pháp giới, không đâu chẳng chiếu tới. Quang minh ấy có công năng gia trì nhiếp thọ, có thể giúp chúng ta trừ sạch nghiệp chướng, khơi mở trí huệ. Nhưng chúng ta phải có Thủ Giác thì mới được Phật gia trì. Nếu chẳng tương ứng trọn vẹn, dù Phật quang chiếu khắp, nhưng vì ta có chướng ngại, cự tuyệt, chê trách, nên chúng ta chẳng thể hưởng công năng gia trì của Phật. Nhất tâm xưng niệm, nghiệp chướng nhất định ngày một tiêu trừ, trí huệ ngày một tăng trưởng, tâm địa thanh tịnh. Đây là một dạng tương ứng vậy.

(Giải) Tâm tánh tịch nhi thường chiếu, cố vi quang minh. Kim triệt chứng tâm tánh vô lượng chi Thể, cố quang minh vô lượng dã. Chư Phật giai triệt tánh thể, giai chiếu thập phương, giai khả danh Vô Lượng Quang, nhi nhân trung nguyện lực bất đồng, tùy nhân duyên lập biệt danh. Di Đà vi Pháp Tạng Tỳ Kheo, phát tứ thập bát nguyện, hữu “quang minh hằng chiếu thập phương” chi nguyện. Kim quả thành như nguyện dã. Pháp Thân quang minh vô phân tế. Báo Thân quang minh xưng chân tánh. Thủ tắc Phật Phật đạo đồng. Ứng Thân quang minh hữu chiếu nhất do tuần giả, thập, bách, thiên do tuần giả, nhất Thế

Giới, thập, bách, thiên Thế Giới giả. Duy A Di phổ chiếu, cố biệt danh Vô Lượng Quang. Nhiên tam thân bất nhất bất dị, vị linh chúng sanh đắc tứ ích, cố tác thứ phân biệt nhĩ. Đương tri vô chướng ngại, ước nhân dân ngôn. Do chúng sanh dữ Phật duyên thâm, cố Phật quang áo xứ. Nhất thiết thế gian, vô bất viên kiến dã.

(Giải: Tâm tánh tịch mà thường chiếu nên gọi là quang minh. Nay chứng thấu triệt cái Thể vô lượng của tâm tánh nên quang minh vô lượng. Chư Phật đều chứng thấu triệt tánh thể, quang minh đều chiếu Mười Phương, đều có thể gọi là Vô Lượng Quang. Nhưng trong lúc tu nhân nguyện lực khác nhau, tùy theo nhân duyên mà lập danh hiệu sai khác. A Di Đà Phật khi còn là Tỳ Kheo Pháp Tạng phát ra bốn mươi tám nguyện, trong số ấy có nguyện “Quang minh luôn chiếu Mười Phương”. Nay thật sự thành tựu đúng như lời nguyện. Pháp Thân quang minh không ngăn mé. Báo Thân quang minh xứng hợp chân tánh. Đây chính là điều Chư Phật vị nào cũng giống nhau. Quang minh nơi Ứng Thân thì có vị chiếu một do tuần, mười, trăm, ngàn do tuần, một Thế Giới, trăm, mười, ngàn Thế Giới, chỉ có A Di Đà Phật quang minh chiếu trọn khắp, nên đặc biệt có tên là Vô Lượng Quang. Nhưng ba thân chẳng một, chẳng khác, nhằm làm cho chúng sanh đạt được bốn

thứ lợi ích nên phân biệt như vậy mà thôi! Hãy nên biết rằng: “Không chướng ngại” là dựa theo phía nhân dân mà nói. Do chúng sanh có duyên sâu với Phật nên Phật quang chiếu khắp mọi nơi, hết thảy thế gian không đâu chẳng thấy trọn vẹn).

Tâm tánh vốn tịch tĩnh, tịch là Định, “tĩnh” nghĩa là thanh tịnh, tác dụng của nó là Chiếu. Luận trên bốn tánh thì hết thảy Chư Phật Như Lai đều đạt đến tịch tĩnh viên mãn rốt ráo. Đẳng Giác Bồ Tát còn có một phẩm sanh tướng vô minh chưa phá. Phá được một phẩm vô minh này rồi thì sẽ gọi là “tịch tĩnh”. Tịch tĩnh là cảnh giới trên quả địa của Như Lai, cũng chia thành ba phẩm Thượng, Trung, Hạ. Thượng Phẩm là chân thanh tịnh, là cảnh giới của Phật, chẳng nhiễm mảy trần. Trung Phẩm là Đẳng Giác Bồ Tát, còn có một phẩm vô minh. Hạ Phẩm là Pháp Vân Địa Bồ Tát, còn có hai phẩm vô minh. Thượng Phẩm hoàn toàn thanh tịnh, quang minh viên mãn chiếu trọn khắp, chứng thấu triệt bản thể vô lượng của tâm tánh. Nếu xét theo Kinh Nhân Vương giảng về địa vị Ngũ Nhãn của Bồ Tát thì Thượng Phẩm là Tịch Diệt Nhãn, khởi ra đại dụng là quang minh vô lượng chiếu trọn khắp mười phương. Quang minh của Đức Phật đã chiếu khắp Mười Phương nhưng vì sao ta chẳng hề cảm nhận thấy? Vấn đề này chẳng phải do lỗi Phật, mà là do chính mình. Trong ấy, chẳng tin là chướng ngại lớn nhất!

Hoàn toàn mê hoặc chân tướng sự thật, dẫu đại thánh đại hiền đã giảng giải vẫn chẳng tiếp nhận. Nếu tin sâu chẳng nghi, thật thà niệm Phật thì sẽ có thể tương ứng, mà cũng có thể tiếp nhận Phật lực gia trì.

Hết thầy Chư Phật đều là vô lượng quang, vô lượng thọ. Khi tu nhân, mỗi vị học Phật có nguyện lực khác nhau, mục đích ở chỗ nào, mong sẽ đạt được gì trong tương lai, mỗi người cũng khác nhau. Trên quả địa, tuy đức năng, trí huệ hoàn toàn giống nhau, nhưng nhân duyên độ sanh khác nhau. Sự tu hành của hết thầy Chư Phật khi đang tu nhân, trong các Kinh Đại Tiểu Thừa, Đức Phật đã nói quá nhiều. Nếu so sánh thì quả thật khi tu nhân, A Di Đà Phật đã phát nguyện khác biệt mọi người, chẳng những to lớn mà còn cụ thể. Ngài chẳng những mong thành Phật mà còn mong vượt trời Chư Phật. Nói là “vượt trời” không phải là trí huệ, đức năng mà là vượt trời trong phương diện độ sanh.

“Tùy nhân duyên lập biệt danh” (Tùy theo nhân duyên mà lập danh hiệu sai khác): Danh hiệu của Chư Phật cũng tùy theo nhân duyên mà có sai khác. Như trong trường học, vị thầy dạy môn Quốc Văn được gọi là thầy Quốc Văn. Thầy dạy Toán được gọi là thầy Toán. Do vậy, vô lượng, vô biên Chư Phật, Bồ Tát có danh hiệu giống nhau. Khi A Di Đà Phật phát nguyện trong lúc tu nhân,

Ngài từng nguyện “quang minh chiếu khắp” và nguyện “thọ mạng vô lượng”, nay Ngài đã thành Phật, nên bốn mươi tám nguyện đều viên mãn.

“Pháp Thân quang minh vô phân tế, Báo Thân quang minh xúng chân tánh” (Pháp Thân quang minh không ngăn mé, Báo Thân quang minh xúng hợp chân tánh): Hai điều này Chư Phật đều giống nhau. Pháp Thân chính là chân tâm bốn tánh, là Lý Thể của hết thầy pháp, vốn sẵn đầy đủ vô lượng vô biên trí huệ quang minh, hoàn toàn không phân biệt và chẳng có ngăn mé. Báo Thân là Tự Thọ Dụng Thân, vô lượng thọ, vô lượng quang, Phật nào cũng giống nhau. Phật dạy chúng ta tu hành chứng quả, không ngoài khôi phục tánh đức chính mình vốn sẵn có để thọ dụng mà thôi, hoàn toàn chẳng có gì khác, mà cũng chẳng thể có gì khác để ban cho chúng ta. Ứng Hóa Thân là Tha Thọ Dụng Thân, hết thầy Chư Phật mỗi vị mỗi khác. Sai biệt, lớn nhỏ rất khác nhau. Điều này hoàn toàn là do duyên, chứ không phải là Chư Phật có năng lực lớn hay nhỏ. Chẳng hạn như một người có học vị, có trí huệ viên mãn, dạy ở đại học thì gọi là giáo sư đại học, nhưng nếu vị ấy dạy tại trường tiểu học thì gọi là giáo viên tiểu học. Phật độ chúng sanh là do duyên, thế nào gọi là “duyên chín muồi”? Hễ ai thấy thấu suốt đời người là khổ, không, vô thường, mong chóng thoát

liã tam giới, có ý niệm chân thật, thiết tha ấy thì Chư Phật đều thấy được, vị Phật nào có duyên với người ấy ắt sẽ hóa thân đến trước người ấy cứu độ. Nếu số người nhiều quá, cần phải giáo hóa trong một thời gian dài, Phật bèn dùng Ứng Thân để tới giáo hóa. Sau khi thành Phật, một vị Phật có phạm vi giáo hóa, gọi là một Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới. Có nguyện lớn thì phạm vi giáo hóa có thể mở rộng đến nhiều Đại Thiên Thế Giới. Chỉ cần phát nguyện thì đều có thể thực hiện được. Riêng mình A Di Đà Phật phát nguyện khác hẳn. Trong lúc tu nhân, Ngài đã nhiếp thọ hai trăm mười ức các cõi nước Phật. Con số “hai mươi một” này là danh xưng nhằm biểu thị pháp trong Mật Tông, chẳng phải số đếm, mà có nghĩa là viên mãn. Như Kinh Di Đà dùng số Bảy, Kinh Hoa Nghiêm dùng số Mười, đều nhằm biểu thị pháp. Mật Tông thường dùng số mười sáu và hai mươi một. đủ thấy trong lúc tu nhân, Tỳ Kheo Pháp Tạng đã kết duyên với chúng sanh tốt hư không, trọn pháp giới, sâu rộng như thế. Thầy của Ngài là Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai giảng Kinh thuyết pháp cho Ngài, giảng cho Ngài nghe y báo, chánh báo trang nghiêm, nhân quả thiện ác của mười phương các cõi Phật, lại còn dùng Phật thần lực, biến hiện mười phương các cõi nước cho Tỳ Kheo Pháp Tạng đích thân trông thấy. Sau khi Ngài thành Phật, tất cả hết thảy cõi nước đều là khu vực giáo hóa của Ngài. Do vậy, hết thảy Chư Phật trong Mười Phương

Thế Giới đều khuyên chúng sanh cầu sanh Tịnh Độ. Tam Thân Pháp, Báo, Ứng là một Thể, một nhưng ba, ba nhưng một, Pháp Thân là Bản Thể, Báo Thân là Tự Thụ Dụng, Ứng Hóa Thân là Tha Thụ Dụng, trong phần trước đã nói cặn kẽ!

“Linh chúng sanh đắc tứ ích” (khiến cho chúng sanh được bốn thứ lợi ích): “Tứ ích” ở đây chính là bốn món lợi ích Tất Đàn trong phần trước, tức hoan hỷ, sanh thiện, phá ác và nhập Lý. Hiện thời, khoa học kỹ thuật tiên bộ, giúp cho chúng ta biết ánh sáng có nhiều loại, gọi là quang độ, mắt con người có thể thấy được những tia sáng với bước sóng (wavelength) hữu hạn, không thể thấy được những tia sáng với bước sóng dài, cũng không thể thấy được tia sáng với bước sóng ngắn. Phật quang là viên mãn, bất cứ bước sóng ánh sáng nào cũng đều có thể thấy được. Vì thế gọi là “vô chướng ngại”. Chúng sanh có duyên sâu với Phật, có thể đắc độ trong một đời. Những kẻ duyên cạn, được Phật quang giúp cho sâu thêm, kết duyên với kẻ vô duyên, ngẫu nhiên nghe được một tiếng A Di Đà Phật liền kết duyên. Chúng ta trong đời này may mắn gặp được Phật Pháp, có duyên với Phật, lại dường như có duyên sâu đậm. Đã chín muồi hay chưa thì vẫn không dám nói, nhưng nếu muốn thành tựu trong đời này thì phải nỗ lực gắng công tín nguyện trì danh. Sở dĩ mọi người chẳng thể thấy được Phật quang mà cũng

chẳng thấu hiểu công đức chân thật của Phật đều là do nghiệp chướng của chính mình sâu nặng nên chẳng thể hiểu thấu.

Phương pháp tiêu trừ nghiệp chướng rất nhiều, trong Kinh Diễm Đại Thừa đã nói các thứ Pháp Môn và cách tu trì, không gì chẳng giúp chúng ta tiêu trừ nghiệp chướng, phương pháp hữu hiệu nhất không gì hơn Niệm Phật! Trong niên hiệu Càn Long đời Thanh, Pháp Sư Từ Vân Quán Đảnh trước tác hết sức nhiều. trong bộ Quán Kinh Trục Chi, Sư đã nói người đời nghiệp nặng, tất cả Kinh sám chẳng thể tiêu trừ thì đến cuối cùng dựa vào một câu Phật hiệu vẫn có thể tiêu trừ được. Chúng ta ngày nay nếu mong tiêu trừ nghiệp chướng, đoạn phiền não, diệt tội nghiệp, chẳng cần phải cầu nơi Kinh Chú khác, niệm A Di Đà Phật là đủ rồi. Đại Thế Chí Bồ Tát dạy chúng ta “nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối”, nương theo đó để hành sẽ liền có thể đạt được hiệu quả. Chỉ cần đạt được “tịnh niệm tiếp nối” thì tự nhiên sáu căn sẽ đều được nhiếp thọ.

(Kinh) Hựu Xá Lợi Phát! Bĩ Phật thọ mạng cập kỳ nhân dân, vô lượng vô biên A tăng kỳ kiếp, cố danh A Di Đà.

(Giải) Tâm tánh chiếu nhi thường tịch, cố vi thọ mạng. Kim triệt chứng tâm tánh vô lượng chi Thể, cố thọ mạng vô lượng dã. Pháp Thân thọ mạng, vô thí vô chung. Báo Thân thọ mạng, hữu

thử vô chung. Thử diệt Phật Phật đạo đồng, giai khả danh Vô Lượng Thọ. Ứng Thân tùy nguyện, tùy cơ, diên súc bất đẳng. Pháp Tạng nguyện vương, hữu “Phật cập nhân, thọ mạng giai vô lượng” chi nguyện. Kim quả thành như nguyện, biệt danh Vô Lượng Thọ dã. A tăng kỳ, vô biên, vô lượng, giai toán số danh, thật hữu lượng chi vô lượng. Nhiên tam thân bất nhất, bất dị, Ứng Thân diệt khả tức thị vô lượng chi vô lượng hỹ. Cập giả, tịnh dã. “Nhân dân” chỉ Đẳng Giác dĩ hoàn, vị Phật thọ mạng, tịnh kỳ nhân dân thọ mạng, giai vô lượng đẳng dã.

(Chánh Kinh: Lại này Xá Lợi Phất! Thọ mạng của Đức Phật ấy và nhân dân của Ngài là vô lượng vô biên A tăng kỳ kiếp, nên có tên là A Di Đà.

Giải: Tâm tánh chiếu mà thường tịch nên mệnh danh là thọ mạng. Nay chứng triệt để cái Thể vô lượng của tâm tánh, cho nên thọ mạng vô lượng. Thọ mạng của Pháp Thân không khởi đầu, không kết thúc. thọ mạng của Báo Thân có khởi đầu, không có kết thúc. Đây chính là điều giống nhau giữa Chư Phật nên vị nào cũng đều có thể gọi là Vô Lượng Thọ. Ứng Thân tùy theo nguyện, tùy theo căn cơ mà thọ mạng kéo dài hay rút ngắn khác nhau. Trong nguyện vương của Ngài Pháp Tạng có lời nguyện “thọ mạng của Phật và nhân dân đều vô lượng”, nay quả thật thành tựu đúng như

lời nguyện, nên riêng Ngài có tên là Vô Lượng Thọ. A tăng kỳ, vô biên, vô lượng, đều là những tên gọi trong toán số, quả thật là vô lượng trong hữu lượng. nhưng tam thân chẳng một, chẳng khác nên Ứng Thân cũng có thể là vô lượng trong vô lượng. “Cập” là “và”. Chữ “nhân dân” chỉ những người từ Đẳng Giác trở xuống, ý nói: Thọ mạng của Phật và nhân dân của Ngài đều bình đẳng vô lượng).

Đoạn Kinh Văn này cho biết trong Tây Phương Thế Giới, thọ mạng của Phật và nhân dân rất dài, đều là vô lượng. vì thế, gọi là A Di Đà. Sách Yếu Giải viết: “Tâm tánh chiếu nhi thường tịch, cố vi thọ mạng. Kim triệt chứng tâm tánh vô lượng chi Thể, cố thọ mạng vô lượng dã” (Tâm tánh chiếu mà thường tịch nên mệnh danh là thọ mạng. Nay chứng triệt để cái Thể vô lượng của tâm tánh, cho nên thọ mạng vô lượng). Đây là nói theo lý luận, vì sao nhân dân tại Tây Phương vô lượng thọ. Nhà Thiền nói “minh tâm kiến tánh”, thì “kiến” (見) có nghĩa là “chứng”. Trong Kinh Đại Thừa, Phật nói Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giác là kiến tánh, tức là đã chứng đắc tâm tánh, nhưng chưa rốt ráo viên mãn. Dùng mặt trăng để so sánh thì mặt trăng vừa mới mọc gọi là “trăng lưỡi liềm” (trăng non). Bồ Tát kiến tánh là thấy từng phần, chẳng phải là viên mãn ngay lập tức. Còn A Di Đà Phật là “triệt chứng” (chứng triệt để,

chúng thấu triệt), chúng rớt ráo viên mãn. Nói thật ra, Phần Chứng cũng là vô lượng thọ, hưởng chi viên mãn! Phật chứng thấu triệt thì không có vấn đề gì, chứ phàm phu và chúng sanh Thập Ác Vãng Sanh, nghiệp chưa tiêu, làm sao chúng được cái Thể của tâm tánh? Từ Tịnh Độ Tam Kinh, ta cũng có thể hiểu rõ tình trạng này. Do hoàn cảnh của Tây Phương Thế Giới thù thắng, hoàn toàn vô chướng ngại, hằng ngày cùng với A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí, các vị Đẳng Giác Bồ Tát, chư thượng thiện nhân tụ hội một chỗ, được các Ngài un đúc, dầu là Hạ Hạ Phẩm đời nghiệp Vãng Sanh cũng liền chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái. Đây là do vô lượng công đức của Phật gia trì, nên đều là vô lượng thọ. Pháp Thân là bản thể của tâm tánh. Nói thật ra, Pháp Thân chẳng có thọ mạng vì nó không khởi đầu, không kết thúc. Thọ mạng của Báo Thân có khởi đầu, không có kết thúc, có thể nói là mỗi vị Phật đều là vô lượng thọ. Nay đức A Di Đà Phật đang được nói đến trong Kinh này chính là Ứng Thân Phật. Thọ mạng của Ứng Thân Phật là thuận theo nguyện, theo như nguyện đã phát lúc Phật tu nhân, đồng thời cũng là “tùy cơ”, tức là thuận theo cơ duyên của chúng sanh sẽ được Phật hóa độ mà thọ mạng của Ứng Thân Phật dài hay ngắn khác nhau. Trong lúc tu nhân, A Di Đà Phật phát nguyện khác với Chư Phật. Ngài phát nguyện: Trong tương lai, sau khi thành Phật, nhân dân trong cõi Ngài đều là vô lượng thọ. Nay Ngài đã thành

Phật, điều nguyện ấy cũng được thực hiện trên phương diện quả báo. Đây chính là đại nguyện khôn sánh, mọi người không thể suy tưởng được. Trong lúc tu nhân, Ngài tham khảo, quán sát vô lượng vô biên các cõi nước Phật, thấy thọ mạng có dài ngắn, tu hành có khó dễ, Ngài mới phát ra đại nguyện ấy. Trong quá trình tu hành thông thường, những ý niệm ấy rất khó có, khi chứng quả, những nguyện ấy đều biến thành hiện thực.

A tăng kỳ (Asamkhyā), Vô Lượng (Apramāna), Vô Biên (Ananta) đều là những danh từ trong Số Học (Toán Học). Trong phần năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử trong Kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đã tham phỏng Tỳ Tại Chủ đồng tử. Vị này là một nhà đại khoa học mà cũng là một nhà toán học, đã nói cho Thiện Tài biết những con số, được tính từ những con số cơ bản như mười, trăm, ngàn. Tổng cộng gồm một trăm năm mươi sáu con số, không dùng cách tính gấp mười lần (tức mỗi đơn vị sau bằng mười lần đơn vị trước, thường gọi là hệ thập phân), mà dùng phương pháp nhân gấp bội. A Tăng Kỳ là một trong mười đơn vị cuối cùng. A Tăng Kỳ lần A Tăng Kỳ là một Vô Lượng, Vô Lượng lần Vô Lượng là một Vô Biên. Con số cuối cùng là Bất Khả Thuyết Bất Khả Thuyết. Đã có phương pháp để tính thì đương nhiên có thể tính ra con số, đã có thể tính toán được thì vẫn là “hữu

lượng” (có hạn lượng). Đây là nói về Ứng Thân, chứ không là nói về Pháp Thân hay Báo Thân. Đến cuối cùng, khi duyên giáo hóa đã hết, A Di Đà Phật cũng nhập Niết Bàn, trong tương lai sẽ do Quán Thế Âm Bồ Tát kế tục thành Phật để nối ngôi vị. Sau khi Quán Âm nhập diệt, sẽ do Đại Thế Chí kế vị, Phật Phật tiếp nối chẳng gián đoạn. Trong thọ mạng dài đằng dặc như vậy, chẳng có một ai không “viên mãn thành Phật, đạt được vô lượng thọ thật sự”. Tây Phương Thế Giới quả thật khác với các Thế Giới khác. Những Thế Giới khác đều có một khoảng thời gian trước Phật hay sau Phật, thời gian rất dài. Chẳng hạn như Phật Thích Ca tại thế chỉ tám mươi năm, trong tương lai, Phật Di Lặc giảng sanh phải đợi tới năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm. Trong thời gian ấy, không có Phật trụ thế. Do đây, có thể thấy Tây Phương Thế Giới thù thắng. Trong Đại Kinh, Phật đã nói muốn thành Phật phải mất ba Đại A tăng Kỳ Kiếp, là vì tu hành trong Thế Giới này có thoái chuyển, tiến tiến, lùi lùi, tiến ít, lùi nhiều, cho nên khó thành tựu. Người Tây Phương thọ mạng lâu dài, lại không có duyên gây thoái chuyển nên tiến triển hết sức nhanh chóng. Kinh dạy: “Chư thượng thiện nhân, câu hội nhất xứ” (Các thượng thiện nhân cùng nhóm họp một chỗ). “Chư thượng thiện nhân” đều là Đẳng Giác Bồ Tát, sau khi họ đã sanh về Tây Phương, trong mười kiếp bèn tu hành

thành Phật. Trong các Kinh Điển khác, Đức Phật chẳng nói như vậy.

“Tam thân bất nhất, bất dị, Ứng Thân diệc khả tức thị vô lượng chi vô lượng hỹ” (Ba thân chẳng một, chẳng khác, nên Ứng Thân cũng có thể là vô lượng trong vô lượng vậy): Mấy câu này hết sức hay, đả phá sự chấp trước trên phương diện cảm tình của chúng ta. Ngài nói toàn là sự thật, cũng như trong phần trước đã nói, chúng ta thấy những người Vãng Sanh Tây Phương Cực Lạc Thế Giới trong vòng mười kiếp đều có thể chứng được địa vị Đẳng Giác, tức là thật sự vô lượng, chứ không còn là “vô lượng trong hữu lượng” nữa. Điều này nói rõ, chúng ta sanh về Tây Phương thì thọ mạng tuy nói là “vô lượng”, nhưng thật ra, vô lượng ấy là vô lượng trong hữu lượng, nhưng chẳng bao lâu sẽ thật sự chứng được vô lượng trong vô lượng. Thế Giới Tây Phương quả thật là một Thế Giới bình đẳng, từ Đẳng Giác trở xuống cho đến kẻ Hạ Hạ Phẩm Vãng Sanh hết thấy thọ dụng đều giống hệt như A Di Đà Phật.

(Giải) Đương tri quang thọ danh hiệu, giai bản chúng sanh kiến lập. Dĩ sanh Phật bình đẳng, năng linh trì danh giả, quang minh, thọ mạng, đồng Phật vô dị dã. Phục thứ, do vô lượng quang nghĩa cố, chúng sanh sanh Cực Lạc, tức sanh thập

phương. Kiến A Di Đà Phật, tức kiến thập phương Chư Phật. Năng tự độ, tức phổ lợi nhất thiết. Do vô lượng thọ nghĩa cố, Cực Lạc nhân dân tức thị Nhất Sanh Bồ Xứ, giai định thử sanh thành Phật, bất chí dị sanh. Đương tri lý khước hiện tiền nhất niệm vô lượng quang thọ chi tâm, hà xứ hữu A Di Đà Phật danh hiệu? Nhi lý khước A Di Đà Phật danh hiệu, hà do triệt chứng hiện tiền nhất niệm vô lượng quang thọ chi tâm? Nguyên thâm tư chi, nguyên thâm tư chi.

(Giải: Hãy nên biết danh hiệu quang thọ đều vốn vì chúng sanh mà kiến lập. Do chúng sanh và Phật bình đẳng nên có thể khiến cho quang minh và thọ mạng của người trì danh giống như Phật chẳng khác. Lại nữa, do ý nghĩa “vô lượng quang” mà chúng sanh sanh về Cực Lạc tức là sanh về mười phương, thấy A Di Đà Phật chính là thấy Mười Phương Chư Phật. Có thể tự độ chính là lợi ích khắp hết thảy. Do ý nghĩa “vô lượng thọ” nên nhân dân trong cõi Cực Lạc chính là Nhất Sanh Bồ Xứ, đều nhất định thành Phật ngay trong đời này, chẳng đợi đến đời khác. Hãy nên biết: Lìa khỏi một niệm tâm vô lượng quang thọ thì danh hiệu A Di Đà Phật sẽ do đâu mà có? Nhưng lìa khỏi danh hiệu A Di Đà Phật thì còn có cách nào để chứng thấu triệt một niệm tâm vô lượng quang thọ? Xin hãy suy nghĩ sâu xa, xin hãy suy nghĩ sâu xa).

Ba đoạn khai thị tiếp theo chính là tri kiến chân thật rạng ngời của Đại Sư. Nếu chẳng thật sự có kiến địa đạt đến cảnh giới ấy, sẽ chẳng thể nào nói ra mấy câu này được! Tất cả danh tướng, thuật ngữ về quang minh, thọ mạng, đều nhằm phương tiện giáo hóa chúng sanh mà kiến lập những thứ giả danh ấy. Tuy là giả danh, nhưng chúng (danh tướng, thuật ngữ) phù hợp khít khao tình huống thực tế.

“Sanh Phật bình đẳng” (Chúng sanh và Phật bình đẳng): Trong Thế Giới này, về mặt Lý là bình đẳng, nhưng trên mặt Sự thì bất bình đẳng. Tại Tây Phương Thế Giới, Sự lẫn Lý đều bình đẳng, nên có thể làm cho quang minh lẫn thọ mạng của người trì danh đều giống như Phật, chẳng khác! Hiện thời, chúng ta hiện tại còn chưa về Tây Phương, nhất tâm xưng danh liền tương ứng với Phật. Niệm Phật là tạo cái nhân, sanh về Tây Phương là quả báo. Trong một câu Phật hiệu, người niệm Phật ắt phải dùng lòng tin chân thật, nguyện thiết tha để trì danh thì mới có thể tương ứng. Hễ tương ứng sẽ có thể tiếp nhận sự cảm ứng quang minh và thọ mạng của Phật. Lúc Vãng Sanh là ra đi ngay trong khi đang còn sống, chứ không phải là chết rồi mới Vãng Sanh. Thấy Phật đến tiếp dẫn, theo Phật ra đi, đấy là Pháp Môn thành tựu ngay trong đời này. Tôi thường nói “đây là Pháp Môn bất tử”. Đã đến Tây Phương rồi sẽ

thành Phật trong một đời, đây chính là “thành Phật ngay trong một đời này!”

Sanh về Tây Phương Thế Giới giống như sanh về hết thủy các cõi nước Phật trong mười phương, thấy A Di Đà Phật giống như thấy mười phương hết thủy Chư Phật. Trong các Kinh Điển khác, Đức Phật chưa hề nói đến sự thật này.

“Năng tự độ, tức phổ lợi nhất thiết” (Có thể tự độ chính là lợi khắp hết thủy): “Tự độ” chính là niệm Phật Vãng Sanh. Sau khi sanh về Tây Phương, trọn đủ vô lượng trí huệ, đức năng, nhớ được người nhà quyến thuộc trong đời đời kiếp kiếp, siêu độ cha mẹ chính là đại hiếu trong thế gian. Chính mình Vãng Sanh, cha mẹ trong đời trước bất luận đang ở đường nào đều có thể trông thấy, cũng là cơ duyên tốt đẹp trọn hết lòng hiếu thảo đối với cha mẹ vậy.

Quả vị tối cao của Bồ Tát là Nhất Sanh Bồ Xứ. Pháp Môn này là Pháp Môn thành tựu ngay trong đời này, chẳng cần đến đời thứ hai. Trong những Pháp Môn khác, để thành Phật phải mất ba đại A tăng kỳ kiếp, chẳng biết là phải trải qua bao nhiêu sanh tử luân hồi. Đức Phật nói Tiểu Thừa Sơ Quả cần phải bảy lần sanh trong cõi Trời và nhân gian mới chứng được quả A La Hán. Sau khi đến được Tây Phương thì trong một

đòi chứng được Đẳng Giác và Diệu Giác. Có nhiều vị Cổ Đức tại gia và xuất gia, Tông Môn, Giáo Hạ, sau khi đã hiểu rõ Pháp Môn này thì không vị nào chẳng chuyên tu, chuyên hoằng truyền.

Lời khai thị cuối cùng trong đoạn này lại dẫn về tâm tánh, khuyên chúng ta hãy suy nghĩ cặn kẽ: A Di Đà Phật chứng thấu triệt chân tâm bản tánh của vô lượng quang thọ, lập ra danh hiệu A Di Đà Phật. A Di Đà Phật chính là danh xưng vô lượng quang thọ của Chân Như bản tánh. Do vậy, nói: “Rời khỏi Chân Như bản tánh thì danh hiệu chẳng còn tồn tại”. Vô Lượng Thọ Phật, Vô Lượng Quang Phật, A Di Đà Phật đều là danh hiệu của Chân Như bản tánh. Danh ắt phải có Thực, tức là có một thực thể tồn tại. Lìa khỏi tâm tánh sẽ chẳng có danh hiệu. Lìa khỏi danh hiệu thì làm sao có thể chứng thấu triệt Chân Như bản tánh vô lượng quang thọ? Điều này nêu rõ Danh và Thực là một Thể, Danh là tên gọi của tâm tánh, tâm tánh là tâm tánh của cái Danh, là một, chẳng phải hai. Đây mới là thật sự hiểu rõ vì sao phải niệm Phật. Tuy nó (tức Chân Như bản tánh) có vô lượng quang thọ, nhưng chúng ta chẳng thể thụ dụng được. Niệm một tiếng thì vô lượng quang thọ trong Chân Như bản tánh giống như tia chớp nháng lên một lần.

Niệm một tiếng, nó liền lộ ra một lần, niệm hai tiếng bèn chớp nháng hai lần. Không niệm sẽ chẳng có ánh sáng gì! Do vậy, cổ Đại Đức dạy chúng ta “tịnh niệm tiếp nối” ấy sẽ cảm ứng đạo giao với A Di Đà Phật. Ngẫu Ích Đại Sư lại khuyên lơn, khích lệ chúng ta hãy suy nghĩ sâu xa.

(Kinh) Xá Lợi Phất! A Di Đà Phật thành Phật dĩ lai, w kim thập kiếp.

(Giải) Thử minh Cực Lạc Thế Giới giáo chủ thành tựu dã. Nhiên Pháp Thân vô thành, vô bất thành, bất ưng luận kiếp. Báo Thân nhân viên quả mãn, danh Thành. Ứng Thân vị vật thị sanh, danh Thành, giai khả luận kiếp. Hựu, Pháp Thân nhân Tu Đức hiển, diệt khả luận thành, luận kiếp. Báo Thân biệt vô tân đắc, Ứng Thân như nguyệt ẩn xuyên, diệt vô thành, bất thành, bất ưng luận kiếp.

(Chánh Kinh: Nay Xá Lợi Phất! A Di Đà Phật thành Phật đến nay đã mười kiếp.

Giải: Điều này nói về sự thành tựu của bậc giáo chủ trong Thế Giới Cực Lạc. nhưng Pháp Thân chẳng có thành hay không thành, chẳng nên luận đến kiếp số. Báo Thân nhân tròn quả vẹn, nên gọi là “thành”. Ứng Thân do chúng sanh mà thị hiện giáng sanh nên gọi là “thành”, đều có thể luận định kiếp số. Lại nữa,

Pháp Thân do Tu Đức mà hiển lộ nên cũng có thể luận định “thành” và kiếp số. Báo Thân chẳng phải là mới đạt được. Ứng Thân như mặt trăng in bóng trên sông nên cũng chẳng có thành hay không thành, chẳng nên luận định kiếp số).

(Chánh Kinh: Nay Xá Lợi Phất! A Di Đà Phật thành Phật đến nay đã mười kiếp. Giải: Điều này nói về sự thành tựu của bậc giáo chủ trong Thế Giới Cực Lạc. nhưng Pháp Thân chẳng có thành hay không thành, chẳng nên luận đến kiếp số. Báo Thân nhân tròn quả vẹn, nên gọi là “thành”. Ứng Thân do chúng sanh mà thị hiện giáng sanh nên gọi là “thành”, đều có thể luận định kiếp số. Lại nữa, Pháp Thân do Tu Đức mà hiển lộ nên cũng có thể luận định “thành” và kiếp số. Báo Thân chẳng phải là mới đạt được. Ứng Thân như mặt trăng in bóng trên sông nên cũng chẳng có thành hay không thành, chẳng nên luận định kiếp số).

“Ứng Thân vị vật thị sanh danh thành, giai khả luận kiếp” (Ứng Thân do chúng sanh mà thị hiện giáng sanh nên gọi là “thành”, đều có thể luận định kiếp số): Chữ “vật” (物) chỉ hết thảy chúng sanh trong chín pháp giới, vì hết thảy chúng sanh trong chín pháp giới mà thị hiện xuất sanh. Thọ mạng của Ứng Thân do duyên của chúng sanh mà kiến lập, duyên hết, Phật bèn thị hiện diệt độ, nên thọ mạng của Ứng Thân có thể nói đến số lượng.

“Viên nhân thuyết pháp, vô pháp bất viên” (Người viên mãn thuyết pháp, không pháp nào chẳng viên). “Viên” có nghĩa là liễu giải viên mãn chân tướng sự thật. Cho nên bất luận người ấy thuyết pháp như thế nào, những lời người ấy nói đều là chân tướng sự thật. Pháp Thân ai nấy đều có, nhưng chưa có Tu Đức thì Pháp Thân chẳng thể hiện tiền. Kinh Đại Thừa nói: “Phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân”, cũng có thể nói là “thành” hoặc luận định thời gian. Trong đoạn trước nói “Pháp Thân không có thành hay chẳng thành” là luận theo thể tánh, còn ở đây là nói theo phương diện tu hành thành tựu. Báo Thân cũng là sẵn có, Báo Thân là vô lượng trí huệ và đức năng sẵn có trong bản tánh, không thể nói là “thành” hay “chẳng thành”. Ứng Thân giống như bóng trăng trong nước, như là Phật sự nơi Đạo Tràng trong mộng, “như nguyệt ấn xuyên” (như trăng in bóng trên sông), tức là bóng trăng trong nước, chẳng có thật, hoàn toàn tương phản với những điều vừa nói trong phần trước. Trong phần trước là dựa trên Sự để luận định tam thân, ở đây là dựa theo Lý để luận định tam thân.

(Giải) Đản Chư Phật thành đạo, các hữu Bản, Tích. Bản địa tịnh bất khả trắc. Thả ước Cực Lạc thị thành chi Tích nhi ngôn, tức thị tam thân, nhất thành, nhất thiết thành. Diệc thị phi thành, phi bất thành, nhi luận thành dã. Hựu, Phật thọ vô

*lượng, kim cần thập kiếp, tức hiện tại thuyết pháp, thời chánh vị
ương, phổ khuyến tam thế chúng sanh, tức cầu Vãng Sanh, đồng
Phật thọ mạng, nhất sanh thành biện dã. Hựu, hạ văn vô số
Thanh Văn, Bồ Tát, cập dữ Bồ Xứ, giai thập kiếp sở thành tựu,
chánh hiển thập phương tam thế, Vãng Sanh Bất Thoái giả, đa
thả dị dã.*

*(Giải: Nhưng Chư Phật thành đạo, mỗi vị đều có Bốn và
Tích. Bốn địa trọn chẳng thể suy lường được. Lại ước theo sự thị
hiện thành Phật nơi Tích môn trong cõi Cực Lạc mà nói thì đối với
tam thân, hễ thành được một thì hết thấy đều thành. Cũng có nghĩa
là “chẳng phải thành, chẳng phải không thành”, nhưng lại luận
định về sự “thành Phật”. Hơn nữa, Phật thọ vô lượng, nay A Di
Đà Phật mới chỉ thành Phật mười kiếp, tức là Ngài đang thuyết
pháp trong hiện tại, thời gian Đức Phật còn tại thế chưa hết,
khuyến khắp các chúng sanh trong ba đời hãy mau cầu Vãng Sanh
để có thọ mạng giống hết như Phật, hoàn thành sự tu học chỉ trong
một đời. Hơn nữa, trong đoạn Kinh Văn phía sau có nói vô số
Thanh Văn, Bồ Tát và Bồ Xứ đều thành tựu trong mười kiếp, chỉ rõ
những người Vãng Sanh chứng đắc Bất Thoái trong mười phương
ba đời đã nhiều lại còn dễ dàng).*

A Di Đà Phật thành Phật đến nay đã là mười kiếp. Theo bản dịch của Ngài Huyền Trang là “mười đại kiếp”. Mười Phương Chư Phật thành đạo đều có Bản và đều có Tích. Bản (本) là chứng quả đầu tiên, Tích (跡) là vì hóa độ chúng sanh mà thị hiện xuất sanh, thì gọi là Tích. Chẳng hạn như vào ba ngàn năm trước, Phật Thích Ca giáng sanh, thị hiện thành Phật tại Ấn Độ là Tích. Trong một đêm nọ, Ngài thấy sao Mai, ngộ đạo thành Phật là biểu diễn, chẳng phải là “thật” (chẳng phải là thật sự đến khi ấy Ngài mới thành Phật). Kinh Pháp Hoa có nói Đức Phật đã thành Phật trong nhiều kiếp lâu xa trước kia. Kinh Phạm Võng nói đây là lần thứ tám ngàn Ngài đến Thế Giới này thị hiện thành Phật. Do vậy, Bản của Phật quả thật chẳng thể nghĩ bàn, không cách nào suy lường được. A Di Đà Phật cũng giống như thế, Ngài thành Phật tại Tây Phương Thế Giới cũng là thị hiện xuất sanh. Nếu luận về Bản thì như trong Kinh Pháp Hoa, Đức Phật đã nói: Trong vô lượng kiếp trước, Phật Thích Ca và Phật Di Đà là đồng tham đạo hữu, là anh em. A Di Đà Phật thị hiện thành Phật tại Tây Phương Thế Giới mới mười kiếp, đây là Tích của A Di Đà Phật, chứ không phải Bản, Bản chẳng có thị hiện nhập Niết Bàn. Thân Phật trong Tây Phương Thế Giới là Ứng Thân. Nguyên lực của Phật rộng sâu chẳng thể nghĩ bàn, Ngài có thể trụ thế trong một thời gian dài như thế cũng chẳng thể nghĩ

bàn. Chúng ta đến Tây Phương tu hành thành Phật là Bôn, A Di Đà Phật thị hiện làm Bôn thay cho chúng ta. Trong tương lai, chúng ta đến các Thế Giới phương khác làm Phật, thị hiện xuất sanh là Tích. A Di Đà Phật thị hiện thành Phật trong Tây Phương Cực Lạc Thế Giới là Tích, chứ không phải Bôn. Thành Phật, tuy thị hiện, là Tích, nhưng cũng là một mà ba, tuy ba mà một. “Nhất thành, nhất thiết thành, diệc thị phi thành, phi bất thành” (hễ thành được một thì hết thấy đều thành, mà cũng chẳng phải là thành hay chẳng thành). Đối với ý nghĩa của hai câu này, chúng ta nghĩ đến những điều đã nói trong phần trước thì sẽ thấu hiểu. Nói “ba thân hễ thành tựu một thì hết thấy sẽ thành tựu” là nói theo mặt Sự, lại nói “chẳng thành, chẳng không thành” là nói theo mặt Lý.

“Kim căn thập kiếp, tác hiện tại thuyết pháp, thời chánh vị ương” (Nay chỉ mới mười kiếp tức là đang thuyết pháp trong hiện tại, thời gian Phật tại thế còn chưa hết): “Vị ương” có nghĩa là “chưa xong”. Chẳng những là chưa xong mà còn là rất sớm. A Di Đà Phật có vô lượng thọ, đến nay chỉ mới mười kiếp thì thời gian mai sau còn rất dài. ngày nay chúng ta sanh về Tây Phương, trong tương lai đều thuộc tầng lớp nguyên lão. Do vậy, ở đây Đại Sư khuyên chúng sanh trong ba đời hãy mau cầu Vãng Sanh, để có thọ mạng giống hệt như Phật, thành tựu hoàn toàn ngay trong một đời.

Đồng thời, Đại Sư cũng thay mặt mười phương hết thầy Chư Phật khác miệng cùng tiếng khuyên dạy chúng ta. Hiện thời, chúng ta đã gieo hạt giống thành Phật, tương lai nhất định sẽ tới được Cực Lạc, không còn nghi ngờ gì. nhưng phải đặc biệt lưu tâm, chớ nên coi thường, vạn nhất tu không tốt đẹp, hễ đánh mất thân người, không biết đến đời nào trong tương lai mới lại gặp Phật Pháp, khó thể dự đoán được. Dẫu có gặp gỡ, rất có thể là ta chẳng tin tưởng, chẳng tiếp nhận thì cũng không thể nào nắm chắc sẽ Vãng Sanh!

Đức Phật ba lượt chuyển pháp luân là Thị Chuyển, Khuyên Chuyển và Tác Chứng Chuyển. Đoạn Kinh Văn tiếp theo là Tác Chứng (làm chứng), trong mười kiếp mà đã có vô số Thanh Văn, Bồ Tát và Bồ Xứ Bồ Tát, các vị thượng thiện nhân vô lượng vô biên, chúng tỏ số người Vãng Sanh trong Mười Phương ba đời chẳng thể tính đếm được.

(Kinh) Hựu Xá Lợi Phát! Bỉ Phật hữu vô lượng vô biên Thanh Văn đệ tử giai A La Hán, phi thị toán số chi sở năng tri. Chư Bồ Tát chúng diệc phục như thị.

(Chánh Kinh: Lại này, Xá Lợi Phát! Đức Phật ấy có vô lượng vô biên Thanh Văn đệ tử, đều là A La Hán, chẳng thể dùng toán số để biết được. Các hàng Bồ Tát cũng giống như vậy).

Đoạn Kinh Văn này nói đến học trò của A Di Đà Phật trong Tây Phương Thế Giới, cũng như nói đến số người Vãng Sanh Tây Phương và sự thành tựu của họ trong mười kiếp. Tây Phương thuần thuộc Đại Thừa, tuyệt đối không có Thanh Văn, Duyên Giác. Chẳng những là Đại Thừa mà còn đều là Phổ Hiền Bồ Tát. Trong Kinh, Đức Phật nói: Bồ Tát nếu chẳng tuân tu hạnh Phổ Hiền sẽ chẳng thể viên thành Phật đạo. Hết thấy những người Vãng Sanh Tây Phương đều tu theo phẩm đức của Phổ Hiền Đại Sĩ. Dựa theo hạnh của hàng Bồ Tát trong Viên Giáo để nói thì từ địa vị Sơ Tín cho đến Đẳng Giác gồm năm mươi một địa vị, đều là Phổ Hiền Bồ Tát. Kinh này nói tới Trời, người, A La Hán, Bồ Tát, đều là thuận theo phương khác mà nói. Nếu người đời nghiệp Vãng Sanh sanh về Tây Phương Thế Giới mà giống như người trong Thế Giới phương khác, chưa đoạn phiền não, chỉ có thể coi giống như những người từ địa vị Lục Tín trong Viên Giáo trở xuống thì dùng danh xưng “nhân thiên” để hình dung bọn họ. Những ai đã đoạn được Kiến Tư phiền não, đạt đến địa vị Thất Tín, Bát Tín, giống như các vị A La Hán trong những Thế Giới ở phương khác thì gọi họ là A La Hán, chứ thật ra họ đều là Phổ Hiền Bồ Tát.

Ba bậc chín phẩm trong bốn cõi Tây Phương và sanh về Tây Phương có mối quan hệ trước sau. Những người đã sớm sanh về Tây Phương thì có thể là đã chứng được địa vị A Bộ Bạt Trí, tức là Bồ Xứ Bồ Tát. Những người sanh sau là Pháp Thân Đại Sĩ. Những người sanh sau đó nữa (tức những người Vãng Sanh sau những người đã chứng vị Pháp Thân Đại Sĩ) cũng chứng A La Hán, đã đoạn Kiến Tư phiền não. Đây hoàn toàn là sự thành tựu trong vòng mười kiếp. Do đây có thể đoán định: Tu hành tại Tây Phương, do không có duyên thoái chuyển, chẳng cần phải tốn một thời gian rất dài, tối đa là mười kiếp có thể tu đến địa vị Đẳng Giác Bồ Tát. Đẳng Giác cũng giống như thành Phật.

(Giải) Tha phương định tánh Nhị Thừa, bất đắc sanh bỉ. Nhược tiên tập tiểu hạnh, lâm chung hồi hướng Bồ Đề, phát đại thệ nguyện giả, sanh bỉ quốc dĩ, Phật thuận cơ thuyết pháp, linh đoạn Kiến Tư. Cổ danh La Hán. Như Biệt Giáo Thất Trụ, đoạn Kiến Tư chi loại, phi thật Thanh Văn dã. Cái Tạng Thông nhị giáo, bất văn tha phương Phật danh, kim văn Di Đà danh hiệu, tín nguyện Vãng Sanh, tổng thuộc Biệt Viên nhị giáo sở nhiếp cơ hỹ.

(Giải: Hàng định tánh Nhị Thừa trong phương khác chẳng được sanh về cõi ấy. Nếu là người tu tập hạnh Tiểu Thừa từ trước, khi lâm chung hướng về Bồ Đề, phát ra thệ nguyện lớn, sẽ sanh về cõi ấy. Phật liền thuận theo căn cơ để thuyết pháp, khiến họ đoạn Kiến Hoặc, Tư Hoặc, nên gọi là La Hán, giống như bậc Thất Trụ Bồ Tát trong Biệt Giáo đoạn được Kiến Hoặc, Tư Hoặc, chứ không phải là Thanh Văn thật sự. Bởi lẽ, trong Tạng Giáo và Thông Giáo, không nghe đến danh hiệu Chư Phật ở phương khác. Nay những người nghe danh hiệu Di Đà, tín nguyện Vãng Sanh, nói chung đều thuộc về căn cơ được thâm nhiếp bởi hai giáo là Biệt và Viên vậy).

Đệ tử Thanh Văn trong Thế Giới Tây Phương đều là giả nói. Nếu họ thật sự mang căn tánh Tiểu Thừa (định tánh Tiểu Thừa) sẽ chẳng thể Vãng Sanh Thế Giới Cực Lạc! Căn tánh Tiểu Thừa mà nếu hồi Tiểu hướng Đại thì cũng có thể thành tựu. Nói theo cách bây giờ, họ đều là những người theo phái bảo thủ trong nhà Phật. Họ chỉ thừa nhận một mình Thích Ca Mâu Ni Phật thành Phật, trọn chẳng thừa nhận vô lượng Chư Phật trong Mười Phương Thế Giới, địa vị tu hành cao nhất chỉ đạt đến A La Hán. Ở Thái Lan, tượng Phật rất nhiều, nhưng đều là tượng Thích Ca Mâu Ni Phật, không có vị Phật thứ hai nào. Họ còn bài xích Đại Thừa, cho rằng Đại

Thừa chẳng phải do Phật nói. Họ hoàn toàn chẳng tin Tây Phương có A Di Đà Phật. Nếu họ có thể tin tưởng, phát thệ nguyện lớn, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ thì cũng có thể thỏa nguyện sanh Tây. Phật cũng thuận theo sở học của họ trong quá khứ để ứng theo căn cơ mà thuyết pháp, khiến họ đoạn Kiến Tư, giống như bậc A La Hán trong các Thế Giới phương khác.

Người Tiểu Thừa sanh về Tây Phương đều là Bồ Tát, lại còn đều là A Bệ Bạt Trí, là Bồ Tát chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái. Tạng Giáo và Thông Giáo chẳng nghe danh hiệu Phật trong các phương khác. Nay những ai nghe danh hiệu Di Đà, tín nguyện Vãng Sanh, nói chung đều thuộc về Biệt Giáo và Viên Giáo. Tiểu Thừa hễ quay đầu, thật sự phát nguyện cầu sanh Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, thì họ chẳng thuộc căn tánh Tạng Giáo hay Thông Giáo. Nếu chẳng phải là căn tánh Viên Giáo thì tối thiểu cũng là căn tánh Biệt Giáo. Kinh Vô Lượng Thọ tán thán bậc Bồ Tát trong Tây Phương Thế Giới có trọn đủ vô lượng công đức, từng nêu ra hai mươi ba tỷ dụ, như “trí huệ rộng sâu như biển cả, Tam Muội bất động như núi Tu Di” v.v.... Đấy đều chẳng phải là những thứ mà Tạng Giáo hay Thông Giáo Bồ Tát có được. Hễ ai đời nghiệp Vãng Sanh Tây Phương thì cũng được bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì. Đồng thời lại được đại chúng đồng tu bạn lữ

gia trì. Mỗi một vị Bồ Tát trong Tây Phương Thế Giới đều yêu mến, bảo vệ mỗi vị Bồ Tát mới sanh về, gia trì vị ấy.

(Kinh) Xá Lợi Phất! Bĩ Phật quốc độ, thành tựu như thị công đức trang nghiêm.

(Chánh Kinh: Nay Xá Lợi Phất! Cõi nước Phật ấy thành tựu công đức trang nghiêm như thế đó)

Đoạn Kinh Văn tổng kết này giống như đoạn trước, chỉ có ý nghĩa khác nhau. Đoạn trước nói về sự trang nghiêm nơi y báo, còn đoạn này nói về sự trang nghiêm nơi chánh báo. Vì sao chúng ta hạ đại quyết tâm và nguyện vọng kiên cường như vậy? Chính là vì thành tựu trang nghiêm nơi chủ và bạn được nói ở đây. Thành quả thực tế được phơi bày trước mắt chúng ta, thành tích chính là những người từ Mười Phương Thế Giới Vãng Sanh Cực Lạc trong vòng mười kiếp liền có thể chứng được địa vị Bồ Xứ Bồ Tát. Trong các Thế Giới khác chẳng có chuyện này! Đức Phật nói: Tu hành trong Thế Giới Sa Bà bắt đầu từ khi chứng được Sơ Quả Tu Đà Hoàn, đoạn hết tám mươi tám phẩm Kiến Hoạch trong tam giới của Kiến Tư phiền não, bắt đầu từ ngày hôm ấy, tu hết một A tăng kỳ kiếp mới chứng được quả vị Tam Hiền, tu hết một A tăng kỳ kiếp thứ hai mới có thể chứng đến quả vị Thất Địa, tu hết một A tăng kỳ kiếp thứ ba mới chứng được quả vị Pháp Vân Địa (Thập

Địa), lên cao hơn nữa là Đẳng Giác. Tu trọn ba A tăng kỳ kiếp thì mới có thể đạt đến địa vị ấy, còn Tây Phương Thế Giới chỉ cần mười kiếp, trong một đời liền đạt được, chẳng cần phải đợi đến đời thứ hai. Đây chính là “thành tựu như thị công đức trang nghiêm” (thành tựu công đức trang nghiêm như thế đó).

(Giải) Phật cập Thanh Văn, Bồ Tát, tịnh thị Di Đà nhân trung, nguyện hạnh sở thành, diệc thị quả thượng “nhất thành, nhất thiết thành”. Thị tắc Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, các các phi tự, phi tha, tự tha bất nhị. Cố vân “thành tựu như thị công đức trang nghiêm”, năng linh tín nguyện trì danh giả, niệm niệm diệc như thị thành tựu dã. Sơ quảng trần bỉ độ y chánh diệu quả dĩ khai tín cánh.

(Giải: Phật và Thanh Văn, Bồ Tát, hoàn toàn là do nguyện hạnh của Phật Di Đà trong lúc tu nhân tạo thành, mà cũng là “một thành thì hết thấy thành” nơi quả vị. Tức là Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, mỗi mỗi đều chẳng phải Tự, chẳng phải Tha, Tự và Tha chẳng hai. Vì thế nói “thành tựu công đức trang nghiêm như thế đó”, có thể khiến cho người tín nguyện trì danh niệm niệm cũng thành tựu như vậy. Phần thứ nhất trong Chánh Tông Phần, nói rộng về diệu quả y báo và chánh báo nhằm khơi gợi lòng tin đã xong).

Trong đoạn văn chú giải trên đây, “Phật” chính là A Di Đà Phật, “Thanh Văn, Bồ Tát” là người Vãng Sanh từ Mười Phương Thế Giới, họ đều được thành tựu bởi bốn mươi tám nguyện do A Di Đà Phật đã phát thệ trong khi Ngài tu nhân. Nhân dân trong thế gian trên từ bậc Đẳng Giác, dưới cho đến chúng sanh địa ngục, hễ có thể tin, có thể nguyện, chịu niệm Phật thì Phật đều tiếp dẫn họ về Thế Giới Cực Lạc, đến Tây Phương đều được bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, đạt được thành tựu chẳng thể nghĩ bàn. Do vậy, nói theo mặt quả thì “một thành, hết thảy đều thành”, “một thành” là Phật, “hết thảy thành” là đại chúng.

“Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, các các phi tự phi tha” (Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, mỗi mỗi đều chẳng phải Tự, chẳng phải Tha), với trí huệ, kiến thức thông thường của chúng ta trong hiện thời sẽ khó thể thấu hiểu điều này, còn bậc Bồ Tát minh tâm kiến tánh có thể hiểu được, đợi đến khi chúng ta sanh về Tây Phương rồi, sẽ nhận biết những lời này đều là sự thật. Hết thảy Chư Phật, hết thảy chúng sanh, sự trang nghiêm nơi y báo và chánh báo đều là những vật được biến hiện bởi tự tánh. Luận theo tự tánh thì nói là “phi Tha” (chẳng khác), luận theo Tướng mà nói thì là “phi Tự”. Quán sát theo hai mặt Tánh và Tướng thì Tánh là nhất thể, ta và A Di Đà Phật là một, nên “phi Tha”. Nói theo mặt Tướng thì A Di Đà Phật

chẳng phải là ta, tức là “phi Tự”. Phật thì tánh đức hoàn toàn lưu lộ, chúng ta thì tánh đức bị phiền não che lấp. Tự và Tha không hai, Tánh và Tướng như một. Nếu thật sự thông đạt đạo lý và sự thật này, sẽ có thể biến công đức đã tu trong vô lượng kiếp của A Di Đà Phật thành công đức của chính chúng ta vì Tự và Tha chẳng hai. Ta tu hành mấy ngày, liền có công đức bằng với A Di Đà Phật tu hành trong vô lượng kiếp. Phương pháp chính là dùng tín nguyện trì danh, lòng tin phải chân thật, nguyện phải thiết tha. Trong Kinh, Đức Thế Tôn thường nói: “Hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng”. Năng niệm (chủ thể niệm Phật) là cái tâm của ta, sở niệm (đối tượng được niệm) là A Di Đà Phật. Hiểu rõ lý luận và sự thật thì cũng sẽ biết phương pháp chuyển biến. Nhân duyên đầy đủ, chịu thực hiện phương pháp tu tập ấy thì chính là phước đức bậc nhất và thiện căn bậc nhất trong thế gian lẫn xuất thế gian.

4.2.2. Riêng khuyên chúng sanh hãy nên phát nguyện cầu được Vãng Sanh

(Giải) Tịnh Độ thù thắng vị đời nghiệp Vãng Sanh. Hoành xuất tam giới, Đồng Cư hoành cụ Tứ Độ, khai hiển Tứ Giáo pháp luân. Chúng sanh viên tịnh tứ độ, viên kiến tam thân, viên chứng tam Bất Thoái. Nhân dân giai nhất sanh thành Phật. Như

thị đẳng thắng dị siêu tuyệt, toàn tại thử nhị khoa điểm thị. Tu để nghiên chi.

(Giải: Tịnh Độ thù thắng là do đời nghiệp Vãng Sanh, vượt khỏi tam giới theo chiều ngang, cõi Đông Cự theo chiều ngang trọn đủ bốn cõi Tịnh Độ, khai hiển pháp luân tứ giáo (Tạng, Thông, Biệt, Viên), chúng sanh thanh tịnh trọn vẹn bốn cõi Tịnh Độ, thấy trọn vẹn ba thân, chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái. Nhân dân đều thành Phật trong một đời. Những sự thù thắng, lạ lùng, siêu việt, tuyệt diệu như thế, hoàn toàn được chỉ bày trong hai khoa này, hãy nên nghiên cứu kỹ lưỡng).

Đoạn văn chú giải này nhằm khuyên phát nguyện, khuyên hành trì. Đại Sư nói Tịnh Độ thù thắng là vì “đời nghiệp Vãng Sanh, hoành xuất tam giới” (đời nghiệp Vãng Sanh, vượt tam giới theo chiều ngang”. Nói thông thường, phải đoạn hết Kiến Hoặc, Tư Hoặc, chứng quả A La Hán của Tiểu Thừa, hoặc chứng địa vị Thất Tín Bồ Tát trong Đại Thừa, hoặc Thất Trụ Bồ Tát trong Biệt Giáo mới có thể vượt thoát luân hồi. Trong đời này, chưa có một ai có thể làm được. Lão Pháp Sư Đàm Hư đã nói suốt cả đời Ngài đã thấy có người tham Thiền đắc Thiền Định, nhưng chưa thấy một ai khai ngộ. Tham Thiền chẳng khai ngộ sẽ chẳng thể thoát khỏi tam giới. Đắc Thiền Định bất quá là sanh lên Tứ Thiên Thiên mà thôi!

Lão Cư Sĩ Hoàng Niệm Tổ nói: Tại Đại Lục, gần bốn mươi năm qua, trong mười ức người học Mật Tông, người học Mật đạt thành tựu chỉ có sáu người, tỷ lệ chẳng cân xứng! Lão Cư Sĩ Hạ Liên Cư đối với Thiên, Mật, Giáo đều có nghiên cứu, tới tuổi già Ngài buông hết thả xuống, Phật hiệu chẳng rời miệng, râu chuôi chẳng rời tay, người ta nói Ngài mê man trong Phật hiệu, ai nói gì cũng chẳng nghe tiếng, đúng là một tấm gương tốt đẹp.

Thế Giới Tây Phương chẳng phải chỉ thù thắng ở chỗ “đời nghiệp liền có thể Vãng Sanh, vượt khỏi tam giới theo chiều ngang”, mà còn thù thắng ở chỗ: Tuy sanh về cõi Phạm Thánh Đồng Cư, nhưng ba cõi kia như Phương Tiện, Thật Báo và Tịch Quang cũng đồng thời sanh về, vì bốn cõi được xếp theo chiều ngang. Cõi Phương Tiện là chỗ ở của bậc đã đoạn sạch phiền não. Cõi Thật Báo là chỗ ở của bậc Pháp Thân Đại Sĩ, cõi Tịch Quang thuộc quả địa Như Lai. Chúng ta đời nghiệp Vãng Sanh, một phẩm phiền não chưa đoạn, làm sao có thể trong một đời liền thanh tịnh trọn vẹn bốn cõi? Đây đều là do bốn nguyện và công đức của A Di Đà Phật gia trì mà thành.

“Khai hiển tứ giáo pháp luân”: Sanh về Tây Phương, hết thả Pháp Môn đều nghe được, học được. Hành nhân Tịnh Độ biết sự thật này, hãy nên buông xuống hết thả Kinh Luận. Tây Phương có

A Di Đà Phật là thầy, Chư Đại Bồ Tát là đồng tham đạo hữu, hoàn cảnh ưu việt, học ắt sẽ thành, sao lại khổ sở truy cầu trong cõi này? Dầu có thời gian đọc những đại Kinh, đại luận ấy, có thật sự hiểu hay chẳng? Bài kệ Khai Kinh có câu: “Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa”. Thầy Lý nói: “Các vị đều chẳng hiểu ý nghĩa của chữ Ngã thì làm sao hiểu được ý nghĩa của Phật?” Đây là lời thật. Tôi khuyên đại chúng tụng Kinh Vô Lượng Thọ, trước hết tụng ba ngàn biến, mỗi ngày ba biến, tụng ba năm tâm sẽ định. Khi tụng, tâm phải chuyên, phải định, những Kinh Điển khác nhất loạt buông xuống. Kinh Vô Lượng Thọ giảng tường tận hơn Kinh A Di Đà. Kinh Di Đà lời lẽ đơn giản, ý nghĩa bao trùm, chẳng dễ gì hiểu được. Kinh Vô Lượng Thọ có thể giúp chúng ta kiến lập tín tâm. Gần ba năm nay, tôi hoàn toàn dốc sức nơi Kinh Vô Lượng Thọ. Chẳng phải chỉ miệng niệm, mà còn phải thời thời khắc khắc ghi nhớ những giáo huấn trong Kinh, biến thành tư tưởng, hành vi của chính mình. Tụng càng nhiều, lãnh hội càng sâu càng rộng. Những nghĩa lý trong Kinh chẳng có cùng tận, quý vị dùng hết thời gian suốt một đời để niệm bộ Kinh này thì những nghĩa lý trong ấy đều không cùng tận. Dùng Kinh này để khơi gợi và cũng dùng nó để đặt vững cơ sở cho ba món tư lương. “Tứ giáo pháp luân” chính là xiển dương rộng rãi Kinh Vô Lượng Thọ.

“Chúng sanh viên tịnh tứ độ” (chúng sanh thanh tịnh trọn vẹn bốn cõi Tịnh Độ): So với câu “hoành cụ tứ độ” (trọn đủ bốn cõi theo chiều ngang) trong phần trước, câu này càng cao sâu hơn. “Viên tịnh tứ độ” tối thiểu cũng phải là cảnh giới của Đẳng Giác Bồ Tát. Viên mãn không thiếu khuyết là Nhất Sanh Bồ Xứ như trong Kinh đã nói. Hai chữ “nhất sanh” này được dùng theo lối song quan, Nhất Sanh là chẳng đợi đến đời thứ hai, Nhất Sanh lại có nghĩa là hễ sanh về Tây Phương liền viên tịnh bốn cõi, thấy trọn vẹn ba thân, chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái. Giảng giải theo cách này thì hợp lý, vì có Kinh Văn để chứng minh, tức câu “chúng sanh sanh giả, giai thị A Bệ Bạt Trí” (Chúng sanh sanh trong cõi ấy đều là bậc A Bệ Bạt Trí) và “đắc dữ như thị chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ” (được cùng với các vị thượng thiện nhân như thế tụ hội một chỗ). Chữ “thượng thiện” chỉ hàng Đẳng Giác Bồ Tát, những người kém hơn gọi là “thiện nhân”. Tây Phương Thế Giới là chỗ các vị thượng thiện nhân tụ hội. Đức Phật giới thiệu Pháp Môn này tường tận và thấu triệt như thế, nếu nghe xong mà vẫn chẳng tin, tức là thiện căn, phước đức chẳng đủ, nghiệp chướng sâu nặng, hãy nên suy sâu nghĩ chín. Hai đoạn Kinh Văn tiếp theo đây nói rõ Vãng Sanh như thế nào, được Vãng Sanh hay không hết sức quan trọng, mong hãy đặc biệt chú ý.

(Kinh) Xá Lợi Phất! Cực Lạc quốc độ, chúng sanh sanh giả, giai thị A Bộ Bạt Trí. Kỳ trung đa hữu Nhất Sanh Bồ Xứ, kỳ số thậm đa, phi thị toán số sở năng tri chi, đản khả dĩ vô lượng vô biên A tăng kỳ thuyết.

(Giải: Nay Xá Lợi Phất! Chúng sanh sanh về cõi nước Cực Lạc đều là A Bộ Bạt Trí, trong ấy có nhiều vị là Nhất Sanh Bồ Xứ, chẳng thể tính toán để biết được số lượng, chỉ có thể nói là vô lượng, vô biên, A tăng kỳ).

Nhân dân từ Mười Phương Thế Giới hễ sanh về Tây Phương liền chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái. Trong các Kinh Luận đã nói: Tu đến bậc Thập Địa Pháp Vân Địa Bồ Tát thì mới có thể chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái. Trong số ấy lại có nhiều vị là Nhất Sanh Bồ Xứ, Nhất Sanh Bồ Xứ chính là Đẳng Giác Bồ Tát. Trong Thế Giới Sa Bà chỉ có mình Di Lạc Bồ Tát là Nhất Sanh Bồ Xứ, đang ở trong nội viện của Trời Đâu Suất, đợi đến năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm sau sẽ giáng thế thành Phật. Tại Tây Phương Thế Giới, hậu bồ Phật (Nhất Sanh Bồ Xứ Bồ Tát) vô lượng vô biên, trong Mười Phương Thế Giới nếu có vị Phật nào nhập diệt, liền qua đó điền vào chỗ khuyết. Tây Phương Thế Giới giống như nơi huấn luyện Phật để chờ bổ nhiệm.

(Giải) A Bộ Bạt Trí, thử vân Bất Thoái, nhất Vị Bất Thoái, nhập thánh lưu, bất đọa phàm địa. Nhị Hạnh Bất Thoái, hằng độ sanh, bất đọa Nhị Thừa địa. Tam Niệm Bất Thoái, tâm tâm lưu nhập Tát Bà Nhã hải. Nhược ước thử độ, Tạng Sơ Quả, Thông Kiến Địa, Biệt Sơ Trụ, Viên Sơ Tín, danh Vị Bất Thoái. Thông Bồ Tát, Biệt Thập Hương, Viên Thập Tín, danh Hạnh Bất Thoái. Biệt Sơ Địa, Viên Sơ Trụ, danh Niệm Bất Thoái. Kim Tịnh Độ, Ngũ Nghịch, Thập Ác, thập niệm thành tựu. Đới nghiệp Vãng Sanh, cư Hạ Hạ Phẩm giả, giai đắc tam Bất Thoái.

(Giải: A Bộ Bạt Trí, cõi này dịch là Bất Thoái:

- 1. Vị Bất Thoái: Nhập dòng thánh, chẳng đọa vào địa vị phàm phu.*
- 2. Hạnh Bất Thoái: Luôn độ sanh, chẳng đọa vào địa vị Nhị Thừa.*
- 3. Niệm Bất Thoái: Tâm tâm lưu nhập biển Nhất Thiết Trí.*

Nếu dựa theo cõi này để luận định thì các địa vị như Sơ Quả trong Tạng Giáo, Kiến Địa trong Thông Giáo, Sơ Trụ trong Biệt Giáo và Sơ Tín trong Viên Giáo gọi là Vị Bất Thoái. Bạc Bồ Tát trong Thông Giáo, bậc Thập Hương trong Biệt Giáo, bậc Thập Tín trong Viên Giáo thì gọi là Hạnh Bất Thoái. Bạc Sơ Địa trong Biệt Giáo, bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo thì gọi là Niệm Bất Thoái. Nay

Tịnh Độ thì kể Ngũ Nghịch, Thập Ác, mười niệm thành tựu Vãng Sanh trong Hạ Hạ Phẩm đều đặc ba thứ Bất Thoái).

A Bệ Bạt Trí (Avaivartika) là tiếng Phạn, có nghĩa là Bất Thoái (không lui sụt). Ba thứ Bất Thoái là Vị Bất Thoái, Hạnh Bất Thoái và Niệm Bất Thoái, đã được giải thích cặn kẽ trong đoạn Huyền Nghĩa ở phần trước. Nếu nói theo Thế Giới Sa Bà thì bậc Sơ Quả trong Tạng Giáo, bậc Kiến Địa trong Thông Giáo (bằng với quả Dự Lưu (Tu Đà Hoàn) trong Thanh Văn Thừa), bậc Sơ Trụ trong Biệt Giáo, bậc Sơ Tín trong Viên Giáo, bốn giáo tu hành đạt đến địa vị này thì gọi là Vị Bất Thoái, nhưng các địa vị này chỉ ngang nhau trên phương diện đoạn Hoặc, chứ trí huệ khác nhau. Sơ Quả của Tạng Giáo chẳng thể sánh bằng Kiến Địa trong Thông Giáo, Kiến Địa trong Thông Giáo chẳng bằng Sơ Trụ trong Biệt Giáo, Sơ Trụ trong Biệt Giáo chẳng bằng Sơ Tín trong Viên Giáo. Trí huệ, công đức khác nhau!

Bậc Bồ Tát trong Thông Giáo, bậc Thập Hồi Hương Bồ Tát trong Biệt Giáo, bậc Thập Tín Bồ Tát trong Viên Giáo thì gọi là Hạnh Bất Thoái (trong Hạnh Bất Thoái không có Tạng Giáo). Sơ Địa của Biệt Giáo và Sơ Trụ của Viên Giáo, phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, gọi là Niệm Bất Thoái (trong Niệm Bất Thoái không có Tạng Giáo và Thông Giáo). Đây cũng

chỉ là dựa theo sự đoạn Hoặc đề nói thì hai địa vị này bình đẳng, nhưng trí huệ, công đức hoàn toàn khác nhau. Bạc Sơ Trụ của Viên Giáo vượt trội Sơ Địa của Biệt Giáo rất nhiều.

“Ngũ Nghịch, Thập Ác” tạo tội cực nặng. Trong hết thầy Kinh, Đức Phật nói kẻ ấy ắt đọa địa ngục ngay trong một đời. Ngũ Nghịch (Pañcānantarya) là:

1) Làm thân Phật chảy máu. Đề Bà Đạt Đa (Devadatta) ôm lòng hại Phật. Từ trên đỉnh núi xô một tảng đá to xuống đè Phật, thần hộ pháp từ trên không trung đỡ lấy, nhưng mảnh đá văng trúng chân Phật chảy máu. Nếu hại Phật sẽ kết tội với hết thầy chúng sanh. Phật là bậc Đạo Sư của ba cõi, hại Phật khiến cho cơ duyên nghe pháp đặc độ hết thầy chúng sanh bị đứt đoạn, tội lỗi ngập Trời.

2) Giết A La Hán: La Hán là bậc đắc đạo, giáo hóa một phương. Nếu hại La Hán chính là đoạn huệ mạng của rất nhiều người. Bậc thiện tri thức thật sự sẽ có ảnh hưởng đến ngàn năm vạn đời. Như Không lão phu tử lúc tại thế chẳng nổi danh, chẳng làm quan lớn, là một người tầm thường bất đắc chí, bất đắc dĩ phải quay về nhà dốc lòng dạy học, những người tuân theo giáo huấn của Ngài nhất định được phước. Cái học do Ngài truyền lại chính là phước báo Trời người mà công đức còn chẳng thể nghĩ bàn,

huông chi giáo hóa của Phật là công đức lợi ích khôn sánh trong thế gian lẫn xuất thế gian.

3) Giết cha.

4) Giết mẹ. Cha mẹ có ân đức rất lớn đối với chúng ta. Giết hại cha mẹ thuộc về Tánh Tội, tự nhiên đọa trong địa ngục Vô Gián (Avīci Nairaka). Kinh Địa Tạng đã giảng về địa ngục Vô Gián rất tường tận.

5) Phá hòa hợp Tăng: Tăng đoàn là nơi bồi dưỡng nhân tài hoằng pháp cho nhà Phật. Nếu phá hoại Tăng đoàn thì cũng là tội lỗi đọa địa ngục Vô Gián. Chư Phật xuất thế cũng chẳng cứu được. Thời gian trong địa ngục Vô Gián cũng là vô lượng kiếp.

Thập Ác (Daśākuśala) là thân: Giết, trộm, dâm. miệng: Nói dối, nói đôi chiều, ác khẩu, nói thêu dệt. ý: Tham, sân, si. Người tạo Thập Ác tùy theo dụng tâm như thế nào mà chia thành ba phẩm Thượng, Trung, Hạ, cũng đều đủ tư cách vào địa ngục! Nếu nay những người tội ác như vậy đều có thể mười niệm thành tựu thì Hạ Hạ Phẩm đời nghiệp Vãng Sanh cũng chứng ba thứ Bất Thoái, điều này thật sự chẳng thể nghĩ bàn!

(Giải) Nhiên cứ giáo đạo, nhược thị phạm phu, tắc phi Sơ Quả đẳng. Nhược thị Nhị Thừa, tắc phi Bồ Tát đẳng. Nhược thị Dị Sanh, tắc phi Đồng Sanh Tánh đẳng. Hựu, Niệm Bất Thoái,

phi phục Di Sanh. Hạnh Bất Thoái, phi cần kiến đạo. Vị Bất Thoái, phi thị nhân dân. Lạp đẳng tắc thành đại vọng, tân bộ tắc xả cố xung. Duy Cực Lạc Đồng Cư, nhất thiết câu phi, nhất thiết câu thị. Thập phương Phật độ, vô thử danh tướng, vô thử giai vị, vô thử Pháp Môn. Phi tâm tánh chi cực trí, trì danh chi kỳ huân, Di Đà chi đại nguyện, hà dĩ hữu thử? Nhất Sanh Bồ Xứ giả, chỉ nhất sanh bồ Phật vị, như Di Lạc, Quán Âm đẳng. Cực Lạc nhân dân, phổ giai nhất sanh thành Phật. Nhân nhân tất thật chứng Bồ Xứ. Cố kỳ trung đa hữu thử đẳng thượng thiện, bất khả số tri dã. Phục thứ, Thích Ca nhất đại thời giáo, duy Hoa Nghiêm minh nhất sanh viên mãn, nhi nhất sanh viên mãn chi nhân, tắc mật hậu Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm trung, thập đại nguyện vương, đạo quy An Dưỡng. Thả dĩ thử khuyến tấn Hoa Tạng hải chúng. Ta hồ! Phạm phu lệ đẳng Bồ Xứ, kỳ xưng cực đàm, bất khả trắc độ. Hoa Nghiêm sở bảm, khước tại thử Kinh, nhi thiên hạ cổ kim, tín miểu, nghi đa, từ phần, nghĩa thực, dư duy hữu phũ tâm lịch huyết nhi dĩ!

(Giải: Nhưng căn cứ theo đạo lý thông thường trong hết thảy Kinh Điển thì nếu là phạm phu, sẽ chẳng giống với bậc Sơ Quả. Nếu là Nhị Thừa, sẽ chẳng phải là bậc Bồ Tát. Nếu là Di Sanh Tánh (địa vị Tam Hiền trong Biệt Giáo) sẽ chẳng giống với bậc

Đồng Sanh Tánh (Sơ Trụ trong Viên Giáo). Lại nữa, Niệm Bất Thoái chẳng còn là Di Sanh, Hạnh Bất Thoái thì chẳng phải chỉ mới thấy đạo, Vị Bất Thoái thì chẳng phải là nhân dân. Trong giáo pháp thông thường nếu thuộc địa vị dưới mà nói lẩn lên bậc trên sẽ trở thành đại vọng ngữ, phải vượt lên địa vị mới thì mới bỏ danh xưng cũ. Chỉ có trong cõi Đồng Cư của Cực Lạc, hết thấy đều chẳng phải, mà hết thấy cũng đều phải. Các cõi Phật trong mười phương đều chẳng có danh tướng này, không có địa vị này, không có Pháp Môn này. Nếu không phải là do tâm tánh đạt đến tột bậc, công hun đúc kỳ diệu của pháp trì danh, và Di Đà đại nguyện thì làm sao đạt được như thế này? Nhất Sanh Bồ Xứ là chỉ một đời sẽ được bỏ đi làm Phật, giống như Di Lạc, Quán Âm v.v... Trọn khắp nhân dân trong cõi Cực Lạc đều là bậc thành Phật trong một đời, ai nấy đều thật sự chứng được địa vị Bồ Xứ. Vì thế trong ấy có nhiều bậc thượng thiện như thế, chẳng thể tính biết được!

Hơn nữa, trong những giáo pháp của cả đời Phật Thích Ca, chỉ mình Kinh Hoa Nghiêm nói đến sự viên mãn trong một đời, nhưng cái nhân viên mãn trong một đời nằm trong phẩm cuối cùng là phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, mười đại nguyện vương dẫn về An Dưỡng. Lại còn dùng điều này để khuyên lơn, sách tấn Hoa Tạng hải chúng.

Than ôi! Phàm phu mà được dự vào bậc Bồ Xứ là một sự khởi xướng bàn luận lạ lùng, cao tốt, chẳng thể suy lường được. Điểm đặc thù của Kinh Hoa Nghiêm hoàn toàn nằm trong Kinh này, nhưng thiên hạ xưa nay, người tin tưởng ít ỏi, kẻ nghi ngờ đông nhiều. Càng nói lắm, nghĩa càng hao, tôi chỉ có cách mổ tim vậy máu mà nêu bày cho rõ nghĩa này mà thôi!)

“Giáo” là Kinh Điền, hết thấy Kinh Điền do Đức Phật đã nói. “Đạo” là đạo lý. Nếu căn cứ theo đạo lý thông thường trong hết thấy Kinh Điền do Đức Phật đã nói thì nếu là phàm phu, sẽ trọn chẳng phải là Thánh Nhân. Nếu là Thanh Văn, Duyên Giác, quyết định chẳng phải là Bồ Tát. Trong các giáo pháp thông thường, tầng cấp phân định rất rõ rệt.

“Nhuộc thị Dị Sanh, tác phi Đồng Sanh Tánh đẳng” (Nếu là Dị Sanh Tánh thì chẳng phải giống với bậc Đồng Sanh Tánh): Dị Sanh chính là địa vị Tam Hiền trong Biệt Giáo, còn Đồng Sanh chính là địa vị Sơ Trụ trong Viên Giáo. Đồng và Biệt (Dị) là nói về chân tâm bản tánh. Người minh tâm kiến tánh dùng cùng một cái tâm với Phật, tức là dùng chân tâm, thì gọi là “Đồng Sanh Tánh”. Chưa thấy tánh thì dùng thức tâm, khác với Phật, nên gọi là “Dị Sanh Tánh”. Đây chính là chỗ khác biệt giữa Đồng Sanh Tánh và Dị Sanh Tánh. Bồ Tát thuộc địa vị Tam Hiền trong Biệt Giáo dùng

thức tâm, còn Sơ Địa trong Biệt Giáo dùng chân tâm. Người tạo tác Ngũ Nghịch, Thập Ác sanh về Tây Phương liền chứng ba thứ Bất Thoái, mà ba thứ Bất Thoái chính là Đồng Sanh Tánh, so với Thanh Văn, Duyên Giác, Quyền Giáo Bồ Tát vượt trội quá nhiều. Nếu nói theo đạo lý thông thường thì chẳng thông, vì Niệm Bất Thoái chẳng còn là Dị Sanh Tánh. Niệm Bất Thoái là Sơ Trụ trong Viên Giáo, là Sơ Địa trong Biệt Giáo, là Đồng Sanh Tánh, trọn chẳng phải là Dị Sanh Tánh.

“Hạnh Bất Thoái, phi cần kiến đạo, Vị Bất Thoái, phi thị nhân dân” (Hạnh Bất Thoái chẳng phải chỉ thấy đạo, Vị Bất Thoái chẳng phải là nhân dân): Máy câu này mọi người đều hiểu được.

“Lạp đẳng tác thành đại vọng” (Hễ ở địa vị dưới mà nói lên địa bên trên sẽ trở thành đại vọng ngữ): Nói lớn hơn địa vị thật sự chứng đắc thì trong nhà Phật gọi là “đại vọng ngữ”. “Tán bộ tác xả cố xưng” (Hễ đạt lên địa vị cao hơn thì mới bỏ danh xưng cũ): Nếu đoạn được một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân thì là Sơ Trụ Bồ Tát, chẳng còn là Bồ Tát thuộc địa vị Thập Tín nữa. Lại giống như học sinh trung học thi đậu đại học, liền gọi là sinh viên đại học. chứng được Sơ Quả tức là Thánh Nhân, chẳng phải là phàm phu. Chứng được Hạnh Bất Thoái thì chính là Bồ Tát, chẳng phải Nhị Thừa.

“Duy Cực Lạc Đồng Cư, nhất thiết câu phi, nhất thiết câu thị” (Chỉ có cõi Đồng Cư của Cực Lạc là hết thảy đều chẳng phải, hết thảy đều là): Những điều vừa nói trong đoạn trước là những chuyện bình thường, nhưng áp dụng vào Thế Giới Cực Lạc sẽ chẳng thể nói cho xuôi được. Phiền não chưa đoạn, vốn là phàm phu, hễ sanh về Tây Phương liền là bậc Pháp Thân Đại Sĩ đầy đủ ba thứ Bất Thoái, như vậy rốt cuộc là phàm phu hay là Pháp Thân Đại Sĩ? Nói người ấy là Pháp Thân Đại Sĩ thì người ấy chưa đoạn phiền não! Nói người ấy là phàm phu thì người ấy đã chứng ba thứ Bất Thoái. Do vậy nói “câu phi” (đều chẳng phải) mà cũng “câu thị” (đều là). Trong mười phương cõi nước không có hiện tượng này, mà cũng không địa vị giống như vậy. Nếu chẳng phải là do tâm tánh đến mức cùng cực, do vận dụng chân tâm bản tánh đã đạt đến cực điểm, tức là thấu đạt tâm tánh của cái tâm năng niệm đến mức cực điểm, chẳng phải là chuyện tầm thường! Do sự un đúc kỳ diệu của trì danh, lại thêm oai thần và bốn nguyện của Phật Di Đà gia trì, cho nên mới có hiện tượng đặc biệt thù thắng này: Một phàm tội nghiệp chưa tiêu mà sau khi sanh về Tây Phương sẽ có địa vị bình đẳng với hàng Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo và hàng Sơ Địa Bồ Tát trong Biệt Giáo.

Mấy câu nói trên đây đã giảng thấu triệt như vậy, chẳng lạ gì Ấn Quang Đại Sư khen ngợi bộ Yếu Giải này như sau: “Nếu cổ Phật tái lai để soạn chú giải cho Kinh Di Đà thì cũng chẳng thể nào viết hay hơn được”. Người ta coi rẻ Pháp Môn Niệm Phật là vì những điều được dạy trong Pháp Môn này quá huyền, quá diệu, khiến cho người ta khó lòng tin tưởng được! Nhưng khi Đức Phật giảng Kinh này, đã đặc biệt hướng về vị đại diện cho những người đương cơ là Ngài Xá Lợi Phất để giảng giải toàn bộ Kinh. Trong mười vị đại đệ tử, Ngài Xá Lợi Phất trí huệ bậc nhất. Đủ thấy cần phải có trí huệ rất cao thì mới có thể tiếp nhận Pháp Môn này. Trong hội Hoa Nghiêm, Văn Thù, Phổ Hiền phát nguyện Vãng Sanh. Trong các Đại Bồ Tát, Văn Thù là trí huệ bậc nhất, Phổ Hiền là đức hạnh bậc nhất. Trong hội Vô Lượng Thọ, các vị đại Bồ Tát đều cùng tuân tu đức hạnh của Phổ Hiền Đại Sĩ, cho thấy Pháp Môn này cần phải là người trí huệ lẫn đức năng đều khá thì mới có tư cách tiếp nhận, đủ chứng tỏ bất cứ Pháp Môn nào cũng đều chẳng thể sánh bằng Pháp Môn này được!

Ở đây, Ngẫu Ích Đại Sư cũng giải đáp cho chúng ta một câu hỏi trọng yếu. Trong bản dịch Kinh Di Đà của La Thập Đại Sư có một câu Kinh Văn là “nhất tâm bất loạn”. Bản dịch của Ngài Huyền Trang là trực dịch (dịch sát theo nguyên văn, không dịch ý),

theo nguyên văn trong bản tiếng Phạn chẳng phải là “nhất tâm bất loạn”. Đối với nhất tâm bất loạn, người đời sau nêu ra rất nhiều ý kiến. Sự nhất tâm là đoạn Kiến Tư phiền não, là cảnh giới của A La Hán. Lý nhất tâm là cảnh giới của Sơ Trụ trong Viên Giáo hoặc Sơ Địa trong Biệt Giáo, là cảnh giới của Pháp Thân Đại Sĩ. Đọc đến đoạn chú giải này, đối với câu dịch “nhất tâm bất loạn” của La Thập Đại Sư chẳng còn nghi hoặc nữa. Kẻ Ngũ Nghịch, Thập Ác hễ sanh về Tây Phương Cực Lạc Thế Giới liền chứng ba thứ Bất Thoái, ba thứ Bất Thoái là Lý nhất tâm bất loạn. Vì sao vậy? Chẳng biết! Ngẫu Ích Đại Sư bảo chúng ta: Đây là vì “do tâm tánh thấu đạt đến mức cùng cực, công huân kỳ diệu của sự trì danh, và đại nguyện của Di Đà” gia trì nên mới thành ra như vậy.

“Nhất Sanh Bồ Xứ” tức là về sau sẽ được bổ nhiệm làm Phật, thành tựu của vị ấy hoàn toàn giống như Phật, chỉ là chưa ở địa vị Phật. Ngài Di Lạc là Bồ Xứ Bồ Tát trong Thế Giới này. Quán Thế Âm Bồ Tát là Bồ Xứ Bồ Tát trong Thế Giới Tây Phương. Nhân dân cõi Cực Lạc đều là một đời thành Phật, ai nấy đều thật sự chứng địa vị Bồ Xứ. Sanh về Tây Phương Thế Giới phải mất thời gian bao lâu mới chứng được địa vị Bồ Xứ Bồ Tát? A Di Đà Phật thành Phật đến nay chỉ mới mười kiếp, trong Kinh ghi “kỳ trung đa hữu Nhất Sanh Bồ Xứ” (trong ấy có nhiều vị Nhất Sanh Bồ Xứ).

Do có chữ “nhiều” chứng tỏ con số Bồ Xứ Bồ Tát trong mười kiếp đã hơn một nửa. Dựa theo điều này để suy luận, người Vãng Sanh từ một đến sáu kiếp đều đã tiến đến địa vị Bồ Xứ Bồ Tát. Tính ra thời hạn họ tu hành chẳng hơn năm sáu kiếp mà thôi! Nếu so sánh với thời gian ba đại A tăng kỳ kiếp trong Thế Giới Sa Bà, dường như không có cách nào so sánh được.

“Thích Ca nhất đại thời giáo” (Giáo pháp trong suốt một đời Phật Thích Ca), ở đây nói tới Phật Thích Ca nhằm tượng trưng cho các cõi Phật ngoài Thế Giới Tây Phương, tình trạng trong các cõi ấy đại khái giống như Thế Giới Sa Bà. Ngoài ba Kinh Tịnh Độ ra, trong hết thảy các Kinh thì chỉ có mình Kinh Hoa Nghiêm nói tới chuyện một người trong một đời tu hành viên mãn thành Phật. Thiện Tài tham học năm mươi ba lần, địa vị của Ngài là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo. Mỗi lần tham phỏng một vị, địa vị của Thiện Tài lại nâng cao hơn một tầng. Trong năm mươi ba địa vị thì có mười một vị là Đẳng Giác Bồ Tát. Khi tham phỏng Phổ Hiền Bồ Tát thì Thiện Tài đã viên mãn thành Phật. Trong hội Hoa Nghiêm, khi Thiện Tài tham phỏng phu nhân Ma Da thì Ngài đã là Đẳng Giác Bồ Tát, từ phu nhân Ma Da đến Ngài Di Lặc là mười vị thiện tri thức, Ngài đã dự vào địa vị Đẳng Giác từ lâu. Di Lặc Bồ Tát giới thiệu Thiện Tài đến tham học với Phổ Hiền Bồ Tát, Phổ Hiền

Bồ Tát dạy Thiện Tài niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, đến Thế Giới Cực Lạc để viên thành Phật đạo. Đối với chuyện này, chúng ta phải chú tâm suy nghĩ, Đức Phổ Hiền không chỉ khuyên mình Thiện Tài mà còn khuyên khắp đại chúng trong hải hội Hoa Tạng gồm bốn mươi một địa vị Pháp Thân Đại Sĩ, toàn thể đều cầu sanh về Thế Giới Cực Lạc. Đạo Sư của Thế Giới Hoa Tạng là Tỳ Lô Giá Na Như Lai, Văn Thù và Phổ Hiền là trợ thủ chánh yếu của Tỳ Lô Giá Na Phật. Nay Ngài Văn Thù phát nguyện cầu Vãng Sanh, Ngài Phổ Hiền khuyên khắp đại chúng trong hải hội. Hai vị đại đệ tử hoàn toàn chẳng phản bội thầy, mà thầy cũng chẳng quở trách bọn họ. Chúng ta hãy suy nghĩ chuyện này nhiều lượt thì mới thật sự tin tưởng Pháp Môn Tịnh Độ, và cũng mới có thể thật sự phát tâm đạt đến chỗ cùng cực của tâm tánh. Đối với những thành quả của người Vãng Sanh ấy, các vị Bồ Tát trong Mười Phương Thế Giới chẳng thể thấu hiểu, vì sao kẻ chưa đoạn phiền não, tội nghiệp cực nặng, niệm mấy câu Phật hiệu lại có thể sanh về Tây Phương, trí huệ, đức năng liền giống hết bậc Đăng Giác Bồ Tát? Họ thật sự chẳng biết đức năng của người ấy đã được bốn nguyện của A Di Đà Phật gia trì, làm tăng thượng duyên.

Tôi vừa mới nói tới chuyện so sánh giữa kẻ Ngũ Nghịch Thập Ác Vãng Sanh và bậc Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo. Ở chỗ này,

Đại Sư nói kể Ngũ Nghịch Thập Ác sau khi sanh về Tây Phương, hết thấy sự thụ dụng giống như hàng Đẳng Giác Bồ Tát. Đại Sư nói chúng sanh trong chín pháp giới chẳng thể dùng trí huệ của chính mình để hiểu rõ điều này. “Phàm phu lệ đặng Bồ Xứ, kỳ xướng cực đàm, bất khả trắc độ” (Phàm phu mà được xếp vào hàng Bồ Xứ, sự khởi xướng, đàm luận lạ lùng, tột bậc ấy chẳng thể nào suy lường được). Tông chỉ “một đời thành Phật” được nói trong Kinh Hoa Nghiêm đã hoàn toàn nằm trong Kinh này. Do vậy, Kinh này chính là quy túc và tổng kết của Kinh Hoa Nghiêm. Thiên hạ xưa nay kẻ tin tưởng ít ỏi, người hoài nghi đông đảo, dùng ngôn ngữ, văn từ thảo luận Tịnh Tông rất nhiều, càng nhiều càng chẳng hiểu rõ! Trong những trước thuật của bậc Đại Đức hữu tu hữu chứng càng có nhiều lời hoài nghi Tịnh Tông. Chẳng hạn như bộ Hoa Nghiêm Hợp Luận của Lý Trường Giả là một thí dụ. Kinh Hoa Nghiêm từ cổ đến nay chỉ có hai bản chú giải, một là bản của Thanh Lương Đại Sư, hai là bản của Lý Trường Giả. Lý Trường Giả sống trước thời Thanh Lương Đại Sư. Ngài muốn soạn chú giải cho Kinh Hoa Nghiêm bèn tính kiếm một nơi thanh tịnh. Khi lên núi, Ngài gặp một con cọp, Ngài cầm gậy gõ vào đầu cọp, bảo nó: “Ta muốn tìm một nơi thanh tịnh để viết chú giải cho Kinh Hoa Nghiêm, ngươi có biết chỗ nào hay không?” Cọp vẫy đuôi dẫn Ngài đi theo, đi đến một hang núi, vốn là hang cọp. Cọp dọn nhà,

nhường chỗ ấy cho Ngài Chú Giải Kinh. Một hôm, chợt có hai cô gái từ bờ ao bước tới hầu hạ cơm nước cho Ngài. Hai năm sau, chú giải sắp xong, Ngài nghĩ hai cô gái này hầu hạ rất lâu mà cũng chẳng biết tên họ, vừa dấy lên ý nghĩ ấy thì hai cô gái đã không biết đi đâu mất. Đây chính là Chư Thiên cúng dường. Trong bộ Hợp Luận, Lý Trường Giả nói cõi Tây Phương là quyền biến, còn Hoa Tạng mới là thật, Hoa Tạng lớn, Tây Phương nhỏ. Lý Trường Giả đạo đức tu trì như vậy mà còn có thiên kiến như thế đối với Tây Phương Tịnh Độ, huống gì những người khác! Ngẫu Ích Đại Sư nói: “Lời nhiều, nghĩa hao” chính là nói về Lý Trường Giả vậy!

(Kinh) Xá Lợi Phát! Chúng sanh văn giả, ưng đương phát nguyện, nguyện sanh bỉ quốc. Sở dĩ giả hà? Đắc dĩ như thị chư thượng thiện nhân, câu hội nhất xứ.

(Chánh Kinh: Này Xá Lợi Phát! Chúng sanh nghe vậy, hãy nên phát nguyện, nguyện sanh vào cõi ấy. Vì có sao thế? Được cùng các vị thượng thiện nhân như thế cùng tụ hội một chỗ).

Đức Thế Tôn kêu Ngài Xá Lợi Phát, mà cũng là gọi chúng ta, khuyên dạy chúng ta “hãy nên phát nguyện, nguyện sanh vào cõi ấy”. Hoa Nghiêm là Pháp Môn căn bản của các giáo pháp trong suốt một đời Đức Phật. Hết thấy các Kinh đều là quyền thuộc của Hoa Nghiêm, chỗ quy túc của Pháp Môn căn bản là Tây Phương

Cực Lạc Thế Giới nhưng mọi người chẳng thể tin tưởng, nói chung là vì thiện căn còn chưa chín muồi. Ngẫu Ích Đại Sư rất miệng buốt lòng chỉ bày cho chúng ta, giải đáp từng tầng nghi nan một. Sau khi đã hiểu rõ, hãy nên phát nguyện Vãng Sanh thì mới chẳng cô phụ nỗi khổ tâm của Đại Sư. Ở đây, Đức Phật lại khuyên lon chúng ta cầu sanh Tịnh Độ. Tịnh Độ thù thắng ở chỗ “các vị thượng thiện nhân tụ hội một chỗ”. Trong thế gian, bạn lành ít ỏi, bạn ác đông đúc. những ai cở vũ, khích lệ chúng ta buông xuống vạn duyên, chuyên tu Pháp Môn này thì là bạn lành. Nếu khuyên chúng ta: “Kinh Hoa Nghiêm rất hay, phải đọc cho nhiều. Kinh Pháp Hoa cũng chẳng thể không đọc”, đấy chẳng phải là thiện hữu. Nói như vậy khiến cho ta phân tâm và xen tạp. Dầu nỗ lực thì cũng là tạp tấn, chẳng phải là tinh tấn. Một đời người đọc một bộ Kinh là đủ rồi. Không chỉ buông xuống thế duyên (duyên trong cõi đời) mà Phật Pháp cũng phải buông xuống. Người có thể làm được như vậy thì không một ai chẳng Vãng Sanh.

(Giải) Tiền La Hán, Bồ Tát, dẫn khả vân “thiện nhân”, duy Bồ Xứ cư nhân vị chi cực, cố vân “thượng”. Kỳ số thậm đa, cố vân “chư”. “Câu hội nhất xứ”, do ngôn Phàm Thánh Đồng Cư, tầm thường do thật thánh quá khứ hữu lậu nghiệp, quyền thánh đại từ bi nguyện, cố phàm phu đắc dĩ Thánh Nhân đồng cư. Chí

thật thánh hôi thân, quyền thánh cơ tận, tiện thăng trầm thạc dị, khổ lạc huyền thù. Nãi tạm đồng, phi cứu cánh đồng dã. Hựu, thiên nhưõng chi gian, kiến văn giả thiếu, hạnh hoạch kiến văn, thân cận bộ xu giả thiếu. Hựu, Phật thế Thánh Nhân tủng đa, như trăn, như thụy, bất năng biến mãn quốc độ, như chúng tinh, vi trăn. Hựu, cư tuy đồng, nhi sở tác, sở biện, tắc huýnh bất đồng. Kim đồng dĩ vô lậu bất tư nghị nghiệp, cảm sanh câu hội nhất xứ, vi sư hữu, như huân, như trì, đồng tận vô minh, đồng đấng Diệu Giác. Thị tắc hạ phạm chúng sanh u Niệm Bất Thoái trung, siêu tận tứ thập nhất nhân vị. Nhược vị thị phạm phu, khước bất lịch Di Sanh, tất bổ Phật chức, dĩ Quán Âm, Thế Chí vô biệt. Nhược vị thị Nhất Sanh Bồ Xứ, khước khả danh phạm phu, bất khả danh Đấng Giác Bồ Tát. Thử giai giáo vông sở bất năng thâm, sát vông sở bất năng lệ.

(Giải: La Hán, Bồ Tát được nói trong đoạn trước chỉ có thể gọi là “thiện nhân”, riêng hàng Bồ Xứ là tột bậc trong địa vị tu nhân, nên gọi là “thượng”. Số lượng thật nhiều, nên gọi là “chư”. “Cùng tụ hội một chỗ”: Nếu nói về Phạm Thánh Đồng Cư thì thông thường, bậc thật thánh do có nghiệp hữu lậu trong quá khứ, bậc quyền thánh (Thánh Nhân thị hiện) do đại nguyện từ bi, nên phạm phu được ở chung một cõi với Thánh Nhân. Đến khi bậc thật

thánh diệt thân và cơ duyên thị hiện của bậc quyền thánh đã hết, thì phàm phu và Thánh Nhân liền thặng trăm thật khác biệt, khổ sướng rất khác, nên chỉ là “tạm đồng” (ở chung với nhau tạm thời), chứ không phải là rốt ráo “đồng”. Hơn nữa, trong khoảng Trời đất, ít ai thấy nghe Thánh Nhân, những người may mắn được thấy, nghe, thân cận, theo học hỏi chỉ là số ít. Hơn nữa, khi Phật tại thế, Thánh Nhân dẫu đông, nhưng vẫn là hiếm hoi như đồ quý báu, như vật tốt lành, chẳng thể trọn khắp cõi nước giống như các ngôi sao hay vi trần. Hơn nữa, tuy cùng sống trong một quốc độ, nhưng việc làm, hành động hết sức khác biệt. Nay trong cõi Cực Lạc thì cùng do nghiệp vô lậu chẳng thể nghĩ bàn cảm vời mà cùng tụ hội một chỗ, làm thầy bạn cho nhau, giống như ống tiêu với ống sáo, cùng hết sạch vô minh, cùng đạt lên Diệu Giác. Do vậy, chúng sanh kém cõi, phàm phu, ở trong Niệm Bất Thoái, vượt trọn hết bốn mươi một địa vị tu nhân. Nếu bảo họ là phàm phu thì họ chẳng trải qua các địa vị Dị Sanh, mà dự ngay vào địa vị Bồ Xứ, chẳng khác gì Quán Âm, Thế Chí. Nếu bảo họ là Nhất Sanh Bồ Xứ thì chỉ có thể gọi họ là phàm phu, chẳng thể gọi họ là Đẳng Giác Bồ Tát. Điều này chẳng thể gồm thâu trong giáo pháp nào, mà cũng chẳng thể có trong bất cứ cõi nước nào).

La Hán và Bồ Tát đều có thể gọi là “thiện nhân”, nhưng chỉ có Bồ Xứ Bồ Tát có thể gọi là “thượng thiện”. Số lượng Bồ Xứ Bồ Tát rất đông. Thế Giới Sa Bà của chúng ta cũng là cõi Phạm Thánh Đồng Cư. “Thật Thánh” là Thánh Nhân thật sự, nhưng vẫn còn nghiệp hữu lậu trong quá khứ chưa đoạn sạch, chẳng hạn như các vị La Hán, Bích Chi Phật, sau khi chứng Sơ Quả còn phải bảy lần sanh lên cõi Trời hay trong nhân gian vì còn nghiệp hữu lậu chưa đoạn hết. Họ đã đoạn hết Kiến Hoặc, nhưng chưa hết Tư Hoặc, do vậy, cần phải tái sanh. “Quyền thánh” chính là các bậc quyền xảo phương tiện, đại quyền thị hiện, như các vị Bồ Tát Quán Âm, Thế Chí, Địa Tạng, đã thành Phật từ trong nhiều kiếp lâu xa về trước, thị hiện trong thế gian, sống chung với chúng ta. Như Ngài Pháp Chiếu thấy đức Văn Thù, đức Văn Thù là đại quyền thị hiện. Tôn Giả Ca Nặc Ca được nhắc tới trong Thủy Sám cũng là một vị A La Hán, Đạo Tràn của Ngài ở Tứ Xuyên. Ngô Đạt Quốc Sư có duyên với Ngài nên gặp gỡ, nhưng duyên chỉ có một lần, không có lần thứ hai. Thánh Nhân tuy nhiều, nhưng giống như của báu, như điềm lành, chẳng thể trọn khắp cõi nước. Tây Phương khác hẳn, hằng ngày có thể gặp mặt các vị Bồ Tát. Lúc Phật tại thế, Thường Tùy Chúng có đến một ngàn hai trăm năm mươi lăm vị, các vị Bồ Tát chẳng thể đếm nổi. Lấy đại thành Xá Vệ làm thí dụ, có mười vạn người, Đức Phật giảng Kinh trong thành ấy nhiều năm, nhưng

người đích thân nghe Đức Phật giảng Kinh cũng được một phần ba, những người biết có Phật, nhưng chưa từng thấy Phật cũng chiếm một phần ba, một phần ba còn lại chẳng biết Phật là ai! Tuy cùng sống một chỗ, nhưng việc làm, hành vi khác nhau. Việc làm của Thánh Nhân là cầu sanh Thế Giới Cực Lạc, khuyên dạy hết thảy chúng sanh Vãng Sanh. Phàm phu lo toan những chuyện thuộc về tiếng tăm, lợi dưỡng, tham, sân, si, mạn, luân chuyển trong lục đạo.

Cõi Phàm Thánh Đồng Cư của Thế Giới Tây Phương rất khác cõi Phàm Thánh Đồng Cư trong Mười Phương Thế Giới. Đại Sư nói: “Kim đồng dĩ vô lậu bất tư nghị nghiệp, cảm sanh câu hội nhất xứ, vi sư hữu” (Nay do nghiệp vô lậu chẳng thể nghĩ bàn mà cảm vời cùng tụ hội một chỗ, làm thầy bạn cho nhau). Mấy chữ “vô lậu bất tư nghị nghiệp” rất quan trọng. Nếu nói về Thánh Nhân thì không có vấn đề gì, nếu nói về kẻ phàm phu kém hèn Vãng Sanh thì sợ rằng họ chẳng thể gánh vác được, dường như đáng nghi, nhưng trong Kinh lại dạy: “Bất khả dĩ thiểu thiện căn, phước đức, nhân duyên” (Chẳng thể dùng chút thiện căn, phước đức, nhân duyên)! Đủ thấy phàm là người Vãng Sanh đều là người trọn đủ thiện căn, phước đức, nhân duyên. Trong phần chú giải chương Thượng Phẩm Thượng Sanh của Quán Kinh, Thiện Đạo Đại Sư đã

khai thị rất minh bạch: Nếu kẻ nào chẳng phải là lắm thiện căn, nhiều phước đức thì có giảng cho hẳn nghe Pháp Môn Tịnh Độ, hẳn cũng chẳng thể tin tưởng! Ai có thể tin tưởng là do thiện căn trong nhiều đời nhiều kiếp đã chín muồi. lại còn có thể phát nguyện cầu Vãng Sanh bèn là lắm phước đức. Trong lời chú giải ở đây, Ngẫu Ích Đại Sư đã nói: “Tâm tánh chi cực trí, trì danh chi kỳ huân” (do tâm tánh thấu đạt đến cùng cực và công huân kỳ diệu của pháp trì danh), hai câu này hết sức có trọng lượng. Tâm tánh vô lượng vô biên, niệm một tiếng Phật hiệu liền có vô lượng vô biên phước đức. Tin thật sự, nguyện thiết tha, nhất tâm trì danh, chính là “tâm tánh chi cực trí” (thấu đạt tâm tánh đến mức cùng cực). Danh hiệu Di Đà cũng là đức hiệu của tự tánh, Tự và Tha chẳng hai. Chúng ta vận dụng tâm tánh đến mức cùng cực thì công đức của danh hiệu cũng biến thành cùng cực, nghiệp vô lậu chẳng thể nghĩ bàn, lại còn được bốn nguyện, công đức của A Di Đà Phật làm tăng thượng duyên, nên mới có thể cùng các vị thượng thiện nhân cùng tụ hội một chỗ, làm thầy, làm bạn, cho nên công đức thành tựu nhanh chóng.

“Nhu huân, như trì ”: Đây là chữ trong Kinh Thi, Huân và Trì là hai thứ nhạc khí thời cổ. Huân đọc giống như Huyền, Trì đọc giống như chữ Trì. Hai thứ âm thanh hòa hợp, hình dung anh em

hòa thuận. Ý nói: Sinh về Tây Phương sẽ cùng với Đẳng Giác Bồ Tát giống như anh em một niềm thân ái, mọi người ở cùng một chỗ. Họ còn có một phần sanh tướng vô minh chưa đoạn, nhưng chúng ta cùng với họ sẽ đều hết vô minh, Kiến Tu, Trần Sa khởi cần phải nói đến nữa! Không chỉ là chúng ba thứ Bất Thoái mà còn là chúng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái, ngang bằng bậc Đẳng Giác Bồ Tát. “Đồng đẳng Diệu Giác” (cùng lên địa vị Diệu Giác): Diệu Giác là quả vị Phật trong Viên Giáo.

Ngũ Nghịch, Thập Ác là hạng phàm phu kém cõi nhất, sanh về Tây Phương ở chung một chỗ với các vị thượng thiện nhân, vượt thoát Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, bốn mươi một phẩm vị, đủ thấy sau khi sanh về Tây Phương, chẳng cần phải trải qua ba hay bốn kiếp, rất nhanh chóng chứng ngay địa vị Bồ Xứ làm Phật, ta lại có thể suy ra rằng: Trong Thế Giới Tây Phương, Bồ Xứ Bồ Tát chiếm đại đa số. Phàm phu đời nghiệp Vãng Sanh trong một đời liền có đạt đến địa vị Bồ Xứ, chẳng khác gì các vị Quán Âm, Thế Chí. Kẻ mới vừa Vãng Sanh cõi Đồng Cư, Kiến Hoặc, Tư Hoặc chưa đoạn, Vô Minh chưa phá, vẫn còn mang thân phàm phàm phu, chẳng phải là Đẳng Giác. Do vậy, Tây Phương Thế Giới đúng là như trong phần trước đã nói: Hết thấy đều chẳng phải, hết thấy đều phải.

“Thử giai giáo võng sở bất năng thâm, sát võng sở bất năng lệ” (Điều này chẳng thể gồm thâm trong giáo pháp nào, mà cũng chẳng thể có trong bất cứ cõi nước nào): “Giáo võng” chính là Kinh Giáo do Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng trong bốn mươi chín năm, chưa hề nói đến chuyện này. Trong hết thảy các cõi Phật cũng chẳng có tình huống này. Đây chính là do tâm tánh đạt đến cùng cực, công đức của danh hiệu chẳng thể nghĩ bàn, do bốn nguyện, oai thần của Phật Di Đà gia trì. Cõi Cực Lạc Đồng Cư trong Pháp Môn Tịnh Độ vượt trội hết thảy các cõi nước Phật, ngày nay may mắn gặp gỡ, chỉ cần chiếu theo phương pháp và lý luận trong Kinh Điền để tu học thì chẳng bao lâu sẽ là bậc đại Thánh Nhân trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư của Tây Phương Cực Lạc Thế Giới.

(Giải) Đương tri ngô nhân đại sự nhân duyên, Đồng Cư nhất quan, tối nan thấu thoát. Duy Cực Lạc Đồng Cư, siêu xuất thập phương Đồng Cư chi ngoại. Liễu thử phương năng thâm tín Di Đà nguyện lực. Tín Phật lực, phương năng thâm tín danh hiệu công đức. Tín trì danh, phương năng thâm tín ngô nhân tâm tánh, bổn bất khả tư nghị dã. Cụ thử thâm tín, phương năng phát u đại nguyện. Văn trung “ưng đương” nhị tự, tức chỉ thâm tín. Thâm tín phát nguyện, tức Vô Thượng Bồ Đề. Hợp thử tín

nguyện, đích vi Tịnh Độ chỉ nam. Do thử nhi chấp trì danh hiệu, nãi vi Chánh Hạnh. Nhược tín nguyện kiên cố, lâm chung thập niệm, nhất niệm, diệc quyết đắc sanh. Nhược vô tín nguyện, túng tương danh hiệu trì chí phong xuy bất nhập, vũ đả bất thấp, như ngân tường, thiết bích tương tự, diệc vô đắc sanh chi lý. Tu tịnh nghiệp giả, bất khả bất tri dã. Đại Bản A Di Đà Kinh, diệc dĩ “phát Bồ Đề nguyện” vi yếu, chánh dữ thử đồng.

(Giải: Hãy nên biết đối với nhân duyên đại sự của chúng ta, một cửa ải Đông Cư khó thể vượt thoát nhất. Chỉ có cõi Đông Cư trong Cực Lạc vượt khỏi các cõi Đông Cư trong mười phương. Hiểu rõ điều này rồi thì mới có thể tin sâu vào nguyện lực của Phật Di Đà. Có tin vào Phật lực thì mới có thể tin tưởng sâu xa công đức của danh hiệu. Tin vào trì danh thì mới có thể tin tưởng sâu xa tâm tánh của chúng ta vốn chẳng thể nghĩ bàn. Có lòng tin sâu xa như vậy rồi thì mới có thể phát ra đại nguyện. Hai chữ “hãy nên” trong Kinh Văn chính là nói đến lòng tin sâu xa. Tin sâu, phát nguyện chính là Vô Thượng Bồ Đề. Gộp cả hai thứ Tín và Nguyện này, đích xác là kim chỉ nam cho Pháp Môn Tịnh Độ. Do hai điều này mà chấp trì danh hiệu thì là Chánh Hạnh. Nếu tín nguyện kiên cố, lâm chung mười niệm hoặc một niệm, cũng quyết định được Vãng Sanh. Nếu không có tín nguyện, dầu trì danh hiệu

đến mức gió thổi chẳng lọt, mưa tấp chẳng ướt giống như tường bạc vách sắt thì cũng chẳng có lẽ nào được Vãng Sanh! Người tu Tịnh nghiệp chẳng thể không biết điều này. Đại Bản A Di Đà Kinh cũng coi “phát nguyện Bồ Đề” là trọng yếu, hoàn toàn giống như Kinh này).

Trong Kinh này, Đức Phật nói rõ ràng: Thế Giới Tây Phương thành tựu sự trang nghiêm thù thắng, thời gian không dài. Đoạn thứ nhất giới thiệu hoàn cảnh y báo, gần giống như xây trường học trong một thời gian ngắn ngủi, xây dựng một khu trường đẹp đẽ tuyệt vời, các thiết bị hoàn chỉnh, không thiếu sót mảy may nào. Đoạn thứ hai nói về sự trang nghiêm nơi chánh báo, giới thiệu Đạo Sư A Di Đà Phật là vị thầy ưu tú nhất, Thanh Văn, Bồ Tát, Nhất Sanh Bồ Xứ là những học trò đạt thành tựu trong tu học. Quán sát hai đoạn Kinh Văn này, ta thấy các cõi Phật trong mười phương chẳng thể sánh bằng. Đem những chỗ tốt đẹp của Thế Giới Cực Lạc nói hết ra, chúng ta đã biết tình hình thực tế ấy, lẽ nào chẳng hâm mộ, hướng về. Trong đoạn này, Kinh dạy cho chúng ta biết một đại sự nhân duyên, tức là đại sự sanh tử. Trong lục đạo, muốn liễu sanh tử, thoát tam giới thì chẳng phải là chuyện dễ dàng, đoạn phiền não khó lắm! Mê hoặc tạo nghiệp, chịu khổ, tạo thành luân hồi. Khi gánh chịu quả báo chẳng biết tự phản tỉnh, càng thêm mê

hoặc, càng mê sâu hơn, mỗi đời lại kém hơn đời trước. Cõi Đồng Cư trong Tây Phương Cực Lạc Thế Giới chẳng có lục đạo, khác hẳn cõi Đồng Cư trong Mười Phương Thế Giới. Thế Giới Tây Phương là Nhất Chân Pháp Giới, cũng chẳng có mười pháp giới. Bốn cõi xếp theo hàng ngang, hễ sanh về một cõi sẽ sanh về hết thảy cõi, người Vãng Sanh mang theo nghiệp cũ, nhiều hay ít chẳng giống nhau. Người mang theo nghiệp ít sẽ ở trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm hoặc cõi Thường Tịch Quang. Mang theo nghiệp nhiều sẽ ở trong cõi Phương Tiện Hữu Dư hoặc cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Trên sự thật là Nhất Chân pháp giới, bất luận chúng sanh trong đường nào, sanh về Tây Phương Cực Lạc Thế Giới đều bình đẳng với Đẳng Giác Bồ Tát. Bốn mươi tám nguyện và Kinh Vô Lượng Thọ đều nói như thế. Nếu chẳng phải là Nhất Chân Pháp Giới, sẽ hoàn toàn chẳng có tình hình này! Quán Kinh nói bốn cách niệm Phật là Thật Tướng, Quán Tướng, Quán Tượng và Trì Danh. Mười phương chúng sanh sanh về Thế Giới Cực Lạc, phần nhiều nhờ cách Trì Danh Niệm Phật. Bởi nó là Pháp Môn bậc nhất, dễ dàng nhất, đơn giản nhất, nhanh chóng nhất, ôn hòa thích đáng nhất, chí viên, chí đốn. Kinh Vô Lượng Thọ nói điều kiện để Vãng Sanh Tây Phương Cực Lạc Thế Giới là “phát Bồ Đề tâm, một bề chuyên niệm”. Lại xem phần ba bậc chín phẩm Vãng Sanh trong Kinh Vô Lượng Thọ và Kinh Quán Vô Lượng Thọ và đọc

các Kinh Điển Đại Thừa khác, những người hồi hướng Vãng Sanh đều là “phát Bồ Đề tâm, một bề chuyên niệm”. Nguyên thứ mười tám trong bốn mươi tám nguyện là “một bề chuyên niệm, mười niệm thành tựu”, nguyện thứ mười chín là “phát Bồ Đề tâm”. Đủ thấy rằng tông chỉ “phát Bồ Đề tâm, một bề chuyên niệm” dựa trên bốn nguyện của Phật Di Đà. Trong Quán Kinh, Đức Phật gọi Bồ Đề tâm là “chí thành tâm, thâm tâm và hồi hướng phát nguyện tâm”. Trong Đại Thừa Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát nói Bồ Đề tâm là “trực tâm, thâm tâm, đại bi tâm”. Những danh tướng ấy rất nhiều, nhưng đều nói chưa rõ ràng lắm. Ở đây, Ngẫu Ích Đại Sư dạy cho chúng ta một định nghĩa đơn giản, trọng yếu nhất: “Tin sâu phát nguyện chính là Vô Thượng Bồ Đề tâm”. Tất cả những tâm như chí thành tâm, thâm tâm, trực tâm, hồi hướng phát nguyện tâm, đại bi tâm đều bao gồm trong một niệm, Đại Sư đã nói toạc ra. Bà cụ già chẳng biết chữ, chẳng biết thế nào là phát Bồ Đề tâm, nhưng bà cụ có lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, đến cuối cùng, thân không bệnh khổ, ngồi Vãng Sanh. Do vậy, Đại Sư nói: “Hợp thử tín nguyện, đích vi Tịnh Độ chỉ nam. Do thử nhi chấp trì danh hiệu, nãi vi Chánh Hạnh” (Gộp cả hai thứ Tín và Nguyện này đích xác là kim chỉ nam cho Pháp Môn Tịnh Độ. Do hai điều này mà chấp trì danh hiệu thì là Chánh Hạnh), hết sức trọng yếu!

“Nhuộc tín nguyện kiên cố, lâm chung thập niệm, nhất niệm, diệp quyết Vãng Sanh” (Nếu tín nguyện kiên cố, lâm chung mười niệm hoặc một niệm, cũng quyết định được Vãng Sanh): Đại Sư nói hết sức khẳng định, chính là nói: “Đắc sanh dữ phủ, toàn do tín nguyện chi hữu vô” (Được Vãng Sanh hay không, hoàn toàn do có tín nguyện hay không).

Có tín và có nguyện sẽ tương ứng với nguyện lực của A Di Đà Phật, tương ứng với chân tâm bản tánh của chính mình. Dầu có cảm ứng cũng chớ nên hoan hỷ, chỉ dốc sức nơi tín nguyện trì danh là được rồi. Nếu công phu trì danh đến mức, mà tín nguyện hoàn toàn chẳng chân thật, thiết tha thì cũng uổng phí công phu. Có người đối với chuyện thế gian không buông xuống được, con cái, thân quyến, của cải, sự nghiệp, chẳng bỏ thứ gì được, chỉ cần có một tí vướng mắc sẽ chẳng thể Vãng Sanh. Công phu chân chánh là thấy thấu suốt, rõ ràng hết thấy pháp trong thế gian, đây gọi là Đoạn Đức, ý chí hướng về Tây Phương hết sức mãnh liệt thì còn có gì mà chẳng làm được!

4.2.3. Chỉ thẳng pháp Trì Danh nhằm khuyên hành giả lập hạnh

(Kinh) Xá Lợi Phát! Bất khả dĩ thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên đắc sanh bỉ quốc. Xá Lợi Phát! Nhuộc hữu thiện

nam tử, thiện nữ nhân, văn thuyết A Di Đà Phật, chấp trì danh hiệu, nhược nhất nhật, nhược nhị nhật, nhược tam nhật, nhược tứ nhật, nhược ngũ nhật, nhược lục nhật, nhược thất nhật, nhất tâm bất loạn, kỳ nhân lâm mạng chung thời, A Di Đà Phật dữ chư Thánh Chúng hiện tại kỳ tiền. Thị nhân chung thời, tâm bất điên đảo, tức đắc Vãng Sanh A Di Đà Phật Cực Lạc quốc độ.

(Chánh Kinh: Này Xá Lợi Phất! Chẳng thể dùng chút ít thiện căn, phước đức, nhân duyên để sanh vào nước ấy. Này Xá Lợi Phất! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, nghe nói A Di Đà Phật, chấp trì danh hiệu, hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày, hoặc năm ngày, hoặc sáu ngày, hoặc bảy ngày, nhất tâm bất loạn, khi người ấy lâm chung, A Di Đà Phật và các Thánh Chúng hiện ra trước mặt. Người ấy lúc lâm chung, tâm chẳng điên đảo liền được sanh về cõi nước Cực Lạc của A Di Đà Phật).

Đức Phật bảo Tôn Giả Xá Lợi Phất: “Bất khả dĩ thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên, đắc sanh bỉ quốc” (Chẳng thể dùng chút ít thiện căn, phước đức, nhân duyên để sanh vào nước ấy). “Thiện căn” là tin tưởng sâu xa, “phước đức” là trì danh, phát tâm niệm Phật là phước đức lớn nhất trong thế gian lẫn xuất thế gian. Trời, người ít phước đức, Nhị Thừa, Quyền Giáo Bồ Tát ít thiện

căn, nửa tin nửa ngờ. Có ai đem Pháp Môn này giới thiệu với người khác thì những kẻ ấy tự nhận là bậc thượng căn lợi trí, đáng nên học Kinh Giáo, tham Thiền, coi pháp Niệm Phật chẳng xứng đáng để họ quan tâm. Trong cõi đời, có kẻ tin Phật lâu năm, chịu tin tưởng, cũng phát nguyện, nhưng chẳng thể Vãng Sanh là do chưa thể buông xuống các duyên trong cõi đời, không bỏ nổi cảm tình, bị chuyện thế gian vây bủa, tức là chẳng đủ phước đức. Trước hết, phải hiểu rõ lý luận và sự thật trong Pháp Môn Tịnh Độ, phải giảng nhiều, nghe nhiều, chứ chỉ một hai lượt thì hiệu quả chẳng lớn. Tôi là một người thuộc vào trường hợp này! Giảng Yếu Giải lần này khác với lần giảng năm ngoái. Trong lần này có những điều trong quá khứ tôi chưa hề nói đến. Quán sát, thấu hiểu mỗi năm càng sâu đậm hơn năm trước, mỗi năm một hiểu rõ hơn, chứ không phải là năm ngoái tôi tiếc pháp không chịu nói! Năm ngoái tôi cũng không biết những điều ấy. Đến nay tôi mới thấu hiểu vì sao xưa kia Thiền Sư Đạo Xước giảng ba Kinh một luận Tịnh Độ, giảng hơn hai trăm lần. Đáng tiếc là những bản chú giải của lão nhân gia không được truyền lại. Hiện thời, chúng ta thấy bản chú giải của Cổ Đức được lưu truyền phổ biến nhất là bộ Sớ Sao của Liên Trì Đại Sư, Viên Trung Sao của U Khê Đại Sư và Yếu Giải của Ngẫu Ích Đại Sư. Ngày nay có thể nghe nói tới bộ Yếu Giải này, chính là thiện căn và phước đức cùng lúc đầy đủ. Trong đời

quá khứ, các vị đồng tu đã kết duyên rất sâu với A Di Đà Phật, nhưng sở dĩ chưa thể Vãng Sanh là do trong ba điều kiện trên đây đã thiếu mất một. Nếu đầy đủ thì đời này sẽ là thân sau cùng. Sanh nhằm thời đại này, nghe Kinh có băng thâu âm và băng thâu hình, nghe mấy chục lượt thì từ trong mê tình chúng ta sẽ được lay tỉnh. Đây là tăng thượng duyên, thiện căn, phước đức là thân nhân duyên.

“Nhuộc hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, văn thuyết A Di Đà Phật, chấp trì danh hiệu” (Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, nghe nói A Di Đà Phật, chấp trì danh hiệu): Tiêu chuẩn “thiện nam tử, thiện nữ nhân” được nói ở đây khác với tiêu chuẩn của thiện nam tử, thiện nữ nhân trong hết thảy các Kinh Điển khác. “Thiện nam tử, thiện nữ nhân” như trong Kinh Di Đà đã nói phải có nhiều thiện căn, nhiều phước đức, nhiều nhân duyên, mà cũng là những nam tử, nữ nhân tin thật, nguyện thiết, nhất tâm trì danh hiệu như trong phần trên đã nói.

“Văn thuyết A Di Đà Phật” (nghe nói A Di Đà Phật): “Văn” (聞) là nghe xong liền có nguyện vọng Vãng Sanh mạnh mẽ. “Chấp” là nắm giữ, “trì” là giữ gìn chẳng để mất. Trong tâm chỉ có A Di Đà Phật, hễ vọng niệm vừa dấy lên, ngay lập tức nghĩ đến tượng A Di Đà Phật, miệng liền niệm Phật. nhất tâm bất loạn là

mục tiêu niệm Phật của chúng ta. Đại Thế Chí Bồ Tát dạy chúng ta “tịnh niệm tiếp nối”, tâm tưởng Phật, miệng niệm Phật đều không gián đoạn. Nếu có tạp niệm thì chẳng tương ứng. Tạp niệm, vọng tưởng dấy lên là hiện tượng bình thường, chẳng cần phải quan tâm đến nó, cứ chuyên chú nơi Phật hiệu, vọng niệm sẽ dần dần ít đi. Thông thường, công phu sẽ đặc lực sau hai ba năm, mỗi giờ có đôi ba vọng niệm thì đã được coi là khá lắm rồi! Chưa đoạn được vọng niệm, nói chung là vì chưa buông xuống được các duyên trong đời. Hiện tại, chúng ta đả Phật thất, chính là căn cứ theo Kinh Di Đà đã dạy, bảy ngày có thể thành tựu. chỉ cần tu đến mức nhất tâm bất loạn, muốn Vãng Sanh liền Vãng Sanh. Sống chết tự tại, bảy ngày niệm đến mức tương ứng là được. Nếu chẳng tương ứng thì bảy mươi ngày cũng chẳng có tác dụng gì hết.

(Giải) Bồ Đề chánh đạo, danh “thiện căn”, tức thân nhân. Chủng chủng trợ đạo, Thí, Giới, Thiên đặng, danh “phước đức”, tức trợ duyên. Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Đề thiện căn thiếu, nhân thiên hữu lậu phước nghiệp, phước đức thiếu, giai bất khả sanh Tịnh Độ. Duy dĩ tín nguyện chấp trì danh hiệu, tất nhất nhất thanh, tất cụ đa thiện căn, phước đức, tán tâm xưng danh, phước thiện diệt bất khả lượng, hướng nhất tâm bất loạn tại!

(Giải: Chánh đạo Bồ Đề gọi là “thiện căn”, tức thân nhân (cái nhân chánh yếu). Các món trợ đạo như Thí, Giới, Thiên v.v... gọi là “phước đức”, tức là trợ duyên. Thiện căn Bồ Đề của Thanh Văn, Duyên Giác ít ỏi, phước nghiệp của Trời người là hữu lậu, nên phước đức ít ỏi, đều chẳng thể Vãng Sanh Tịnh Độ. Chỉ có tín nguyện, chấp trì danh hiệu thì mỗi một tiếng đều đầy đủ nhiều thiện căn, phước đức. Tâm tán loạn xưng danh thì phước thiện còn chẳng thể lường, huống là nhất tâm bất loạn u!)

Chú giải đoạn này, Đại Sư giảng rõ tình huống có thể Vãng Sanh hay là không. Chữ “chánh đạo” trong “Bồ Đề chánh đạo” chỉ Chân Như bản tánh trong Phật Pháp Đại Thừa. “Bồ Đề chánh đạo” tức là minh tâm kiến tánh, trong Tịnh Tông gọi là “thâm tín”. Tin sâu xa quả thật có Thế Giới Cực Lạc, có A Di Đà Phật, tin sâu xa lời giới thiệu của Thích Ca Mâu Ni quả thật chẳng dối, tin sâu xa Mười Phương hết thấy Chư Phật Như Lai chứng minh lời Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói là xác thực không sai. Đây chính là “thân nhân” (cái nhân chánh yếu) khiến chúng ta Vãng Sanh Tịnh Độ, thành Phật trong một đời. Các pháp thường được nói đến như Tứ Nhiếp, Lục Độ, ba mươi bảy đạo phẩm đều là trợ duyên. Chúng ta thật sự phát nguyện sanh về Tịnh Độ, thân cận A Di Đà Phật thì Tứ Nhiếp, Lục Độ, ba mươi bảy đạo phẩm cũng đều hoàn toàn trọn

đủ. Một đời xử thế, đãi người, tiếp vật, có tư hào thiện tâm, thiện hạnh nào cũng đều hồi hướng Tây Phương cầu sanh về Thế Giới Cực Lạc, chẳng cầu phước báo Trời người trong đời này hay trong đời kế, chỉ cầu Vãng Sanh Tây Phương, trang nghiêm Tịnh Độ thì tâm ấy mới thuần, là trợ duyên thù thắng. Cổ Nhân nói: “Tín nguyện trì danh là điều lành nhất trong các điều lành”. Đạo lý trong câu nói này rất sâu. Bậc Bồ Tát minh tâm kiến tánh còn chưa hiểu thật rõ loại sự lý này. Nếu Đức Phật không dạy chúng ta, ai có thể hiểu được? Phạm phu nghiệp chướng tập khí nặng nề, tuy Phật giảng rõ ràng, vẫn chẳng nhất định tin tưởng, nhưng đại Bồ Tát có trí huệ cao, nghe rồi liền tỉnh ngộ. Vì thế, so ra thì Phổ Hiền Bồ Tát dùng mười đại nguyện vương tiếp dẫn bốn mươi một địa vị Pháp Thân Đại Sĩ trong Thế Giới Hoa Tạng dễ dàng, Đức Thế Tôn ở trong Thế Giới này khuyên chúng ta cầu sanh Tịnh Độ thật khó khăn. Do vậy, Pháp Môn này được gọi là “nan tín chi pháp” (pháp khó tin). Nếu nghe xong mà có thể tin tưởng và tiếp nhận, phụng hành, đấy chính là như trong Kinh Vô Lượng Thọ đã nói: Thiện căn, phước đức đã tu hành trong vô lượng kiếp quá khứ đến nay đã chín muồi. Nếu không, sẽ chẳng thể tiếp nhận, nhưng người như vậy rốt cuộc chẳng nhiều nhận gì!

(Giải) Cố sử cảm ứng đạo giao, văn thành ấn hoại, Di Đà Thánh Chúng, bất lai nhi lai, thân thù tiếp dẫn, hành nhân tâm thức, bất vãng nhi vãng, thác chất bảo liên dã.

(Giải: Do vậy, khiến cho Phật và hành giả tu Tịnh Độ cảm ứng đạo giao, nét khắc trên ấn đã hiện, ấn sáp liền hoại. Phật Di Đà và Thánh Chúng, chẳng tới mà tới, đích thân rủ lòng tiếp dẫn, tâm thức của hành nhân chẳng đi mà đi, gởi thể chất trong hoa sen báu).

“Văn thành ấn hoại” là tỷ dụ công phu niệm Phật thành tựu. Công phu trong một niệm, niệm đến mức thuần nhất bèn cảm ứng đạo giao. Vì sao nói A Di Đà Phật và Bồ Tát, Thánh Chúng “đến mà chẳng đến”? Đến và đi là nói theo mặt Sự, trên mặt Sự quả thật có chuyện ấy. Nói theo mặt Lý thì chẳng có đến hay đi. Chư Phật, Bồ Tát biến hiện trong tâm của chúng sanh, chúng sanh Vãng Sanh Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, mà Thế Giới Cực Lạc cũng là do tự tánh của chúng sanh biến hiện, duy tâm Tịnh Độ, hoàn toàn chẳng rời ngoài cái tâm. A Di Đà Phật đến tiếp dẫn là do Tín Nguyện Hạnh của chính mình cảm ứng. Tín Nguyện Hạnh là năng cảm, còn Phật, Bồ Tát ứng hiện là sở cảm. Tâm thức của hành nhân Vãng Sanh, chứ không phải thân thể Vãng Sanh. Thân thể là Ngã Sở (cái thuộc về Ngã), tâm thức mới là Ngã.

(Giải) Thiện nam nữ giả, bất luận xuất gia, tại gia, quý, tiện, lão, thiếu, lục thú, tứ sanh, đản văn Phật danh, tức đa kiếp thiện căn thành thực. Ngũ Nghịch, Thập Ác giai danh “thiện” dã.

(Giải: “Thiện nam nữ”: Bất luận tại gia hay xuất gia, sang, hèn, già, trẻ, sáu nẻo, tứ sanh, chỉ nghe được danh hiệu Phật thì đã là thiện căn trong nhiều kiếp chín muồi. Kể Ngũ Nghịch, Thập Ác cũng đều gọi là “thiện” cả)

Đoạn này ý nói hễ người nào Vãng Sanh thì đều là do thiện căn trong nhiều kiếp đã chín muồi, chẳng cần biết là tại gia hay xuất gia, sang, hèn, già, trẻ, sáu nẻo, cho đến bốn loài Noãn, Thai, Thấp, Hóa, đều gọi là “thiện”. Chẳng hạn như trong cuốn Vật Do Như Thử (loài vật còn như thế) có chép chuyện súc sanh Vãng Sanh rất nhiều. Đàm Hư Đại Sư kể: Vào đầu thời Dân Quốc, khi lão Pháp Sư Đế Nhân trụ trì ngôi Chùa nhỏ mang tên Đầu Đà, có một con gà trông niệm Phật Vãng Sanh, nó cũng đáng gọi là “thiện nam tử”. “Văn” là Văn Huệ, nghe rồi tin lại còn phát nguyện cầu sanh, dùng một chữ Văn để đại diện, tức là do thiện căn trong nhiều kiếp chín muồi. Trong Kinh Vô Lượng Thọ, Đức Thế Tôn đã giảng rất thấu triệt: Vương Tử A Xà Thế và năm trăm vị trưởng giả, trong đời quá khứ đã từng cúng dường bốn trăm ức Phật, thiện

căn, phước đức chẳng nhỏ. Đời này lại gặp Phật Thích Ca, dùng thân phận Cư Sĩ để nghe Phật giảng Kinh, thuyết pháp, mong mỗi trong tương lai chính mình sẽ thành Phật giống hệt như A Di Đà Phật, nhưng chỉ khởi lên ý niệm ấy, chứ hoàn toàn chẳng phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Cúng dường bốn trăm ức Phật, nhưng thiện căn vẫn chưa chín muồi! Nói cách khác, trong đời này nghe đến danh hiệu A Di Đà Phật mà có thể tin, có thể nguyện, buông xuống hết thấy, cầu sanh Tịnh Độ, thiện căn của người đó chắc chắn vượt trội Vương Tử A Xà Thế. Loại người này không nhiều, hiện thời chúng ta khuyên người ta niệm Phật, người ta không tin tưởng, đây là chuyện bình thường! Kẻ Ngũ Nghịch, Thập Ác trong đời quá khứ có thiện căn, trong đời này chưa gặp được Phật Pháp, tạo tội Ngũ Nghịch, Thập Ác, lúc lâm chung gặp thiện duyên, được thiện tri thức chỉ dạy, khuyên lơn, khích lệ, vừa nghe liền tin tưởng, lập tức tiếp nhận, niệm Phật cầu sanh, như ông Trương Thiện Hòa đời Đường chẳng hạn, đây chính là thiện căn trong nhiều kiếp nhiều đời đã chín muồi. Tiêu chuẩn thiện ác ấy chẳng thể dùng quan niệm thông thường để so lường được, mà phải dựa trên nhân duyên trong nhiều đời trước đã tạo ra nhân lành.

(Giải) A Di Đà Phật thị vạn đức hồng danh, dĩ danh triệu đức, khánh vô bất tận. Cố tức dĩ chấp trì danh hiệu vi Chánh

Hạnh, bất tất cánh thiệp quán tưởng, tham cứu đẳng hạnh, chí giản dị, chí trực tiếp dã. Văn nhi tín, tín nhi nguyện, nãi khẳng chấp trì. Bất tín, bất nguyện, dữ bất văn đẳng, tuy vi viễn nhân, bất danh Văn Huệ.

(Giải: A Di Đà Phật là danh hiệu rộng lớn có đủ muôn đức. Dùng danh để vời đức, trọn chẳng còn sót gì. Vì thế, liền lấy chấp trì danh hiệu làm Chánh Hạnh, chẳng cần phải dính dáng những hạnh như quán tưởng, tham cứu v.v.. Đơn giản, dễ dàng nhất, thẳng chóng nhất. Nghe rồi tin, tin rồi nguyện, bèn chịu chấp trì. Chứ chẳng tin, chẳng nguyện thì cũng giống như chẳng nghe. tuy tạo thành cái nhân xa, nhưng chẳng thể gọi là Văn Huệ).

Vãng Sanh được kiến lập trên nền tảng ba thứ chẳng thể nghĩ bàn: Một là tâm tánh chẳng thể nghĩ bàn, hai là cái tâm niệm Phật chẳng thể nghĩ bàn, ba là danh hiệu có công đức chẳng thể nghĩ bàn. “A Di Đà Phật thị vạn đức hồng danh, dĩ danh triệu đức, khánh vô bất tận” (A Di Đà Phật là danh hiệu rộng lớn có đủ muôn đức. Dùng danh để vời đức trọn chẳng còn sót gì): Biến công đức của A Di Đà Phật thành công đức của chính mình, vì A Di Đà Phật là tự tánh Di Đà, Tây Phương Thế Giới là duy tâm Tịnh Độ. Tâm tánh của chính mình và tâm tánh của Phật là một, chẳng hai. Do “hết thầy pháp sanh từ tâm tướng” nên phải chuyên tưởng Di Đà

thì mới có thể biến Di Đà thành chính mình, khí phận giao tiếp với nhau, thật sự có thể cảm ứng đạo giao. Tu Tịnh Độ lấy chấp trì danh hiệu làm Chánh Hạnh, đơn giản, dễ dàng, thẳng chóng nhất, chẳng cần phải quán tưởng, tham cứu. Tất cả hết thảy Kinh Luận hãy nên buông xuống hết, trọn chẳng cần đến Pháp Môn thứ hai, tâm lập tức thanh tịnh. Nghe rồi tin, tin rồi nguyện, đầy đủ ba món tu lương. Nếu chẳng tin, chẳng nguyện thì giống như chẳng nghe. Hễ có một pháp thế gian hay xuất thế gian nào không buông xuống được thì điều đó cho thấy lòng tin chẳng thật, nguyện chẳng thiết tha. Dầu niệm Phật cho nhiều cũng chẳng thể Vãng Sanh. Trong tâm, niệm niệm đều là A Di Đà Phật, trọn chẳng để cho bất cứ một pháp nào khác xen tạp trong tâm chính mình. Nếu chẳng được vậy thì chỉ là gieo được cái nhân xa mà thôi. Cổ Nhân nói “buông xuống thân, tâm, Thế Giới, nhất tâm chuyên niệm” chính là nhằm bồi dưỡng cho thiện căn chưa chín muồi của chúng ta được chín muồi, đấy là chuyện chúng ta có thể làm được. Đương nhiên, trong ấy vẫn có một nhân tố trọng yếu tức là nhân duyên. Chúng ta gặp được sách Yếu Giải của Ngẫu Ích Đại Sư, giảng thấu triệt, tường tận như thế này, dầu thiện căn, phước đức còn kém một chút thì cũng có thể khiến cho thiện căn, phước đức được chín muồi sớm hơn.

(Giải) Chấp trì, tức niệm niệm ức Phật danh hiệu. Cố thị Tư Huệ. Nhiên hữu sự trì, lý trì. Sự trì giả, tín hữu Tây Phương A Di Đà Phật, nhi vị đạt “thị tâm tác Phật, thị tâm thị Phật”, dẫn dĩ quyết chí nguyện cầu sanh cố, như tử ức mẫu, vô thời tạm vong. Lý trì giả, tín Tây Phương A Di Đà Phật thị ngã tâm cụ, thị ngã tâm tạo, tức dĩ tự tâm sở cụ sở tạo hồng danh, vi hệ tâm chi cảnh, linh bất tạm vong dã.

(Giải: Chấp trì là niệm niệm nhớ tới danh hiệu Phật, cho nên là Tư Huệ. nhưng có Sự Trì và Lý Trì. Sự Trì là tin có A Di Đà Phật ở Tây Phương, nhưng chưa thấu đạt “tâm này làm Phật, tâm này là Phật”, nhưng do quyết chí nguyện cầu Vãng Sanh, như con nhớ mẹ, không lúc nào tạm quên. Lý Trì là tin A Di Đà Phật ở Tây Phương tâm ta sẵn đủ, là do tâm ta tạo, liền dùng hồng danh tâm ta sẵn đủ, tâm ta tạo ấy để làm cảnh hệ niệm khiến cho chẳng tạm quên vậy).

Tách rời Văn Tư Tu thì mới có thể giảng Sự và Lý rất rõ ràng, chứ trên thực tế, Tam Huệ Văn Tư Tu và ba món tư lương Tín Nguyện Hạnh đều ở trong một niệm. Một câu Phật hiệu đầy đủ ba món tư lương, mà cũng đầy đủ Tam Học Giới Định Huệ và Tam Huệ Văn Tư Tu. Tam Học, Tam Huệ, Tam Tư Lương mở rộng ra chính là toàn bộ hết thầy pháp do đức Thích Ca Mâu Ni Phật đã

nói trong bốn mươi chín năm, các pháp ấy đều nằm gọn trong một câu danh hiệu.

Chấp trì danh hiệu có Sự Trì và Lý Trì khác biệt. Sự Trì là thật sự tin tưởng có Thế Giới Cực Lạc, có A Di Đà Phật, nhưng chưa thấu đạt “tâm này làm Phật, tâm này là Phật”, chỉ có cái tâm cầu nguyện được Vãng Sanh hết sức khẩn thiết, như con nhớ mẹ, không lúc nào quên mất. Đây là Sự Trì.

Lý Trì là tin tâm ta sẵn có A Di Đà Phật, Phật do tâm ta tạo. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười phương vô lượng vô biên các cõi Phật đều do tự tánh biến hiện. Hiểu rõ Lý là giải ngộ, ngộ rồi bèn bắt đầu tu thì có thể chứng ngộ.

Bất luận Sự Trì hay Lý Trì, biểu hiện bề ngoài đều giống nhau: Tinh tấn không lười biếng, tín tâm kiên định. Những phần tử lung chùng giữa bậc thượng trí và kẻ hạ ngu là những kẻ khó độ nhất! Cổ Nhân khuyên lơn chúng ta hãy học theo kẻ ngu. học theo người trí chẳng dễ, học theo kẻ ngu thì còn có thể làm được. Ai chịu học làm kẻ ngu thì người ấy chính là “thiện nam tử, thiện nữ nhân” như trong Kinh này đã nói, hết thấy đều bỏ được, một bộ Kinh A Di Đà, một câu A Di Đà Phật, những thứ khác hoàn toàn chẳng cần đến. Đây chính là ngu mà không ai có thể bằng được!

(Giải) Nhất nhật chí thất nhật giả, khắc kỳ biện sự dã. Lợi căn nhất nhật tức bất loạn. Độn căn thất nhật phương bất loạn. Trung căn nhị, tam, tứ, ngũ, lục nhật bất định. Hựu lợi căn năng thất nhật bất loạn. Độn căn căn nhất nhật bất loạn. Trung căn lục, ngũ, tứ, tam, nhị nhật bất định.

(Giải: “Từ một ngày cho đến bảy ngày” là định thời hạn hòng tu tập thành tựu. Bậc lợi căn trong một ngày liền chẳng loạn. Độn căn thì bảy ngày mới chẳng loạn. Bậc trung căn thì hai, ba, bốn, năm, sáu ngày không chừng. Lại nữa, bậc lợi căn có thể bất loạn suốt bảy ngày. Bậc độn căn chỉ có thể bất loạn trong một ngày. Bậc trung căn thì sáu, năm, bốn, ba, hai ngày không chừng).

Pháp Môn Niệm Phật có thể định thời hạn mong chứng đắc từ một ngày cho đến bảy ngày. Quý vị nghĩ xem, Pháp Môn nào có thể thành công trong vòng bảy ngày? Do vậy, ngay cả vị Tổ Sư khai sơn của Pháp Tướng Tông là Khuy Cơ Đại Sư cũng khen ngợi pháp này là pháp Đại Thừa đón pháp đến cùng cực. Ngài viết một bản chú giải cho Kinh Di Đà có tựa đề là A Di Đà Kinh Thông Tán Sớ nhằm tán dương Tịnh Độ. Do niệm Phật bảy ngày có thể thành tựu, hàng lợi căn trong một ngày liền đắc nhất tâm bất loạn, còn kẻ độn căn phải mất bảy ngày mới chẳng loạn. Trung căn thì hai, ba, bốn, năm, sáu ngày không nhất định. Hễ có thể nhất tâm bất loạn

thì liền sanh tử tự tại. Tịnh Tông đả Phật thật chính là căn cứ trên đoạn Kinh Văn này. Thật sự đả Phật Thật niệm Phật thì như trong quá khứ thầy Lý đã từng bảo chúng tôi: Đài Trung Liên Xã tuy thành lập bốn mươi mấy năm, nhưng chỉ cử hành tinh tấn Phật thật hai lượt. Thầy Lý đích thân chủ trì. Người tham gia tinh tấn Phật thật không được quá mười người. Vị thầy chủ trì phải chỉ dạy, uốn nắn tình trạng tu tập của từng người tham dự. Đông người sẽ chiêu cố không xuê, hễ hơi sơ sẩy sẽ chuốc lấy ma chướng. Trong hai lần ấy, cũng có mấy người bị ma dựa, thế gian gọi là “bệnh thần Kinh”. Thầy Lý bỏ thời gian cả một năm để kèm cặp mới khiến cho người ấy trở lại bình thường. Từ đây, không còn đả tinh tấn Phật thật nữa, chỉ cử hành pháp hội Phật Thật. Ma chướng đưa đến là do chính người ấy có mong cầu, cầu thần thông, cầu cảm ứng, tâm chẳng thanh tịnh. Kinh Di Đà nói bảy ngày, còn Kinh Vô Lượng Thọ nói: “Trai giới thanh tịnh, nhất tâm thường niệm, thập trú dạ bất tuyệt giả” (trai giới thanh tịnh, nhất tâm thường niệm, mười ngày đêm chẳng dứt), tức là nói định kỳ hạn Niệm Phật cầu chứng trong mười ngày. Cổ Âm Vương Kinh cũng nói mười ngày. Kinh Đại Tập nói bảy thật, tức bốn mươi chín ngày. Kinh Ban Châu Tam Muội nói chín mươi ngày, tức ba tháng. Kinh Văn Thù Bát Nhã cũng nói chín mươi ngày. Các Kinh nói số ngày hạn định để cầu chứng đắc dài ngắn khác nhau, Kinh A Di Đà nói thời gian

ngắn nhất, đơn giản, dễ dàng nhất, ai cũng có thể làm được. Huống chi Kinh Vô Lượng Thọ còn nói: “Trú dạ thường niệm, nguyện dục Vãng Sanh A Di Đà Phật thanh tịnh Phật quốc, thập nhật, thập dạ, nãi chí nhất nhật, nhất dạ, bất đoạn tuyệt giả, thọ chung giai đắc Vãng Sanh kỳ quốc” (Ngày đêm thường niệm, nguyện muốn Vãng Sanh cõi Phật thanh tịnh của A Di Đà Phật, từ mười ngày mười đêm cho đến một ngày một đêm chẳng đoạn tuyệt, khi hết tuổi thọ đều được sanh về nước ấy). Nói chung, chỉ cần nhất tâm, bất luận thời gian dài hay ngắn, đều có thể Vãng Sanh. còn phẩm vị cao hay thấp tùy thuộc công phu Niệm Phật sâu hay cạn. Nói “sâu hay cạn” là nói tới sự tương ứng, tương ứng với hạnh và nguyện của A Di Đà Phật thì là sâu. Nói đơn giản hơn nữa là tương ứng với Định và Huệ. Công phu sâu là tâm định, huệ khai, đoạn phiền não, phá vô minh, phẩm vị tự nhiên cao. Công phu niệm Phật cạn là Định và Huệ yếu ớt, có thể khuất phục phiền não, nhưng chưa thể đoạn được phiền não, phẩm vị ắt thấp, chuyện này chẳng khó hiểu gì!

(Giải) Nhất tâm diệc nhị chủng, bất luận Sự Trì, Lý Trì, trì chí phục trừ phiền não, nãi chí Kiến Tư tiên tận, giai Sự nhất tâm. Bất luận Sự Trì, Lý Trì, trì chí tâm khai, kiến bản tánh Phật, giai Lý nhất tâm. Sự nhất tâm bất vị Kiến Tư sở loạn, Lý nhất tâm bất vị nhị biên sở loạn, tức Tu Huệ dã.

(Giải: Nhất tâm cũng có hai thứ. Bất luận Sự Trì hay Lý Trì, trì đến mức khuất phục, trừ diệt phiền não, cho đến trừ hết Kiến Hoặc hay Tư Hoặc trước, đều là Sự nhất tâm. Bất luận là Sự Trì hay Lý Trì, trì đến mức tâm khai ngộ, thấy vị Phật nơi bốn tánh, đều là Lý nhất tâm. Sự nhất tâm chẳng bị Kiến Hoặc, Tư Hoặc nhiễu loạn, Lý nhất tâm chẳng bị nhị biên nhiễu loạn. Đây chính là Tu Huệ vậy).

Nhất tâm cũng gồm hai thứ. Bất luận Sự Trì hay Lý Trì, nhân giống nhau, quả cũng giống nhau. Ví như chúng ta là phàm phu tuy nghe nói “duy tâm Tịnh Độ, tự tánh Di Đà”, nhưng chẳng hiểu rõ tâm tánh là gì. Nếu hoàn toàn hiểu rõ thì là minh tâm kiến tánh, là bậc Pháp Thân Đại Sĩ. Chữ “thượng trí” chỉ Pháp Thân Đại Sĩ, bậc Bồ Tát từ Sơ Trụ trở lên trong Viên Giáo bèn thuộc về Lý Trì, còn những ai chưa chứng Pháp Thân thì đều gọi là Sự Trì. Trong Bát Thức Quy Củ Tụng, Huyền Trang Đại Sư đã viết: “Ngu giả nan phân Thức dữ Căn” (kẻ ngu chẳng phân biệt được Thức và Căn). Chữ “ngu giả” chỉ bậc A La Hán. Bất luận Sự Trì hay Lý Trì đều tin chân thật, nguyện thiết tha, nhất tâm trì danh, nhân giống hệt nhau. Đẳng Giác và phàm phu bình đẳng. Nhân bình đẳng, quả cũng bình đẳng: Sanh về Tây Phương đều chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái. Văn Thù, Phổ Hiền là Lý Trì, Oánh Kha là Sự Trì. su

Oánh Kha giống hệt Văn Thù và Phổ Hiền. Luận trên công phu thì chẳng cần biết là Sự Trì hay Lý Trì, chế phục phiền não, chẳng cho nó khởi tác dụng, thường gọi là “công phu thành phiền”, thuộc về công phu Sự nhất tâm ở mức độ cạn. Nếu đoạn được Kiến Hoặc và Tư Hoặc, thì chính là công phu Sự nhất tâm ở mức độ sâu

Nói theo Giáo Hạ, Kiến Hoặc có tám mươi tám phẩm trong tam giới, Tư Hoặc có tám mươi một phẩm. Người đoạn được mấy phẩm là Sự nhất tâm ở mức độ cạn. Nếu đoạn được hoàn toàn thì là Sự nhất tâm viên mãn. Do vậy, trong Sự nhất tâm cũng có ba bậc chín phẩm. Bất luận trì theo cách nào, chỉ luận định theo công phu đoạn phiền não sâu hay cạn, chẳng cần biết là Sự Trì hay Lý Trì.

“Trì chí tâm khai, kiến bốn tánh Phật” (Trì đến mức tâm khai ngộ, thấy vị Phật trong bốn tánh): “Khai” là khai ngộ, niệm đến mức đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. “Kiến tánh” chính là “kiến bốn tánh Phật” (thấy được vị Phật trong bốn tánh). Phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, thấy một phần bốn tánh, thì gọi là Lý nhất tâm. Vô minh có bốn mươi một phẩm. bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo phá một phẩm vô minh, thấy một phần “bốn tánh Phật”. đủ thấy người đạt được Lý nhất tâm như trong Tịnh Tông đã nói chính là bậc Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo hoặc

Sơ Địa Bồ Tát trong Biệt Giáo. Lý nhất tâm cũng có bốn mươi một phẩm, từ Sơ Trụ đến Đẳng Giác, phẩm vị được nâng cao dần dần.

Đắc Sự nhất tâm sẽ chẳng bị Kiến Tư phiền não loạn động, tâm định. Tam Muội là Định, Niệm Phật Tam Muội chính là an định, tâm định nơi Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, định nơi A Di Đà Phật. Ngoài A Di Đà Phật và Tây Phương Cực Lạc Thế Giới ra, buông hết mọi thứ xuống, chẳng bị lay động bởi lục trần, pháp thế gian thường gọi người đạt cảnh giới này là “bát phong xuy bất động” (tám gió thổi chẳng động). Tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần trong thế gian đều chẳng động tâm mà pháp xuất thế gian cũng chẳng động tâm. Đắc Sự nhất tâm thì tham, sân, si, mạn, nghi đều chẳng còn.

Đắc Lý nhất tâm thì “chẳng bị nhị biên làm loạn”. Từ ngữ “nhị biên” ở đây ý nói hết thảy pháp đều là tương đối. Người thế gian sống trong không gian tương đối, hễ nói là lớn ắt phải có nhỏ, nói là dài ắt phải có ngắn, nói là đúng ắt phải có sai. Hết thảy pháp đều là hai bên đối lập. Nếu chúng được Lý nhất tâm thì hai bên cũng không còn nữa. Hai bên không lập thì trung đạo cũng chẳng còn. Tâm thanh tịnh, một niệm chẳng sanh, đó gọi là “khai khẩu tiện thác, động niệm tức quai” (mở miệng liền sai, dấy niệm liền trái). Tất cả hết thảy vọng tưởng, chấp trước đều chẳng có. Đây gọi

là Tu Huệ. Nếu niệm Phật mà chẳng thể thụ dụng thì chẳng được coi là “chân tu”. Người khác khen ngợi ta, trong tâm rất vui vẻ, tự cảm thấy đắc ý. Người khác hủy báng ta, tâm sanh phần nộ, đều thuộc về phiền não. Vì sao người ta có thể biết trước lúc mất, tự tại Vãng Sanh? Nói toạc ra thì chẳng có gì khác cả, đối với pháp thế gian lẫn xuất thế gian người ấy chẳng động tâm. Chúng ta hễ hơi gặp thử thách một chút, trong tâm liền chán chường. Tuy hằng ngày niệm Phật, nhưng chỉ có thể nói là kết duyên với Tây Phương Thế Giới mà thôi, đời này chẳng mong chi Vãng Sanh được! Người Vãng Sanh chẳng động tâm, họ bỏ thế gian này xuống, nó đâu có liên can gì với mình, tôi mượn cái thân thể này để niệm Phật Vãng Sanh Cực Lạc Thế Giới. Không những hủy báng hay khen ngợi chẳng dính dáng gì đến tôi, mà đánh tôi hay chửi tôi cũng chẳng ăn nhằm gì hết. Ngay cả thân thể cũng không màng đến, huống hồ là vật ngoài thân? Đây là công phu tối thiểu để được Vãng Sanh Tây Phương. Do vậy, trông thấy vinh hoa phú quý, tâm trọn chẳng có mảy may hâm mộ, đây mới là “chẳng bị Kiến Tư làm loạn”.

Nói theo đường lối tu tập thông thường thì đừng nói là đoạn Kiến Tư, chế ngự Kiến Tư cũng hết sức khó khăn, phải nhờ vào Định. Do vậy, gọi là Định Cộng Giới. Trong Định có Giới, trong

Giới không có Định. Định có thể chế phục Kiến Tư, nhưng chẳng thể đoạn Kiến Tư. Công phu chế phục càng sâu thì tầng cấp sanh lên cõi Trời càng cao. Trời có hai mươi tám tầng. Sanh lên Trời chẳng thể thoát tam giới, muốn thoát tam giới thì phải đoạn Kiến Tư phiền não. Tứ Thiên Bát Định được gọi là Thiên Định thế gian. Pháp Môn Tịnh Độ nói đến chuyện mang theo nghiệp, vượt khỏi tam giới theo chiều ngang, hễ có công phu chế phục được phiền não bèn có thể Vãng Sanh. Chế phục phiền não cần phải có Định. do vậy, gọi là Niệm Phật Tam Muội. Niệm Phật Tam Muội là Định, mà cũng thường được gọi là “công phu thành phiền”, đây chính là điều kiện tối thiểu để Vãng Sanh. Người thật sự cầu nguyện Vãng Sanh phải thật sự buông xuống Thế Giới này, hết thấy những thứ tạp nhạp dù là thế gian hay xuất thế gian đều là chướng ngại, chẳng cần phải bận lòng!

(Giải) Bất vị Kiến Tư loạn, cố cảm biến hóa thân Phật, cập chư Thánh Chúng hiện tiền, tâm bất phục khởi, Sa Bà giới trung, tam hữu diên đảo, Vãng Sanh Đồng Cư, Phương Tiện, nhị chủng Cực Lạc Thế Giới.

(Giải:) Chẳng bị Kiến Hoặc và Tư Hoặc làm loạn, nên cảm được thân biến hóa của Phật và các vị Thánh hiện tiền. Do tâm chẳng còn dấy lên ý niệm diên đảo thuộc về ba cõi trong Thế Giới

Sa Bà, nên người ấy sẽ sanh vào hai cõi Đông Cư và Phương Tiện trong Thế Giới Cực Lạc).

Đoạn văn chú giải này nói tới quả báo thù thắng nhất của sự niệm Phật. Trong phần Kinh Văn ở trên có một đoạn ghi: “Kỳ nhân lâm mạng chung thời, A Di Đà Phật dữ chư Thánh Chúng hiện tại kỳ tiền. Thị nhân chung thời, tâm bất điên đảo, tức đắc Vãng Sanh A Di Đà Phật Cực Lạc quốc độ” (Khi người ấy lâm chung, A Di Đà Phật và các Thánh Chúng hiện ra trước mặt. Khi người ấy mất, tâm chẳng điên đảo, liền được sanh về cõi nước Cực Lạc của A Di Đà Phật). Khi người ấy lâm chung, A Di Đà Phật và các vị Thánh Chúng đến trước mặt tiếp dẫn. “Bất vị Kiến Tư sở loạn” (chẳng bị Kiến Hoặc, Tư Hoặc nhiễu loạn), câu này trọng yếu nhất. Nếu chẳng đạt tiêu chuẩn này, sẽ chẳng thể Vãng Sanh. Lúc bình thường, đối với pháp thế gian và Phật Pháp luôn có thể chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, tức là chẳng bị cảnh giới nhiễu loạn, sẽ quyết định Vãng Sanh. Công phu này là “năng cảm” (chủ thể tạo ra sự cảm ứng), Phật đến tiếp dẫn là “sở cảm” (điều được cảm ứng). Trong tâm chẳng còn có những vọng niệm thuộc về “tam hữu” của Thế Giới Sa Bà nữa. “Tam hữu” là Dục Giới Hữu, Sắc Giới Hữu, và Vô Sắc Giới Hữu. Nói cách khác, hết thấy cảnh duyên trên

Trời hay trong cõi người đều chẳng động tâm thì sẽ có thể sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư và cõi Phương Tiện Hữu Dur.

(Giải) Bất vị Nhị Biên loạn, cố cảm thụ dụng thân Phật, cập chư Thánh Chúng hiện tiền, tâm bất phục khởi sanh tử, Niết Bàn nhị kiến đien đảo, Vãng Sanh Thật Báo, Tịch Quang nhị chủng Cực Lạc Thế Giới.

(Giải: Chẳng bị Nhị Biên nhiễu loạn nên cảm được thân thụ dụng của Phật và các vị thánh hiện tiền, tâm chẳng còn khởi lên hai món kiến giải đien đảo sanh tử và Niết Bàn nên sanh về hai cõi Thật Báo và Tịch Quang của Thế Giới Cực Lạc).

Người Vãng Sanh được thấy Hóa Thân hay là Báo Thân, A Di Đà Phật trọn chẳng phân biệt, đây là do hạnh nguyện của chúng sanh niệm Phật cảm thành. Chúng sanh có cảm, Phật sẽ có ứng. Cảm ứng đạo giao, pháp vốn sẵn như thế. Điều này cũng cho thấy “sanh thì quyết định sanh, đi thì thật sự chẳng đi”. Niệm đến Lý nhất tâm thì Đức Phật hiện ra tiếp dẫn khi lâm chung là Báo Thân Phật. “Tâm bất phục khởi sanh tử, Niết Bàn nhị kiến đien đảo” (Tâm chẳng còn khởi lên hai món kiến giải đien đảo là sanh tử và Niết Bàn), sanh tử là một bên, còn Niết Bàn là bên kia, người ta thường có ý niệm phân biệt ấy, ngõ Thế Giới Sa Bà là bên này, còn Cực Lạc là bên kia. Niệm đến Lý nhất tâm thì những ý niệm ấy đều

chẳng còn nữa, tâm thật sự thanh tịnh, có thể sanh về cõi Thật Báo và Thường Tịch Quang của Tây Phương.

(Giải) Đương trì chấp trì danh hiệu, ký giản dị, trực tiếp, nhưng chí đốn, chí viên, dĩ niệm niệm tức Phật cố, bất lao quán tưởng, bất tất tham cứu, đương hạ viên minh, vô dư, vô khiếm.

(Giải: Hãy nên biết rằng: Chấp trì danh hiệu tuy đơn giản, dễ dàng, thẳng chóng, mà lại viên đốn tốt bậc, bởi mỗi niệm chính là Phật, chẳng nhọc công quán tưởng, chẳng cần phải tham cứu, mà ngay trong khi niệm Phật ấy bèn viên minh, chẳng thừa, chẳng thiếu).

Một câu Phật hiệu là Pháp Môn đại tổng trì của toàn thể Phật Pháp, không chỉ là hết thầy pháp do Phật Thích Ca đã nói trong một đời Ngài mà thậm chí vô lượng Pháp Môn của mười phương ba đời hết thầy Chư Phật đều chẳng lìa khỏi một câu A Di Đà Phật. Do vậy, A Di Đà Phật là Pháp Môn thù thắng bậc nhất để mười phương ba đời hết thầy Chư Phật độ chúng sanh thành tựu Phật đạo. Phải là pháp “đơn giản, dễ dàng ai cũng có thể tu được” thì mới có thể gọi là “bậc nhất”. “Chí viên, chí đốn”, “đốn” (頓) là nhanh chóng siêu thoát, từ địa vị phàm phu liền thành Phật. “Chí viên” là viên mãn đến cùng cực. Khi tôi mới học Phật, các đồng tham đạo hữu thảo luận pháp, có nêu ra một câu hỏi: “Nếu một

chúng sanh tạo tội cực nặng lập tức phải đọa vào tam đồ, Phật có năng lực siêu độ kẻ ấy ngay lập tức hay chẳng? Nếu không có năng lực thì vạn đức vạn năng chỉ là mỹ từ ca ngợi Phật, chứ không phải là thật”. Sau khi đọc Kinh Tịnh Độ, tôi mới biết Đức Phật quả thật có năng lực ấy. Quán Kinh nói kẻ Ngũ Nghịch, Thập Ác lâm chung mười niệm hoặc một niệm đều có thể Vãng Sanh, đã Vãng Sanh sẽ chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái, nhanh chóng đến cực điểm, viên mãn đến cực điểm. Vấn đề là có tin hay không! Kinh Đại Thừa nói “hết thảy pháp từ tâm tưởng sanh”, niệm niệm tưởng Phật thì Phật sẽ hiện tiền. Phàm phu nghĩ đến tham, sân, si, mạn, đọa trong tam ác đạo. Tâm tham nặng nề sẽ biến thành ngạ quỷ, tâm sân hận nặng nề sẽ đọa địa ngục, tâm ngu si nặng nề sẽ biến thành súc sanh. Người niệm Phật niệm niệm duyên theo Phật, khởi lên sự cảm ứng đạo giao với Tây Phương Cực Lạc, sẽ có hy vọng sanh về Tây Phương.

(Giải) Thượng thượng căn, bất năng du kỳ khổ. Hạ hạ căn diệc năng trấn kỳ vực. Kỳ sở cảm Phật, sở sanh độ, vãng vãng thảng tấn, diệc bất nhất khái. Khả vị: Hoành cai bát giáo, thụ triệt ngũ thời. Sở dĩ triệt để bi tâm, vô vấn tự thuyết, thả thâm thán kỳ nan tín dã.

(Giải: Bậc thượng thượng căn chẳng thể vượt ngoài cửa ải này, mà kẻ hạ hạ căn cũng có thể đạt đến cảnh giới ấy, do công phu tu tập của mỗi người mà đối với mỗi tầng cấp công phu cảm được Đức Phật và cõi nước sẽ sanh về lại càng thù thắng hơn, cũng chẳng nhất loạt giống nhau. Có thể nói là Pháp Môn Tịnh Độ theo chiều ngang bao trùm tám giáo, theo chiều dọc thấu triệt năm thời. Do vậy, Đức Phật vì tâm bi triệt để, chẳng ai hỏi mà tự nói, lại còn khen ngợi sâu xa pháp này khó tin).

Khôn có nghĩa là phạm vi. Chữ “thượng thượng căn” chỉ Đẳng Giác Bồ Tát, như Ngài Văn Thù, Ngài Phổ Hiền, phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ trong hội Hoa Nghiêm. “Hạ hạ căn” là chúng sanh trong địa ngục, bao gồm chín pháp giới chẳng còn sót, đều bình đẳng phổ độ, bình đẳng thành tựu. Còn như công phu tu học của mỗi người tuy sâu hay cạn khác nhau, nhưng hễ sanh về Tây Phương đều được bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, thân thể, tướng hảo, quang minh, trí huệ, thần thông, đức năng đều giống như A Di Đà Phật, thật chẳng thể nghĩ bàn. Có thể nói là “hoành cai bát giáo, thụ triệt ngũ thời” (theo chiều ngang trùm khắp tám giáo, theo chiều dọc thấu triệt năm thời). Các vị Đại Đức thuở xưa đã chia giáo pháp trong cả một đời Phật Thích Ca thành “hóa nghi tứ giáo” và “hóa pháp tứ giáo”. Trong hóa pháp

(giáo pháp được phân loại theo nội dung giảng dạy) có Tạng, Thông, Biệt và Viên, trong hóa nghi (phương thức giáo hóa chúng sanh) thì có Đôn, Tiệm, Bí Mật, Bất Định. “Thụ triệt ngũ thời”: Những giáo pháp do Đức Phật đã nói trong bốn mươi chín năm được chia thành “năm thời” (năm giai đoạn hóa độ) là Hoa Nghiêm, A Hàm, Phương Đẳng, Bát Nhã và Pháp Hoa Niết Bàn. Một câu A Di Đà Phật gồm trọn năm thời tám giáo chẳng thừa, chẳng thiếu. Do tâm bi triệt để, Đức Phật nói Pháp Môn này, không ai hỏi mà tự nói, quả thật khó tin.

(Giải) Vấn: Quán Kinh chuyên minh tác quán, hà vị bất lao quán tưởng?

Đáp: Thử nghĩa tức xuất Quán Kinh. Bỉ Kinh nhân thắng quán phi phạm phu tâm lực sở cập, cố u đề thập tam, biệt khai liệt tượng chi quán, nhi chương trọng giả, do bất năng niệm bỉ Phật, cố u đề thập lục, đại khai xưng danh chi môn. Kim Kinh nhân mật thể chương trọng giả đa, cố chuyên chủ đề thập lục quán. Đương tri nhân căn tuy độn, nhi trọng lục bát xích chi tượng thân, Vô Lượng Thọ Phật chi danh tự, vị thường bất “tâm tác, tâm thị”. Cố quán liệt giả, bất lao thắng quán, nhi xưng danh giả, tịnh bất lao quán tưởng dã.

(Giải: Hỏi: Quán Kinh chuyên giảng về cách quán tưởng, sao ở đây lại nói “chẳng phải nhọc công quán tưởng?”

Đáp: Nghĩa này vốn lấy từ Quán Kinh. Kinh ấy do thấy tâm lực của phàm phu chẳng thể kham nổi phép Quán thù thắng nên trong phép Quán thứ mười ba đã dạy riêng cách quán tượng Phật thấp kém. Nhưng kẻ chướng nặng vẫn chẳng thể niệm Đức Phật ấy bằng phương pháp Quán Tượng Niệm Phật nên trong phép Quán thứ mười sáu, mở rộng môn xưng danh. Do trong đời Mạt, kẻ chướng nặng đông đảo mà Kinh này chuyên chú nơi phép Quán thứ mười sáu. Hãy nên biết rằng: Căn tánh của con người tuy chậm lụt, nhưng thân tướng tượng Phật cao trượng sáu hoặc tám thước và danh hiệu Vô Lượng Thọ Phật chưa bao giờ chẳng phải là “tâm này làm Phật, tâm này là Phật”. Vì thế, người quán tượng Phật thấp kém thì chẳng nhọc sức tu tập pháp quán tưởng thù thắng, còn người xưng danh thì chẳng cần phải mất công quán tưởng).

Đây là lời vấn đáp do Đại Sư đặt ra nhằm phá trừ nỗi ngờ vực của chúng ta. Có người hỏi: “Quán Kinh chuyên nói cách Quán Tượng Niệm Phật, vì sao lại chẳng nhọc công quán tưởng?” Hãy nên biết rằng ý nghĩa “chẳng nhọc công quán tưởng” rút từ Quán Kinh. Từ phép Quán thứ nhất là phép Quán mặt Trời lặn giống như

cái trống treo cho đến phép Quán thứ mười hai đều là Quán Tượng Niệm Phật, chúng ta do tâm lực phàm phu sẽ chẳng thể quán thành tựu được. Đơn giản nhất là phép Quán đầu tiên, khi mặt Trời lặn xuống bên núi, trông giống như cái trống treo, mở mắt thấy mặt Trời, nhắm mắt cũng thấy mặt Trời, là cách Quán đơn giản nhất. Từ đây trở đi, mỗi tầng sau phức tạp hơn tầng trước, trọn chẳng phải là những điều chúng sanh trong thời Mạt Pháp có thể thực hiện được. Trí Giả Đại Sư tu Quán thành công, Ngài sống vào đời Đường, vẫn còn thuộc thời kỳ Tượng Pháp. Pháp Quán thứ mười ba là Quán Tượng Niệm Phật, quán thân tử kim cao một trượng sáu, tượng bằng đất đắp hay gỗ khắc đều được, hằng ngày nhìn tượng Phật, in vào trong óc. Trong nhà người tu hành có phòng thờ Phật, người ấy có đại phước báo, chẳng cần phải làm việc, cuộc sống có người chăm sóc, cung phụng, hằng ngày nhìn tượng Phật. Hễ rời khỏi tượng Phật, công phu bị gián đoạn. Phép Quán thứ mười sáu, tức phép Quán sau cùng, là trì danh niệm Phật, trong hết thảy thời, hết thảy chỗ đều có thể niệm Phật, chẳng bị hạn chế bởi hoàn cảnh, công phu chẳng gián đoạn. Trong thời kỳ Mạt pháp, chúng sanh nghiệp chướng sâu nặng, chẳng thể quán tượng thành tựu được, mà cũng không có phước báo quán tượng. Do vậy, Đức Phật mở ra Pháp Môn Niệm Phật, đơn giản, dễ hành, thù thắng khôn sánh. Những người chỉ dựa vào một câu Phật hiệu mà thành

tự thì trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục và Vãng Sanh Truyện chỗ nào cũng có. Quán tưởng, quán tượng, trì danh đều là “tâm tác, tâm thị”. “Tâm tác” là “thị tâm tác Phật” (tâm này làm Phật), “tâm thị” là “thị tâm thị Phật” (tâm này là Phật), đạo lý tương đồng.

(Giải) Vấn: Thiên Kỳ, Độc Phong chư Tổ, giai chủ tham “niệm Phật giả thị thùy”. Hà vị bất tất tham cứu?

Đáp: Thử nghĩa tức xuất Thiên Kỳ chư Tổ. Tiền Tổ nhân niệm Phật nhân bất khế Thích Ca triệt để bi tâm, cố bàng bất cam, trực hạ cật vấn, nhất mãnh đề tỉnh, hà chỉ trường dạ phục đán. Ngã bối chí kim nhật, do bất khăng tử tâm niệm Phật, khổ dục chấp xao môn ngỗ tử, hướng ốc lý đả thân sanh gia nương, tặc u chư Tổ thành ác nghịch, phi thiện thuận dã.

(Giải: Hỏi: Các vị Tổ Thiên Kỳ và Độc Phong đều chủ trương tham cứu câu “người niệm Phật là ai?”, sao lại bảo là chẳng cần phải tham cứu?

Đáp: Nghĩa này phát xuất từ Ngài Thiên Kỳ và các vị Tổ khác. Các Tổ đời trước do thấy người niệm Phật chẳng khế hợp tâm bi triệt để của Phật Thích Ca, nên ở bên cạnh chẳng đành lòng, phải vặn hỏi ngay câu ấy để mạnh mẽ đánh thức người niệm Phật, chứ đâu phải chỉ là muốn làm cho họ chấm dứt đêm dài bất giác, sáng suốt trở lại? Bọn chúng ta cho đến nay vẫn chẳng chịu

chết lòng niệm Phật, cứ khổ sở muốn cầm hòn ngói gõ cửa ấy để chọi cha mẹ ruột đang ở trong nhà, như vậy là đã trở thành kẻ ác nghịch đối với chư Tổ, chứ có phải là kẻ vâng thuận đâu!)

Thiên Kỳ và Độc Phong đều là các vị Tổ Sư trong Thiên Tông. Thiên Kỳ là Bổn Thụy Thiên Sư, Độc Phong là Bổn Thiện Thiên Sư. Hai Ngài chủ trương tham cứu câu “người niệm Phật là ai?” Cổ Nhân gọi đó là Thiên Tịnh Song Tu. Đại Sư thật sự có kiến địa, đã hiểu rõ thấu triệt ý Tổ nên mới có thể nói ra những lời này. Người ta thường chỉ nghe rồi bèn hiểu nghĩa theo mặt chữ, chứ thật sự chẳng biết “ý nằm ngoài lời”, nghe lầm ý nghĩa lời nói của Chư Tổ nhà Thiên. Các vị ấy trông thấy người niệm Phật chẳng có niềm tin thật sự, nguyện thiết tha, chẳng thể chết sạch lòng mong ngóng, khiêm hư sát đất niệm Phật cầu được Vãng Sanh, cô phụ bi tâm triệt để của Phật Thích Ca.

“Cổ bàng bất cam” là trông thấy cảnh ấy chẳng đành lòng. Đức Thế Tôn đã đem Pháp Môn tu hành thành Phật của chính mình giải bày hết cả ra, hoàn toàn nói ra, chẳng giấu diếm mảy may nào. Như trong phần trên đã nói, các Kinh Điển Đại Thừa như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa giống như trăng mười bốn, còn Kinh này do Đức Phật tuyên dạy bằng lòng Bi triệt để thì mới là trăng rằm. Các vị Tổ như Thiên Kỳ trông thấy mọi người tuy y giáo phụng

hành, nhưng chẳng biết “tâm này làm Phật, tâm này là Phật” nên mới nói ra câu ấy, hỏi người niệm Phật là ai. Ngữ Lục của Ngài Thiên Kỳ chép như thế này: Ngài Thiên Kỳ dạy đại chúng, nói: “Suốt ngày niệm Phật, chẳng biết toàn thể là Phật. Nếu chẳng biết thì chỉ khán câu người niệm là ai?” Văn hỏi thẳng thừng bằng câu ấy để mạnh mẽ lay tỉnh, hy vọng nhờ câu nói ấy mọi người sẽ đột nhiên khai ngộ, chứ trọn chẳng phải là bảo quý vị hãy kiểm xem người niệm Phật là ai! Tự mình niệm Phật mà còn hỏi người niệm Phật là ai thì chẳng phải là nói giỡn ư?

“Hà chỉ trường dạ phục đán”: “Trường dạ phục đán” là nói tỷ dụ, chúng sanh từ vô thủy đến nay do một niệm bất giác, tạo sanh tử luân hồi ví như ở mãi trong đêm dài, nên nói là “trường dạ”. Tổ Sư dùng một câu nói để mạnh mẽ đánh thức họ, phá vô minh, thấy được bốn tánh, thì gọi là “phục đán” (Trời sáng trở lại). “Hà chỉ trường dạ phục đán” nghĩa là đâu phải chỉ nhằm phá mê, khai ngộ! Nếu chỉ nhằm phá mê khai ngộ thì có phải là không bằng tham cứu hay sao? Đây chính là trực tiếp chỉ dạy hành giả hãy cầu sanh Tịnh Độ. Người thật sự thấy tánh giác ngộ, không một ai chẳng cầu sanh Tịnh Độ. Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ đều là những bậc đại Bồ Tát minh tâm kiến tánh mà vẫn cầu sanh về Tịnh Độ, vì cầu sanh Tịnh Độ sẽ thành tựu nhanh chóng. Chẳng sanh về Tịnh

Độ thì sau khi mình tâm kiến tánh, Kinh Hoa Nghiêm nói tu đến khi thành Phật phải mất vô lượng kiếp, đó là lời thật. Đức Thế Tôn nói “thành Phật phải mất ba đại A tăng kỳ kiếp” là nói quyền biến, chứ nói nhiều hơn sợ chúng sanh sẽ ngã lòng. Người thật sự hiểu rõ, có ai muốn đi theo con đường oan uổng? Như chúng ta là kẻ chưa phá được một phẩm Kiến Tư phiền não nào, sau khi sanh về Tây Phương, chẳng đầy bốn kiếp sẽ thành Phật. Bởi lẽ, A Di Đà Phật thành Phật đến nay chưa đầy mười kiếp, nhưng trong Kinh dạy: “Chúng sanh sanh giả, giai thị A Bộ Bạt Trí, kỳ trung đa hữu Nhất Sanh Bồ Xứ, kỳ số thậm đa” (Chúng sanh sanh về đó, đều là bậc Bất Thoái Chuyển, trong ấy có nhiều vị là Nhất Sanh Bồ Xứ, số ấy rất đông). Đủ thấy rằng: Số lượng thượng thiện nhân chiếm quá nửa, đều là thành tựu trong vòng mười kiếp, chiếm đại đa số trong những người sống tại Tây Phương. Vì thế, sanh về Tây Phương thành Phật chẳng lâu hơn bốn kiếp.

Hiện thời, chúng ta vẫn chẳng chịu dứt hết tâm niệm mong ngóng, khiêm hư sát đất niệm Phật, vẫn mong nghiên cứu những Kinh Điển thuộc Pháp Môn khác, chính là làm lẫn rất lớn. “Xao môn chi ngõa” tức là vật dùng để gọi cửa, tục gọi là “xao môn chuyên” (viên gạch để gõ cửa). Trước thời Kháng Chiến còn có thói quen: Nhà người giàu sang có đến mấy lớp cửa, gọi cửa bên

ngoài, người bên trong không nghe tiếng, nên khách phải dùng một viên đá nhỏ để đập cửa. Do bi tâm triệt để, Phật Thích Ca dạy chúng ta hãy niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, người học Phật vốn phải tuân theo lời thầy dạy bảo mà chuyên tâm niệm Phật, chứ không phải là dốc sức tham cứu trong khi niệm Phật. Nay thì học trò hiểu lầm ý thầy, sẽ giống như dùng hòn gạch gõ cửa để ném chủ nhà vậy.

(Giải) Tán vấn: *Thử tại khăng tâm giả tắc khả, vị khăng giả hà đắc tương ứng?*

Viết: *Y! Chánh duy vị khăng. Sở dĩ, yếu nhĩ khăng tâm tương ứng. Nhữ đẳng chánh tín vị khai, như sanh ngư bì, bất khả khuất chiết. Đương tri hữu mục giả, cố vô nhật hạ nhiên đẳng chi lý, nhi vô mục giả, diệc hà tất ư nhật trung khổ mịch đẳng cụ. Đại Thế Chí Pháp Vương Tử vân: “Bất giả phương tiện, tự đắc tâm khai”. Thử Nhất Hạnh Tam Muội trung, đại hỏa tự ngữ dã. Cảm hữu xúc giả, ninh bất bị thiêu?*

(Giải: *Lại hỏi cao hơn nữa, điều này đối với người chịu dốc lòng niệm Phật thì được, chứ đối với người chưa chịu thì làm sao tâm người ấy tương ứng với tâm Phật cho được?*

Đáp: *Ôi chao! Chính là vì kẻ chưa chịu dốc lòng niệm Phật, mà nói những lời ấy. Do vậy, tôi nói những lời ấy nhằm làm cho*

các ông chịu bằng lòng niệm Phật hòng được tương ứng. Cái tâm chánh tín của các ông chưa sanh khởi, nó giống như miếng da trâu tươi, không thể xếp hay bẻ gập lại được. Hãy nên biết rằng: Người có mắt thì lẽ nào lại thấp đèn dưới ánh mặt Trời? Còn kẻ không có mắt, cũng chẳng phải khổ sở tìm kiếm đèn đuốc giữa ban ngày! Đại Thế Chí Pháp Vương Tử nói: “Chẳng cần đến phương tiện nào khác mà tâm tự được khai ngộ”. Câu nói này là một đồng lửa to trong Nhất Hạnh Tam Muội, có ai dám chạm vào mà chẳng bị nó đốt ư?)

“Khẳng giả” là người chịu “tử tâm niệm Phật” (“chết lòng niệm Phật”, ý nói: Đã dứt sạch mọi ý niệm mong ngóng, so lường, tâm nguội lạnh như đã chết, chuyên tâm niệm Phật). Nếu có kẻ chẳng chịu như vậy thì sao? Người đã chịu niệm Phật thì cần gì quở trách, chỉ vì những kẻ không chịu chết lòng niệm Phật nên Tổ Sư mới giáo huấn họ bằng những câu như thế.

“Đương tri hữu mục giả, cố vô nhật hạ nhiên đăng chi lý, nhi vô mục giả, diệc hà tất ư nhật trung khổ mịch đăng cự” (Người có mắt thì lẽ nào lại thấp đèn dưới ánh mặt Trời? Còn kẻ không có mắt, cũng chẳng phải khổ sở tìm kiếm đèn đuốc giữa ban ngày): Từ ngữ “hữu mục giả” (kẻ có mắt) nhằm sánh ví những người đã sanh lòng chánh tín, chân tâm, nguyện thiết tha, nhất tâm trì danh.

“Vô mục giả” (kẻ không có mắt) là kẻ chưa sanh lòng chánh tín, điều khẩn yếu nhất là phải “chết lòng sát đất” niệm Phật. Trong Tịnh Tông, mười người Vãng Sanh hết tám chín vị là lòng chánh tín chưa phát sanh, giống những ông bà cụ ăn chay chẳng hiểu biết gì, đối với sự thực lẫn lý luận họ đều chẳng hiểu gì hết, nhưng họ có thể thành công. Hãy nên biết rằng: Pháp Môn Niệm Phật là Pháp Môn đại trí huệ vô thượng, có vô lượng phước huệ và diệu nghĩa, cần gì phải tìm cầu lý luận và phương pháp khác. Hễ tìm cầu sẽ giống như giữa ban ngày lại đi kiếm đèn, đước! Đại Sư lại trích dẫn một đoạn văn tự từ Kinh Lăng Nghiêm nhằm chứng minh ý nghĩa “chẳng cần phải tham cứu”: “Nhược chúng sanh tâm, ức Phật, niệm Phật, hiện tiền đương lai, tất định kiến Phật, khứ Phật bất viễn, bất giả phương tiện, tự đắc tâm khai” (Nếu tâm chúng sanh nhớ Phật, niệm Phật thì trong hiện tại hoặc trong tương lai, nhất định thấy Phật, cách Phật chẳng xa, chẳng nhờ vào phương tiện nào khác mà tâm tự được khai ngộ). “Bất giả phương tiện” là chẳng cần nhờ vào những Pháp Môn khác như tham cứu, quán tưởng v.v..., chỉ một câu Phật hiệu là được rồi! Giống như đồng lửa lớn, có kẻ nào dám chạm vào, làm sao chẳng bị thiêu đốt!

(Giải) Vấn: Lâm chung Phật hiện, ninh bảo phi ma?

Đáp: *Tu tâm nhân bất tác Phật quán, nhi Phật hốt hiện, phi bốn sở kỳ, cố danh ma sự. Niệm Phật kiến Phật, dĩ thị tương ứng, huông lâm chung phi trí ma thời, hà tu nghi lự?*

(Giải: Hỏi: Lâm chung Phật hiện, há bảo đảm chẳng phải là ma ư?)

Đáp: *Người tu tâm chẳng quán Phật mà Phật đột nhiên hiện, vốn không phải là điều người ấy mong mỏi, nên gọi là ma sự. Niệm Phật thấy Phật, tức là tương ứng, huông chi lâm chung chẳng phải là lúc ma đến, cần gì phải nghi ngờ, lo lắng nữa?).*

Kinh Địa Tạng nói người đời khi lâm chung, thấy người nhà quyền thuộc đã mất của chính mình hiện đến đón tiếp thì đây chẳng phải là thật, mà đều là oan gia trái chủ mạo nhận người nhà đến đón, hòng tiếp đón, dẫn dắt người ấy vào ác đạo để trả thù. Người niệm Phật khi lâm chung Phật đến tiếp dẫn, có phải là do ma biến hiện hay không? Đại Sư nói: “Người tu tâm chẳng quán Phật mà Phật đột nhiên hiện ra, vốn không phải là điều người ấy mong mỏi, nên gọi là ma sự”. Chữ “người tu tâm” phần nhiều chỉ người tham Thiền, người ấy bình thường chẳng niệm Phật, hễ niệm Phật một tiếng phải súc miệng hai ba ngày. Nếu kẻ ấy khi lâm chung Phật đến tiếp dẫn thì hoàn toàn chẳng phải là điều người ấy mong mỏi, sợ là ma sự! Người niệm Phật không giống như vậy,

niệm Phật thấy Phật là chuyện tương ứng. Lâm chung Phật đến tiếp dẫn là do bốn nguyện của Phật. Kinh Lăng Nghiêm nói có năm mươi thứ Âm Ma, trong mỗi thứ lại có bao nhiêu đó loại, thời thời khắc khắc vây quanh bên thân người tu hành, nhưng đối với người niệm Phật thì ma cũng chẳng thể làm gì được!

(Giải) Vấn: Thất nhật bất loạn, bình thời da? Lâm chung da?

Đáp: Bình thời dã.

Vấn: Thất nhật bất loạn chi hậu, phục khởi Hoặc tạo nghiệp, diệt đắc sanh da?

Đáp: Quả đắc nhất tâm bất loạn chi nhân, vô cánh khởi Hoặc tạo nghiệp chi sự.

Vấn: Đại Bốn thập niệm, Bảo Vương nhất niệm, bình thời da? Lâm chung da?

Đáp: Thập niệm thông nhị thời. Thần triều thập niệm, thuộc bình thời. Thập niệm đắc sanh dữ Quán Kinh thập niệm xưng danh đồng, thuộc lâm chung thời. Nhất niệm tắc dẫn ước lâm chung thời.

Vấn: Thập niệm, nhất niệm tịnh đắc sanh, hà tu thất nhật?

Đáp: Nhược vô bình thời thất nhật công phu, an hữu lâm chung thập niệm, nhất niệm. Túng Hạ Hạ Phẩm nghịch ác chi

nhân, tịnh thị túc nhân thành thực, cố cảm lâm chung ngộ thiện hữu, văn tiện tín nguyện. Thử sự vạn trung vô nhất, khởi khả kiêu hãnh, Tịnh Độ Hoặc Vấn xích thử tối tường. Kim nhân bất khả bất độc.

(Giải: Hỏi: Bảy ngày chẳng loạn là lúc bình thường hay lúc lâm chung?

Đáp: Lúc bình thường.

Hỏi: Sau khi đã đắc bảy ngày chẳng loạn, lại dấy phiền não, tạo nghiệp thì cũng được Vãng Sanh ư?

Đáp: Nếu là người thật sự đạt được nhất tâm bất loạn thì không còn có chuyện dấy lên phiền não, tạo nghiệp nữa!

Hỏi: Mười niệm trong Kinh Đại Bốn và một niệm trong luận Bảo Vương là nói về lúc bình thường hay lúc lâm chung?

Đáp: “Mười niệm” là nói chung cả hai thời điểm ấy. Mười niệm vào lúc sáng sớm thuộc lúc bình thường. Mười niệm được Vãng Sanh trong lời nguyện của A Di Đà Phật trong Kinh Vô Lượng Thọ giống như “mười niệm xưng danh” được nói trong chương Hạ Phẩm Hạ Sanh của Quán Kinh, đều thuộc về lúc lâm chung. Còn một niệm như trong luận Bảo Vương nói thì thuộc về lúc lâm chung.

Hỏi: Mười niệm và một niệm đều được Vãng Sanh thì cần gì phải bảy ngày nhất tâm bất loạn?

Đáp: *Nếu lúc bình thường không có công phu bảy ngày nhất tâm bất loạn thì làm sao có mười niệm hay một niệm lúc lâm chung được? Dẫu là kẻ nghịch ác thuộc Hạ Hạ Phẩm, đều là do cái nhân trong đời trước đã chín muồi nên cảm vờ khi lâm chung gặp thiện hữu, vừa nghe nói về Pháp Môn Tịnh Độ liền tín nguyện. Chuyện này trong một vạn trường hợp chẳng có được một, há nên cầu may ư? Sách Tịnh Độ Hoặc Vấn bài xích quan điểm cầu may này tường tận nhất, người đời nay chẳng thể không đọc!).*

Chúng ta lúc bình thường đả Phật thất, định thời hạn cầu chúng đắc, cầu nhất tâm bất loạn. Có kẻ hoài nghi, sau khi đắc nhất tâm bất loạn thì phiền não lại dấy lên, tạo nghiệp, thì phải nên làm sao? Đại Sư cười gỡ mối nghi, dạy: Nếu thật sự đạt được nhất tâm bất loạn thì sẽ vĩnh viễn đạt được, chẳng bị mất đi. chứ không phải là do sức trán định yếu ớt, chẳng thể chống chọi những dụ dỗ, mê hoặc! Nếu tâm lại loạn thì là do trước đó hoàn toàn chưa đạt được nhất tâm bất loạn.

Lại có người hỏi: Kinh Vô Lượng Thọ nói mười niệm, Kinh Bảo Vương nói một niệm, rốt cuộc là nói về lúc bình thường hay lúc lâm chung? Đại Sư trả lời: “Thập niệm thông nhị thời” (Mười

niệm là nói chung cả hai thời điểm ấy). Người công việc bận rộn đối với thời khóa buổi sáng dùng cách Thập Niệm, mỗi ngày thực hiện khóa sáng không thiếu sót thì cũng phù hợp với lời dạy “nhất hướng chuyên niệm” trong Kinh Vô Lượng Thọ. Lúc lâm chung, tâm niệm Phật khẩn thiết, tâm sám hối sâu nặng, có sức mạnh rất lớn, cho nên khi lâm chung từ một niệm cho đến mười niệm sẽ được Vãng Sanh, giống như trường hợp của ông Trương Thiện Hòa.

Nếu có kẻ nói mười niệm hay một niệm đều được Vãng Sanh thì lúc bình thường cần gì phải niệm Phật? Đại Sư nói, nếu không có công phu bảy ngày lúc bình thường, làm sao có một niệm hay mười niệm lúc lâm chung cho được? Có những người đến lúc cuối cùng mười niệm quyết định Vãng Sanh, nhưng cơ duyên này chẳng nhiều! Có kẻ khi lâm chung nghiệp chướng hiện tiền, chẳng thể niệm Phật được! Chẳng thể chết tốt lành chính là phước mỏng, lúc bình thường phải tu phước. Lâm chung chợt gặp được Phật Pháp, nghe xong liền phát tâm cầu nguyện Vãng Sanh, chính là do thiện căn, phước đức nhiều đời nhiều kiếp hiện tiền, hoàn toàn chẳng phải là ngẫu nhiên. Do vậy, chúng ta chẳng thể ôm lòng mong được may mắn như thế. Huống chi lúc lâm chung gặp được thiện duyên thì phải có đủ ba điều kiện:

- Thứ nhất, khi lâm chung thần trí sáng suốt.
- Thứ hai, gặp thiện tri thức, khuyên người ấy niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ.
- Thứ ba, người ấy vừa nghe liền có thể tiếp nhận, đồng thời đầy đủ ba món tư lương Tín Nguyện Hạnh.

Dẫu là kẻ ác nghịch Hạ Hạ Phạm, do túc nhân chín muồi, nên cảm được quả báo lúc lâm chung gặp thiện hữu. Chuyện này trong một vạn trường hợp chưa có được một. Sách Tịnh Độ Hoặc Vấn trong bộ Tịnh Độ Thập Yếu đã giảng chuyện này rất tường tận, hy vọng mọi người hãy xem thì mới chẳng mang lòng cầu may nữa!

(Giải) Vấn: Tây Phương khứ tử thập vạn ức độ, hà đắc tức sanh?

Đáp: Thập vạn ức độ, bất xuất ngã hiện tiền nhất niệm tâm tánh chi ngoại. Dĩ tâm tánh bản vô ngoại cố, hựu trượng tự tâm chi Phật lực tiếp dẫn, hà nan tức sanh? Như kính trung chiếu sổ thập tầng sơn thủy, lâu các, tầng số uyển nhiên, thật vô viễn cận, nhất chiếu câu liễu, kiến vô tiên hậu. “Tùng thị Tây Phương, quá thập vạn ức Phật độ, hữu Thế Giới danh viết Cực Lạc”, diệc như thị. “Kỳ độ hữu Phật, hiệu A Di Đà, kim hiện tại thuyết pháp”, diệc như thị. “Kỳ nhân lâm mạng chung thời, A Di Đà Phật dữ chư Thánh Chúng, hiện tại kỳ tiền. Thị nhân chung thời

tâm bất điên đảo, tức đắc Vãng Sanh A Di Đà Phật Cực Lạc quốc độ”, diệc như thị. Đương tri, tự tự giai Hải Ấn Tam Muội, Đại Viên Kính Trí chi linh văn dã.

(Giải: Hỏi: Tây Phương cách đây mười vạn ức cõi, làm sao sanh ngay sang ấy được?

Đáp: Mười vạn ức cõi chẳng ngoài một niệm tâm tánh hiện tiền của ta, bởi tâm tánh vốn chẳng ở bên ngoài. Hơn nữa, cạy vào Phật lực từ trong tâm tánh tiếp dẫn, khó gì mà chẳng sanh ngay sang cõi Cực Lạc? Giống như trong gương chiếu mấy chục tầng núi, sông, lầu gác, tầng nào tầng nấy rành rành, quả thật chẳng có gần hay xa, hễ vừa soi liền trọn đủ, chẳng thấy có trước hay sau. “Cách đây mười vạn ức cõi Phật có Thế Giới tên là Cực Lạc”, cũng giống như vậy. “Cõi ấy có Phật, hiệu A Di Đà nay hiện đang thuyết pháp” cũng giống như vậy. “Khi ấy người lâm chung, A Di Đà Phật và các Thánh Chúng hiện ra trước mắt. Người ấy khi lâm chung, tâm chẳng điên đảo, liền được sanh về cõi nước Cực Lạc của A Di Đà Phật”, cũng giống như vậy. Hãy nên biết rằng từng chữ trong Kinh A Di Đà đều là Hải Ấn Tam Muội, là Kinh Văn thiêng liêng giảng về Đại Viên Kính Trí).

Ở đây là nghi vấn “khoảng cách giữa Tây Phương và cõi này xa xôi, làm sao đến ngay được?” Kinh Đại Thừa giảng mười pháp

giới đều là vật được biến hiện trong tâm tánh. Tâm tánh là Năng Biến (chủ thể có công năng biến hiện), mười phương các cõi Phật là Sở Biến (vật được biến hiện). Tâm tánh có thể biến hiện vô lượng, cõi nước được biến hiện (Sở Biến) cũng vô lượng vô biên. Đức Phật nói Tây Phương Cực Lạc Thế Giới cách Thế Giới Sa Bà chỉ có mười vạn ức cõi Phật, nếu đem so với tâm tánh vô lượng thì khoảng cách ấy rất ngắn. Do vậy, Kinh nói người niệm Phật Vãng Sanh Tây Phương chỉ trong khoảng khảy ngón tay liền đến nơi. A Di Đà Phật cũng là A Di Đà Phật trong tự tánh của chúng ta, trọn chẳng phải là ở ngoài tự tánh lại có một vị A Di Đà Phật. Tây Phương Cực Lạc Thế Giới cũng do tự tánh biến hiện ra. Hơn nữa, do công đức của bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, tiếp dẫn, Vãng Sanh đâu có khó khăn gì? Nếu hiểu rõ ràng đạo lý căn bản này thì tất cả đạo lý trong Kinh Đại Thừa hay Tiểu Thừa hễ vừa tiếp xúc đều liền hiểu ngay. Lại giống như đem một tấm gương soi sơn thủy bên ngoài, chẳng thể nào vì ở gần mà chiếu trước, ở xa bên chiếu sau. Vật hiện bóng trong gương quả thật chẳng có xa gần. Chư Phật, Bồ Tát tốt cùng hư không, trọn khắp pháp giới, hễ nghĩ đến nơi đâu liền lập tức đến được nơi đó. Kinh Hoa Nghiêm giảng chuyện này rất rõ ràng, do vì chúng ta có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nên chẳng thể khế nhập tình huống

này. Nếu không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì xa gần lớn nhỏ đều chẳng còn nữa!

Kinh chép: “Kỳ nhân lâm mạng chung thời, A Di Đà Phật dữ Chư Thánh Chúng, hiện tại kỳ tiền, thị nhân chung thời, tâm bất điên đảo, tức đắc Vãng Sanh A Di Đà Phật Cực Lạc quốc độ” (Người ấy khi mạng sắp hết, A Di Đà Phật và các Thánh Chúng hiện ra trước mắt, người ấy khi lâm chung tâm chẳng điên đảo, liền được sanh về cõi nước Cực Lạc của A Di Đà Phật). Đó gọi là Vãng Sanh. Phật và Thánh Chúng chẳng đến mà đến, chẳng đi mà đi. Nói “đến, đi” là dựa theo mặt Sự, nói “chẳng đến, chẳng đi” là luận trên mặt Lý.

“Đương tri, tự tự giai Hải Ấn Tam Muội, Đại Viên Kính Trí chi linh văn dã”: Từng chữ, từng câu trong Kinh này đều là Hải Ấn Tam Muội. Chữ “hải” sánh ví sự rộng lớn, cảnh giới bên ngoài đều chiếu xuống mặt biển, tỷ dụ tâm tánh, tâm tánh trọn đủ hết thấy pháp giới, hình dung sâm la vạn tượng và các cảnh sắc đều soi bóng trong biển cả. Nói theo mặt Sự, ánh sáng tròn vẹn của tám gương tròn lớn chiếu khắp, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, không pháp nào chẳng hiện. Hải Ấn Tam Muội biểu thị Thể của tâm tánh, còn Đại Viên Kính Trí biểu thị Dụng của tâm tánh. Dụng là không gì chẳng biết, không pháp nào chẳng

hiện, nói rõ từng chữ từng câu trong Kinh này đều là lời văn thiêng liêng diễn tả Hải Ấn Tam Muội và Đại Viên Kính Trí. Hai câu này nhằm tổng kết, nói rõ địa vị cao vòi vọi và tánh chất trọng yếu của bản Kinh này trong toàn bộ Phật Pháp. Kinh A Di Đà là tinh hoa của Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh Vô Lượng Thọ là Kinh A Di Đà được giảng chi tiết. Do vậy, tôi đề nghị mọi người chuyên niệm Kinh Vô Lượng Thọ. Căn tánh con người hiện thời yếu hèn, nếu chỉ nhìn vào văn tự thì Kinh A Di Đà giống như thần thoại, tiêu thuyết, chẳng nắm được ý vị.

(Giải) Vấn: Trì danh phán Hành Hạnh, tắc thị Trợ Hạnh, hà danh Chánh Hạnh?

Đáp: Y nhất tâm thuyết Tín Nguyện Hạnh, phi tiên hậu, phi định tam. Cái vô Nguyện Hạnh, bất danh Chân Tín. Vô Hạnh Tín, bất danh Chân Nguyện. Vô Tín Nguyện, bất danh Chân Hạnh. Kim toàn do tín nguyện trì danh, cố Tín Nguyện Hạnh tam, thanh thanh viên cụ. Sở dĩ, danh “đa thiện căn, phước đức, nhân duyên”. Quán Kinh “xưng Phật danh cố, niệm niệm trung trừ bát thập ức kiếp sanh tử chi tội”, thử chi vị dã. Nhược phước thiện bất đa, an năng trừ tội như thử chi đại.

(Giải: Hỏi: Trì danh được phán định thuộc về Hành Hạnh, thì nó là Trợ Hạnh, chứ sao lại bảo là Chánh Hạnh?

Đáp: Dựa theo nhất tâm để nói về Tín Nguyện Hạnh thì không có trước sau, không nhất định phải tách ra thành ba thứ. Bởi lẽ, không có Nguyện và Hạnh thì chẳng gọi là Chân Tín. Không có Hạnh và Tín thì chẳng gọi là Chân Nguyện. Không có Tín và Nguyện thì chẳng gọi là Chân Hạnh. Nay hoàn toàn do tín nguyện mà trì danh nên trong mỗi tiếng niệm Phật đều đầy đủ trọn vẹn ba món Tín Nguyện Hạnh. Do vậy, gọi là “nhiều thiện căn, phước đức, nhân duyên”. Quán Kinh bảo “do xưng niệm danh hiệu Phật nên trong mỗi niệm trừ được tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử” chính là nói về điều này. Nếu phước thiện chẳng nhiều thì làm sao trừ được tội to lớn như thế?)

“Trì danh phán Hành Hạnh” (Trì danh được phán định thuộc về Hành Hạnh) chính là lời phán định của Ngẫu Ích Đại Sư. “Tín Nguyện” được phán định thuộc về Huệ Hạnh, còn “Hạnh” được phán định thuộc về Định Hạnh. Do vậy, trong niệm Phật có cả Định lẫn Huệ. Không ít người chẳng thêm đổ công sức nơi Tịnh Tông, chẳng hiểu biết mảy may gì, bảo Niệm Phật là Tiểu Thừa! Thật ra, Niệm Phật là phép Đại Thừa nhất trong các pháp Đại Thừa. Hễ hiểu lý thì niệm một câu Phật hiệu là Đại Thừa, nhưng chẳng hiểu lý mà niệm một câu Phật hiệu thì vẫn là Đại Thừa! Thành tựu của người ấy hết thấy Đại

Thừa Bồ Tát đều chẳng thể sánh bằng, cực viên, cực đôn. Tín Nguyễn là Huệ, trì danh là Hạnh, là học Định và Huệ cân bằng, từng câu Phật hiệu đều đầy ắp Định Huệ, mà còn là viên Định, viên Huệ.

“Y nhất tâm thuyết Tín Nguyễn Hạnh, phi tiên hậu, phi định tam” (Nếu dựa trên nhất tâm để luận Tín Nguyễn Hạnh thì chẳng phải là trước sau, không nhất định phải tách rời thành ba thứ): Nhằm nói phương tiện để người nghe sẽ do đó mà thấy được đường lối tu hành nên nói “tín, nguyện, hạnh”. Ba món tư lương này nếu xét trong một tâm thì trong một niệm, một câu Phật hiệu tương ứng với Tín, tương ứng với Nguyễn, tương ứng với Hạnh, một tức là ba, ba tức là một. Đó gọi là “tương ứng”. Nếu trong khi niệm Phật hiệu mà không có tín nguyện, sẽ chẳng đầy đủ ba món tư lương, tức là chẳng tương ứng. Không có Nguyễn và Hạnh thì chẳng gọi là Chân Tín, không có Tín và Hạnh chẳng phải là Chân Nguyễn, không có Tín và Nguyễn thì chẳng phải là Chân Hạnh. Nếu nhất tâm trì danh, nhất tâm chính là chân tâm, chân tâm chính là Tín Nguyễn Hạnh trọn đủ viên mãn. Người nhất tâm niệm Phật thì ít mà người tam tâm, nhị ý niệm Phật lại nhiều. Do vậy, người niệm Phật đông đảo, người Vãng Sanh ít ỏi. A Lại Da Thức,

Mạt Na Thức, Ý Thức là “tam tâm”. Mạt Na là Ý Căn, thức thứ sáu là Ý Thức, đây là “nhị ý”. Nếu phàm phu dùng cái tâm “tam tâm nhị ý” để niệm Phật, trì chú, nghiên cứu giáo lý thì đều chẳng tương ứng.

Lục Tổ Đại Sư nói: “Nào ngờ tự tánh vốn sẵn đầy đủ, nào ngờ tự tánh có thể sanh ra vạn pháp”. Trong Kinh này, tự tánh được gọi là “nhất tâm”. Mỗi một câu Phật hiệu đầy đủ trọn vẹn ba món tư lương, Tam Học, Tam Huệ. Do vậy, gọi là nhiều thiện căn, phước đức, nhân duyên. Quán Kinh dạy: “Do xưng danh hiệu Phật nên trong mỗi niệm trừ được tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử”. Nếu thiện căn, phước đức không nhiều, làm sao có thể trừ tội nhiều như thế được? Đọc Kinh này xong, nếu cảm thấy lời này dường như quá lớn, thì hãy quan sát xem khi niệm Phật, ta dùng tâm tư thái độ nào. Nếu dùng tam tâm nhị ý để niệm thì sẽ chẳng có hiệu quả rõ ràng.

(Giải) Vấn: Lâm chung mãnh thiết, năng trừ đa tội, bình nhật chí tâm xưng danh, diệt trừ tội phủ?

Đáp: Như nhật xuất, quần ám tiêu. Xưng hồng danh, vạn tội diệt.

Vấn: Tán tâm xưng danh diệt trừ tội phủ?

Đáp: Danh hiệu công đức bất khả tư nghị, ninh bất trừ tội? Đản bất định Vãng Sanh, dĩ du du tán thiện, nan địch vô thỉ tích tội cố! Đương tri tích tội, giả sử hữu thể tướng giả, tận hư không giới bất năng dung thọ. Tuy bách niên trú dạ, Di Đà thập vạn, nhất nhất thanh diệt bát thập ức kiếp sanh tử, nhiên sở diệt tội, như trảo thượng thổ. Vị diệt tội, như đại địa thổ. Duy niệm chí nhất tâm bất loạn, tắc như kiện nhân đột vi nhi xuất, phi phục tam quân năng chế nhĩ. Nhiên xưng danh tiện vi thành Phật chủng tử, như kim cang chung bất khả hoại. Phật thế, nhất lão nhân cầu xuất gia, ngũ bách Thánh Chúng giai vị “vô thiện căn”. Phật ngôn: “Thử nhân vô lượng kiếp tiền, vị hổ bức, thất thanh xưng nam mô Phật. Kim thử thiện căn thành thực, trị ngã đắc đạo, phi Nhị Thừa đạo nhãn sở tri dã”. Do thử quán chi, Pháp Hoa minh “quá khứ Phật sở, tán loạn xưng danh, giai dĩ thành Phật”, khởi bất tín tai?

(Giải: Hỏi: Khi lâm chung mạnh mẽ, thiết tha, có thể trừ được nhiều tội, chứ lúc bình thường chí tâm xưng danh thì cũng trừ được tội ư?

Đáp: Như mặt Trời mọc, mọi tối tăm đều tiêu. Xưng hồng danh, vạn tội diệt.

Hỏi: Tâm tán loạn xưng danh cũng trừ được tội ư?

Đáp: Công đức xưng danh chẳng thể nghĩ bàn, lẽ nào chẳng trừ được tội? Nhưng không nhất định được Vãng Sanh, bởi lẽ điều lành hờ hững tán loạn sẽ khó thể chống lại tội lỗi tích tập từ vô thủy. Hãy nên biết rằng tội lỗi đã tích tập nếu có thể tướng thì cùng tận cõi hư không chẳng thể chứa đựng được. Dẫu suốt cả trăm năm, mỗi ngày đêm niệm Di Đà mười vạn tiếng, mỗi một tiếng diệt tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử, nhưng tội đã diệt giống như đất đọng trên móng tay, còn tội chưa diệt giống như đất trong đại địa. Chỉ trừ niệm Phật đến nhất tâm bất loạn sẽ giống như người mạnh mẽ đột phá vòng vây xông ra, ba quân chẳng còn có thể khống chế người ấy. nhưng xưng danh sẽ là hạt giống thành Phật, như kim cương trọn chẳng thể hủy hoại. Trong thời Đức Phật, một cụ già xin xuất gia, năm trăm vị Thánh Nhân đều nói cụ không có thiện căn. Đức Phật dạy: “Trong vô lượng kiếp trước, người này bị hổ đuổi, lạc giọng xưng nam mô Phật, đến nay thiện căn ấy chín muồi, gặp ta, đắc đạo, đạo nhãn của Nhị Thừa chẳng thể biết được!” Do đây có thể thấy rằng Kinh Pháp Hoa nói người trong quá khứ, ở chỗ Phật, tán loạn xưng danh đều đã thành Phật, há chẳng tin ư?)

Có người hỏi: Khi lâm chung, ý niệm dững mãi, tâm nguyện khẩn thiết, trì danh dễ đạt đến nhất tâm, chứ lúc bình thường trong tâm tản mạn, chẳng thể tập trung sức mạnh tinh thần, chẳng sót

sống như lúc trong lúc khẩn yếu gặp nguy nan, tâm hơi hợt hờ hững mà cũng có thể trừ được tội hay chẳng? Đại Sư dùng tỷ dụ để trả lời, như mặt Trời mọc lên, hết thấy tối tăm đều chẳng còn. Niệm hồng danh Phật thì hết thấy tội chướng đều tiêu diệt. Nhưng cần phải chú ý câu hỏi của người này: Lúc bình thường chí tâm xưng danh cũng có thể trừ tội hay chẳng? Chí tâm chính là nhất tâm, đương nhiên trừ được tội.

Lại hỏi: Tâm tán loạn xưng danh cũng trừ được tội hay chẳng? Tâm tán loạn ở đây chẳng phải là nhất tâm. Đại Sư đáp: Dùng tâm tán loạn, tam tâm nhị ý để niệm Phật thì cũng trừ được tội, nhưng chẳng chắc chắn sẽ Vãng Sanh, tùy theo lúc lâm chung có thể chí tâm hay không? Do vậy, bình thường dùng chí tâm để niệm Phật thì lâm chung nhất định sẽ được Vãng Sanh, có nắm chắc Vãng Sanh hay không chẳng cần phải người nào khác, chính mình phải tự biết. Nếu thật sự chí tâm xưng niệm thì cần phải mất bao lâu mới đạt được hiệu nghiệm? Trong Vãng Sanh Truyện, trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, ước chừng ba năm, người ngồi mát, đứng qua đời rất đông. Trong thời gần đây, người ba năm thành tựu cũng chẳng ít. Lão Pháp Sư Đàm Hư nói: Cụ Đế Nhân có một vị đồ đệ làm thợ đóng đai thùng, niệm Phật ba năm, biết trước lúc mát, đứng Vãng Sanh. Chúng ta niệm mấy chục năm,

một chút tin tức cũng không có, đại khái đều là do dùng cái tâm tán loạn để niệm Phật.

Nếu có người nói: “Niệm Phật ba năm sẽ chết thì Pháp Môn này chẳng thể học được!” Đủ thấy người ấy vẫn còn có rất nhiều tham ái đối với Thế Giới Sa Bà. Tín nguyện đã không thật, hạnh cũng chẳng khẩn thiết, chỉ đành mặc kệ họ. Nếu thật sự muốn được Vãng Sanh thì phải buông xuống vạn duyên, suốt ngày từ sáng đến tối nắm chắc một câu Phật hiệu, những chuyện khác hãy tùy duyên tùy phận là xong. Từ đời đời kiếp kiếp trong vô lượng kiếp đến nay chúng ta đều niệm Phật, nhưng từ đầu đến cuối chẳng thể thành tựu, chính mình chẳng tìm ra nguyên nhân. Đại Sư nói: “Dĩ du du tán thiện, nan địch vô thí tích tội cố” (Bởi lẽ, điều lành hờ hững tán loạn sẽ khó thể chống lại tội lỗi tích tập từ vô thí). “Tội lỗi tích tập từ vô thí” chính là tham, sân, si, mạn, tập khí, vọng tưởng, chấp trước. Nếu nhất tâm niệm Phật thì tập khí ấy chẳng thể hiện hành, tâm vô nhị dụng, khuát phục phiền não, công phu thành phiền. Từ khuát phục phiền não cho đến đoạn phiền não thì gọi là Sự nhất tâm, có chín phẩm, khuát phục là Hạ Hạ Phẩm, sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Đoạn được phiền não thì là Thượng Thượng Phẩm, sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư. Nếu chẳng thể khuát phục phiền não, ý niệm tham, sân, si vẫn thường khởi lên thì phải

đau đáu sám hối, tự thẹn trách sâu xa. Được Vãng Sanh hay không là do chính mình quyết định.

Tội nghiệp đã tích tụ từ vô lượng kiếp đến nay nếu có thể tương thì tận hư không khắp pháp giới đều chẳng thể chứa đựng được. Nếu có người niệm Phật, mỗi ngày niệm mười vạn tiếng, ngày đêm không ngừng, niệm liên tiếp cả trăm năm chẳng gián đoạn, mỗi một tiếng diệt được trọng tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử thì tội đã diệt giống như đất bám trên móng tay, tội chưa diệt như đất trên đại địa. Lời này là thật, trọn chẳng phải khoa trương! Nếu sanh về Tây Phương thì vấn đề này liền được giải quyết, chẳng thể sanh về Tây Phương sẽ phiền phức rất lớn, tùy theo nghiệp mà lưu chuyển trong sáu nẻo luân hồi. Nghiệp nào mạnh sẽ lôi đi trước, thác sanh vào đường nào là do chính mình nghĩ tưởng đến đường đó. Người có ý niệm Ngũ Giới mạnh mẽ, tuân thủ nhân luân đạo đức, sẽ bảo đảm giữ được thân người. Ý niệm Thập Thiện, từ, bi, hỷ, xả mạnh mẽ thì đời sau sanh vào cõi Trời, nhưng loại người như vậy đã ít lại càng ít hơn, còn kẻ tạo tham, sân, si, mạn thì nhiều, tương lai đọa lạc trong tam đồ. Thời gian trong tam đồ quá dài, thật đáng sợ! Kinh Lăng Nghiêm và Kinh Địa Tạng giảng tình hình trong địa ngục rất tường tận. Địa

ngục như bầy ngậm, trong thế gian có rất nhiều, hễ chẳng cẩn thận sẽ rớt xuống đó.

Trong nhiều đời nhiều kiếp đã tạo vô lượng vô biên ác nghiệp, như bị ba quân tầng tầng lớp lớp bao vây, chỉ có một phương pháp là đột phá vòng vây, nhờ vào công phu niệm Phật, đời nghiệp Vãng Sanh là có thể xông ra khỏi vòng vây. Quan trọng nhất là nhất tâm, “bất loạn” là chẳng bị hết thảy hoàn cảnh nhiễu loạn, tám gió chẳng thể thổi động được. Đã bất loạn đối với pháp thế gian mà đối với Phật Pháp vẫn chưa buông xuống được, vừa tham Thiền vừa học Mật thì tương lai vẫn luân hồi trong sáu nẻo, lại còn chẳng đạt được ba đường lành.

“Xưng danh” là hạt giống kim cang thành Phật. Khi Phật tại thế, có một cụ già xin xuất gia, các vị A La Hán đệ tử Phật đều có thần thông, có thể thấy được năm trăm đời, quán thấy cụ già ấy trong cả năm trăm đời chẳng có thiện căn nên chẳng chấp thuận lời cụ cầu thỉnh, cụ già khóc lóc không chịu ra đi. Cuối cùng, Đức Phật gọi cụ già ấy lại, bảo các đệ tử: “Cụ già này trong vô lượng kiếp trước, từng làm tiểu phu, ở trên non bị hổ đuổi, cọt đòn đến nổi phải trèo lên cây, trong lúc Kinh hãi, gào to một tiếng “nam mô Phật”. Do nhân duyên ấy, đời này gặp Phật đắc độ. Huệ nhãn của hàng Thanh Văn Nhị Thừa chẳng thấy được điều này. Trong Kinh

Pháp Hoa đã nêu lên một câu chuyện, há chẳng đáng tin ư? Từ xưa đến nay, thời đại lâu xa, người thuở ấy tuy vô tâm niệm một tiếng Phật hiệu, đến nay gặp duyên thành tựu. Chúng ta tùy duyên tùy phận, dùng câu Phật hiệu này để kết duyên niệm Phật cùng chúng sanh.

(Giải) Phục nguyện truy tổ trí ngu, ư thử giản dị trực tiếp, vô thượng viên đốn Pháp Môn, vật thị vi nan, nhi triếp sanh thoái ủy, vật thị vi dị, nhi mạn bất sách cần, vật thị vi thiểu, nhi vọng trí miểu khinh, vật thị vi thâm, nhi phát cảm thừa nhậm. Cái sở trì chi danh hiệu, chân thật bất khả tư nghị. năng trì chi tâm tánh, diệc chân thật bất khả tư nghị, trì nhất thanh, tắc nhất thanh bất khả tư nghị. Trì thập, bách, thiên, vạn, vô lượng, vô số thanh, thanh thanh giai bất khả tư nghị dã.

(Giải: Kính xin kẻ áo thâm, người áo trắng, kẻ trí, người ngu, đối với Pháp Môn đơn giản, dễ dàng, thẳng chông, vô thượng viên đốn này, đừng nghĩ là khó rồi liền sanh lòng thoái thác, đừng thấy là dễ dàng rồi chần chừ chẳng siêng gắng, đừng ngỡ là nông cạn để rồi đến nỗi làm lạc coi thường, đừng nghĩ pháp này quá sâu đến nỗi chẳng dám đảm đương. Bởi lẽ, danh hiệu được trì chân thật chẳng thể nghĩ bàn, tâm tánh trì niệm danh hiệu ấy cũng chân thật chẳng thể nghĩ bàn. Trì một tiếng thì một tiếng chẳng thể nghĩ bàn,

trì mười, trăm, ngàn, vạn, vô lượng vô số tiếng thì mỗi tiếng đều chẳng thể nghĩ bàn).

Ở đây, Đại Sư buốt lòng rất miệng khuyên dạy chúng ta. “Truy” (緇) chỉ người xuất gia mặc áo nhuộm thâm, “tố” (素) chỉ người tại gia. Tại Ấn Độ vào thời cổ, người ngoài đời mặc y phục màu trắng. “Trí” là người có học, hoặc kẻ thông minh có tài trí. “Ngu” là những ngu phu ngu phụ không biết chữ. Pháp Môn trì danh niệm Phật này ai cũng có thể niệm được, đơn giản, dễ dàng, chính là Pháp Môn vô thượng viên đôn. nhưng cũng đừng nên nghĩ pháp này quá dễ dàng, khởi tâm coi thường. Rất nhiều người nghĩ Kinh A Di Đà là nông cạn, coi thường, chẳng chịu tu học. Năm 1982, tôi đến Mỹ, có nhiều đồng tu bảo tôi: “Ở nước Mỹ, ngàn vạn phần đừng giảng Pháp Môn Niệm Phật kéo bị người ta chê cười. Mọi người đều giảng Thiên, giảng Mật”. Do vậy, thoát đầu tôi đến Mỹ thường giảng khẩu đầu Thiên, nhằm hàng phục những kẻ học Thiên, sau đây tôi lại giảng Mật vì tôi theo học dưới tòa của Chương Gia Đại Sư ba năm, hiểu biết nội dung Mật Tông khá nhiều, bọn họ dùng cách nào cũng không gạt tôi được! Sau đây, tôi mới đem Pháp Môn Tịnh Độ giới thiệu cho họ. Bọn họ không tiếp nhận mà cũng chẳng dám nói một câu nào phản đối. Đồng thời, tôi lại mang từ Đài Loan sang bộ băng thâu âm bài giảng A Di Đà

Kinh Sớ Sao nhiều tới ba trăm ba mươi cuốn, mọi người chẳng dám chê Kinh Di Đà là nông cạn nữa. Cũng chớ nên nghĩ Pháp Môn này quá sâu. Trên thực tế, Pháp Môn này là cảnh giới nơi quả địa Phật, chỉ có Phật với Phật mới có thể hiểu rõ ráo, chứ chúng sanh trong chín pháp giới chẳng thể thấu hiểu được. Chín giới bao gồm Đẳng Giác Bồ Tát, Đẳng Giác Bồ Tát ắt phải được Phật gia trì thì mới có thể thấu hiểu được. Nhưng trên mặt Sự, pháp này hết sức dễ dàng, không một Pháp Môn nào vừa dễ dàng vừa đơn giản bằng niệm Phật. Thực hiện được bốn chữ “tín nguyện trì danh” thì sẽ thành công. Trong tâm chỉ có A Di Đà Phật, trừ điều này ra, bất cứ suy tưởng gì cũng đều chẳng có. Đây là tín nguyện trì danh.

Lại nữa, danh hiệu có công đức chẳng thể nghĩ bàn, tâm tánh trì danh cũng chẳng thể nghĩ bàn. Tín nguyện trì danh là chân tâm, mà cũng là nhất tâm, công đức của nó chẳng thể nghĩ bàn. Chân tâm là Năng Cảm, còn Phật, Bồ Tát là Sở Cảm. Nói theo mặt Lý, A Di Đà Phật là đức hiệu của Chân Như bốn tánh hư không pháp giới. Nói theo mặt Sự thì là danh hiệu bốn nguyện công đức của A Di Đà Phật. “Trì một tiếng thì một tiếng chẳng thể nghĩ bàn, trì mười, trăm, ngàn, vạn, vô lượng, vô số tiếng thì mỗi tiếng đều chẳng thể nghĩ bàn”. Đối với đoạn văn này, Cổ Đức nói nó bao gồm ba thứ trọng yếu:

- 1) Đức Phật được niệm là “cảnh yếu”.
- 2) Cái tâm niệm Phật là “tâm yếu”.
- 3) Năng và Sở chẳng hai, tâm và Phật giống hệt như nhau là “Pháp Môn yếu”.

Ở đây “yếu” có nghĩa là “diệu”, huyền diệu tốt bậc chẳng thể nghĩ bàn. Ba thứ tâm, cảnh và Pháp Môn đều chẳng thể nghĩ bàn. Tác phẩm Yếu Giải của Đại Sư cũng chẳng thể nghĩ bàn. Chẳng trách Ấn Quang Đại Sư đề cao tốt bậc sách Yếu Giải của Ngẫu Ích Đại Sư. Nếu học Phật mà nắm được cương lĩnh, y giáo phụng hành, những lợi ích đạt được trước khi Vãng Sanh hoàn toàn chẳng thể do tu các Pháp Môn khác mà đạt được. Thân tâm thanh tịnh, cái thấy rõ là mạnh khỏe, sống lâu, hạnh phúc, sung sướng sẽ ngay lập tức đạt được. Người đời mong cầu mãnh liệt mà chẳng được, còn người niệm Phật sẽ có thể cầu được.

(Kinh) Xá Lợi Phát! Ngã kiến thị lợi, cố thuyết thử ngôn, nhược hữu chúng sanh, văn thị thuyết giả, ưng đương phát nguyện, sanh bỉ quốc độ.

(Giải) “Ngã kiến” giả, Phật nhãn sở kiến, cứu tận minh liễu dã. “Thị lợi” giả, hoành xuất ngũ trược, viên tịnh tứ độ, trực chí bất thoái vị tận, thị vi “bất khả tư nghị công đức chi lợi” dã.

(Chánh Kinh: Này Xá Lợi Phất! Ta thấy điều lợi ấy nên nói lời này. Nếu có chúng sanh nghe nói như vậy, hãy nên phát nguyện sanh về cõi nước ấy.

Giải: “Ngã kiến” là mắt Phật thấy thấu suốt đến cùng tận. “Thị lợi” là những điều lợi như vượt khỏi cõi Ngũ Trược theo chiều ngang, thanh tịnh trọn vẹn bốn cõi Tịnh Độ, đạt thẳng đến các địa vị Bất Thoái viên mãn. Đây là “điều lợi chẳng thể nghĩ bàn về mặt công đức” vậy).

Đây là lần thứ hai Đức Phật khuyên người nghe hãy nên phát nguyện. Câu “ngã kiến thị lợi” này khẩn yếu nhất. Thích Ca Mâu Ni Phật chính mắt thấy được điều lợi ích thù thắng này, thấy y báo và chánh báo trang nghiêm trong Tây Phương Thế Giới, người Vãng Sanh bất luận là ai, dầu là chúng sanh từ ác đạo sanh về Cực Lạc cũng đều chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái. Hết thấy các cõi Phật không có điều này, do điều này nên Phật mới khuyên khích chúng ta hãy nên Vãng Sanh. Trong lời chú giải, Đại Sư lại nói: “Ngã kiến (ta thấy) là mắt Phật thấy thấu suốt đến cùng tận”. Trong mười pháp giới, con người thường nghĩ mình rất thông minh, thấy chuyện gì cũng đều thấy rất thấu triệt, nhưng chẳng thể sánh bằng chư thiên. chư thiên thấy rõ ràng hơn chúng ta. Thiên nhãn chẳng bằng huệ nhãn của A La Hán. Huệ nhãn của A La Hán

chẳng bằng pháp nhãn của Bồ Tát. Pháp nhãn của Bồ Tát chẳng bằng Phật nhãn. Đức Phật ngũ nhãn viên minh, thấy gì cũng đều rõ ráo viên mãn. Đức Phật thấy do Pháp Môn Niệm Phật mà chúng sanh “vượt khỏi đời ngũ trược theo chiều ngang, thanh tịnh trọn vẹn bốn cõi Tịnh Độ, cho đến chứng đắc trọn vẹn các địa vị Bất Thoái”, đây là điều lợi chẳng thể nghĩ bàn về mặt công đức.

1) Lục đạo phàm phu muốn thoát ly tam giới hết sức khó khăn. Chúng ta hãy quán sát kỹ càng, bao nhiêu người tu hành trong thế gian có trí huệ và công phu tu hành rất cao, rốt cuộc đều chẳng thoát khỏi tam giới, là vì lẽ nào? Do Kiến Tư phiền não chẳng dễ gì đoạn được! Đức Phật dạy lục đạo luân hồi là do Kiến Tư phiền não mà có, chỉ cần có Kiến Tư là sẽ chẳng ra khỏi luân hồi. Tiểu Thừa Tứ Quả A La Hán đoạn được Kiến Tư, vượt thoát luân hồi. So với Tứ Quả, Tam Quả chưa đoạn sạch phiền não nên không thể vượt thoát lục đạo. Công phu, trí huệ của các vị ấy tốt đẹp, tu hành trong Tứ Thiên Thiên, đoạn được Kiến Tư mới thoát khỏi tam giới. Nhằm nói cho thuận tiện, Đức Phật đã quy nạp các phiền não thành mười loại lớn, tức năm loại Kiến Hoặc và năm loại Tư Hoặc. Kiến Hoặc là kiến giải sai lầm, thứ nhất là Thân Kiến, coi thân là Ngã, sai rồi, thân là cái ta có. Chẳng hạn như y phục, y phục là thứ ta có, hoàn toàn chẳng phải là ta. Thứ hai là Biên Kiến,

chấp trước vào hai bên, nói theo cách bây giờ là “tương đối luận”, chúng ta luôn sống trong không gian tương đối, hoàn toàn chẳng phải là chân thật. Nếu nói tới chân thật thì là Nhất Chân pháp giới. Ngoài Nhất Chân pháp giới, mười pháp giới đều là tương đối. Ngoài ra, còn có hai thứ thường được gọi là “thành kiến”: Một là đối với quả, chẳng phải là quả mà coi là quả. hai là đối với nhân, chẳng phải là nhân mà tính là nhân. Ở đây, nói riêng biệt từng điều như sau:

Thứ ba là Kiến Thủ Kiến, chẳng phải quả mà coi là quả. “Kiến” (見) là kiến giải chủ quan. “Thủ” (取) là chấp trước, chấp trước ý kiến chủ quan không chánh xác của chính mình, như các Tôn Giáo khác cho rằng sanh lên Trời là “vĩnh sanh” (sự sống đời đời). Trên thực tế, tuy chư thiên thọ mạng rất dài, vẫn có lúc kết thúc, hoàn toàn chẳng rốt ráo. Đó chính là thành kiến. Trời vốn là hữu lậu, họ ngộ nhận cõi Trời là diệu quả. Đây chính là “chẳng phải quả mà ngỡ là quả”.

Thứ tư là Giới Cấm Thủ Kiến, chẳng phải nhân mà coi là nhân. “Giới” (戒) là tánh giới, chẳng hạn như giết, trộm, dâm, “cấm” là ngăn cấm, như uống rượu, ăn thịt. Gìn giữ giới cấm vốn là thiện pháp, vì sao lại xếp vào loại “chẳng phải là chánh kiến”? Lỗi ở chỗ chấp trước giữ chặt. Có một loại ngoại đạo tu hành giới

giang, đắ Thiên Nhân Thông, thấy trâu, chó sanh lên Trời bèn tưởng học theo lối sống của trâu và chó sẽ được sanh lên Trời, chẳng hề biết trâu, chó sanh lên Trời là do nguyên nhân nào. Lâu dần trở thành một thứ tà môn ngoại đạo, đây gọi là “chẳng phải nhân mà coi là nhân”.

Thứ năm là Tà Kiến. Phàm là tri kiến bất chánh như chẳng tin luân hồi, chẳng tin vào nhân quả báo ứng, chẳng tin vào Thánh Ngôn Lượng, đều thuộc về đại tà kiến, chướng ngại lợi ích thù thắng của bản thân. Chính mình không tin thì cũng được đi, lại còn khuyên người khác chẳng tin, tạo tội Vô Gián địa ngục. Trong tám nạn có Thế Trí Biện Thông, phần nhiều là phần tử trí thức cao cấp, họ còn có những luận điệu thiên chấp, tà vạy, tương lai dẫn dắt người khác cùng vào địa ngục, thật là đáng thương!

Tư Hoặc cũng gồm năm loại lớn là tham, sân, si, mạn, nghi. Nghi ở đây là chuyên hoài nghi thánh giáo. Năm thứ này cộng với năm thứ Kiến Hoặc vừa nói trên đây, được gọi chung là “Kiến Tư Nhị Hoặc”. Người Tiểu Thừa đoạn được Kiến Tư Nhị Hoặc, Phật nói điều ấy giống như “cắt đứt dòng chảy rộng bốn mươi dặm”, hết sức khó khăn! Trong Kinh nói đoạn được Kiến Hoặc bèn chứng Sơ Quả Tu Đà Hoàn của Tiểu Thừa, phải sanh tử trong cõi Trời và nhân gian bảy lần thì mới đoạn được Tư Hoặc. Con người tuổi thọ

ngắn ngủi, cõi Trời tuổi thọ dài, tồn một thời gian dài bao lâu mới đoạn được? Quả thật không có cách nào tính toán được! Trong Kinh nói “để thành Phật, phải mất ba đại A tăng kỳ kiếp”, nhưng thời gian ấy phải tính từ ngày đoạn được Kiến Hoặc. Hễ đoạn được Kiến Hoặc thì là Thánh Nhân. tuy chưa ra khỏi tam giới, nhưng chẳng đọa trong tam đồ. Tiểu Thừa Sơ Quả Tu Đà Hoàn gọi là Nhập Lưu, tức là “dự vào hàng Thánh Nhân”. Phương pháp tu học của Tiểu Thừa chẳng xảo diệu như Đại Thừa, nhất là so sánh giữa Tiểu Thừa với Thiên Tông. Thiên Tông tuy hay khéo, nhưng người đạt được sự hay khéo ấy cũng phải là bậc thượng căn lợi trí, chứ không phải những kẻ thông thường mà hòng học được. Do vậy, kém xa Tịnh Tông!

Trong phần trước, tôi nói tới cõi Trời, Kinh Phật giảng tường tận nhất. Ở đây, tôi bổ sung đại lược. Chẳng hạn như Tứ Thiên Thiên, Tứ Không Thiên đều ở trong tam giới, tuy thọ mạng rất dài, nhưng vẫn có sanh tử. Có người tưởng hễ sanh lên Trời thì sẽ sống đời đời, ngộ khái niệm ấy tương tự như chuyện nhập Niết Bàn trong Phật Pháp. Cần biết rằng: Các tầng Trời Tứ Thiên, Tứ Không vẫn có sanh diệt, hoàn toàn chẳng phải là rốt ráo. Đức Phật nói có hai mươi tám tầng Trời, nhân của mỗi tầng khác nhau, quả cũng khác nhau. Chỉ tu Thập Thiện thượng phẩm sẽ có thể sanh vào

Trời Tứ Vương Thiên và Đao Lợi Thiên. Nếu lại muốn sanh lên Trời Dạ Ma mà chỉ tu Thập Thiện thì không được, còn phải có công năng Thiên Định. Dục Giới có tài, sắc, danh, ăn uống, ngủ nghỉ. Từ Sơ Thiên trở lên, không những chẳng có Ngũ Dục về mặt Sự, mà ý niệm tham luyến Ngũ Dục cũng chẳng có. Nếu vẫn còn có ý niệm, thì công năng Thiên Định ấy đáng gọi là “chưa đắc Định”, chẳng thể sanh lên Trời Sơ Thiên, chỉ có thể sanh lên bốn tầng Trời phía trên của Dục Giới. Nếu hiểu rõ sự thật này thì Thiên quả thật là khó tu. Nếu vẫn còn ý niệm Ngũ Dục thì còn chưa sanh lên được các cõi Trời thuộc Sắc Giới, há có phần sanh vào Tứ Thiên, Tứ Không ư? Tứ Thiên Bát Định là Thiên Định thế gian, Định của hàng phàm phu mà còn chưa đạt được, làm sao đắc công năng Thiên Định của Thanh Văn, Bồ Tát? Nhà Phật nói bậc thượng căn lợi trí có thể đoạn phiền não mới có đủ tư cách học Thiên. chứ kẻ không thể khuất phục phiền não thì học Thiên sẽ là chuyện nói xuông! Tịnh Tông đời nghiệp Vãng Sanh, không cần đoạn phiền não, chỉ cần tạm thời khuất phục phiền não bèn có thể Vãng Sanh. Phật nhãn đích thân thấy được điều này, do vậy nói: “Ngã kiến thị lợi, cố thuyết thử ngôn” (Ta thấy được điều lợi ấy nên nói lời này). Hết thấy Chư Phật độ chúng sanh liễu sanh tử, thoát tam giới, trong một đời viên mãn vô thượng Bồ Đề, chỉ có Pháp Môn Niệm Phật này. Nếu chẳng chịu tiếp nhận thì dù tinh tấn

nơi Phật Pháp, chẳng biết đến đời nào mới có thể đắc độ! Đời này có duyên gặp gỡ Phật Pháp, chính là thiện căn, phước đức sâu dày từ vô lượng kiếp cảm nên. nếu bỏ lỡ đời này, chắc là vô lượng kiếp sau mới lại gặp gỡ Pháp Môn này. Sanh tử luân hồi khổ lắm, sao lại đành chịu tội oan uổng như vậy?

2) Thanh tịnh trọn vẹn bốn cõi Tịnh Độ: Lợi ích này quá thù thắng, hàng Bồ Tát thông thường và Biệt Giáo đều chẳng có được điều lợi ích này. Quả vị Phật trong Biệt Giáo vẫn chưa thanh tịnh trọn vẹn bốn cõi Tịnh Độ. Thanh tịnh trọn vẹn bốn cõi Tịnh Độ là cảnh giới của bậc Bồ Tát từ Bát Địa trong Viên Giáo trở lên. Hàng Sơ Địa trong Biệt giáo bằng với Sơ Trụ trong Viên Giáo, quả vị Phật trong Biệt Giáo bằng với địa vị Nhị Hạnh Bồ Tát trong Viên Giáo, so với Bát Địa Bồ Tát của Viên Giáo thua xa lắm. Người niệm Phật đời nghiệp Vãng Sanh, sanh về Tây Phương liền thanh tịnh trọn vẹn bốn cõi Tịnh Độ, đây đúng là pháp khó tin. Quả báo thù thắng như thế là do bốn nguyện oai thần của A Di Đà Phật gia trì.

3) “Trực chí bất thoái vị tận” (Đạt thẳng đến các địa vị Bất Thoái viên mãn): “Tận” có nghĩa là viên mãn. Ba thứ Bất Thoái đạt đến viên mãn sẽ là Đẳng Giác Bồ Tát. Sanh về Tây Phương liền đạt được những lợi ích này ngay trong một đời. Do vậy, tôi

thường khuyên các đồng tu tụng niệm công khóa sáng tối thì buổi sáng tụng bốn mươi tám nguyện để biết rõ nguyện lực chẳng thể nghĩ bàn của A Di Đà Phật, kiên lập tín tâm đối với Tịnh Tông. nguyện lực cũng sẽ nhờ đó mà tăng thêm. Bốn mươi tám nguyện giống như hiến pháp của Tây Phương Thế Giới, chỉ cần sanh về Tây Phương thì đều hưởng sự thụ dụng giống hệt như A Di Đà Phật. Chúng ta sanh về Tây Phương sẽ hưởng thụ oai thần, phước đức, thiện căn của A Di Đà Phật.

(Giải) Phục thứ, thị lợi wóc mạng chung thời, tâm bất điên đảo nhi ngôn, cái uest độ tự lực tu hành sanh tử quan đầu, tối nan đắc lực.

(Giải: Lại nữa, điều lợi này luận theo lúc lâm chung, tâm chẳng điên đảo. bởi lẽ, trong uest độ, đối với cửa ải lâm chung thì tự lực tu hành sẽ khó đủ sức để vượt qua nhất).

Lời giải thích trong đoạn trước đã nêu rõ lợi ích do Vãng Sanh Tây Phương Thế Giới, nêu lên điều lợi ích chung do sanh về Tây Phương của hết thảy chúng sanh trong Mười Phương Thế Giới. Còn những điều được nói trong đoạn này chỉ hạn cuộc trong chúng sanh trên địa cầu, đặc biệt là loài người. Thông thường, ai nấy đều mong cuộc sống tốt đẹp, mong sanh trong gia đình giàu có, cả đời hưởng phước, nhưng nơi cửa ải lâm chung, phải theo

ngiệp mà thọ báo, chính mình chẳng thể làm chủ được. Người niệm Phật khi lâm chung, tâm chẳng điên đảo, đầu óc tỉnh táo, Phật đến tiếp dẫn thì chính là người có phước đức lớn. Do vậy, Tổ Sư, Đại Đức dạy chúng ta trì giới niệm Phật, phước huệ song tu. Lão Pháp Sư Viên Anh tuổi già trụ tại Viên Minh Tinh xá ở Thượng Hải, từ năm hai mươi lăm tuổi, Ngài dốc sức nơi Kinh Lăng Nghiêm, từng sáng lập một học viện chuyên nghiên cứu Kinh Lăng Nghiêm, giảng đường của Ngài mang tên là Tam Cầu Đường, tức là “cầu phước, cầu huệ, cầu sanh Tịnh Độ”. Ngài giáo hóa tuân theo Kinh Lăng Nghiêm, nhưng hạnh thì hành theo Kinh Di Đà. Chúng ta niệm Phật cũng là phước huệ song tu. Tín nguyện trì danh thì phước lẫn huệ đều nằm trong đó.

(Giải) Vô luận ngoan tu cuồng huệ, ma la vô công, tức ngộ môn thâm viễn, thao lý tiềm xác chi nhân, thắng phân hào tập khí vị trừ, vị miễn tùy cường thiên trụ.

(Giải: Những kẻ tu hành ương bướng, trí huệ nông cuồng, buồn tủi không có kết quả thì đừng nói làm gì! Ngay cả những người ngộ giải sâu xa, tu tập cẩn thận, tinh nghiêm, mà nếu còn chút tơ tóc tập khí chưa trừ thì vẫn chưa tránh khỏi tình trạng “lúc lâm chung, nghiệp nào mạnh sẽ lôi thân thức của người ấy đi trước” khiến cho người ấy bị đọa lạc).

“Ngoan tu” là những người thông minh trong thế gian tu trì chẳng đúng pháp, tự cậy thông minh, tu mù, luyện đui. “Cuồng huệ” là những người thiên tư thông minh, đối với Kinh Điển Đại Thừa cũng có thể thông hiểu, có thể nói những điều tốt lành, nói đến mức hoa Trời rơi tán loạn, chỉ có điều hành trì thiếu sót, rớt vào hạng có tâm tư thái độ ngông cuồng. Hai loại người này đối trước cửa ải sanh tử hoàn toàn vô dụng, chẳng thể liễu sanh thoát tử. Nói “ma la vô công” nghĩa là thiếu công phu, chẳng có thành tựu.

“Ngộ môn thâm viễn, thao lý tiềm xác chi nhân, thắng phân hào tập khí vị trừ, vị miễn tùy cường thiên trụ” (Những người ngộ giải sâu xa, tu tập cẩn thận, tinh nghiêm, mà nếu còn chút tơ tóc tập khí chưa trừ thì vẫn chưa tránh khỏi tình trạng “lúc lâm chung, nghiệp nào mạnh sẽ lôi thần thức của người ấy đi trước” khiến cho người ấy bị đọa lạc), tình huống này đã có tiền lệ trong lịch sử. Như Thiền Sư Thảo Đường Thanh có giải, có hạnh, là bậc Đại Đức lỗi lạc một thời trong nhà Thiền. Trong các tín đồ, có một bà họ Tăng, thường đến cúng dường Thiền Sư. Sư Thảo Đường rất cảm kích, thường mang tâm niệm báo ân. Mất rồi liền thác sanh làm con trai bà Tăng, có trí, có phước, tuổi thiếu niên mà đã thỏa chí, làm đến Tể Tướng, tức là Tăng Lỗ Công. “Thao lý tiềm xác chi

nhân” nghĩa là người trì giới tinh nghiêm. Mọi người đều biết câu chuyện “hòn đá tam sanh”. Hòn đá tam sanh là câu chuyện được truyền tụng về cuộc đời của Thiền Sư Viên Trạch và Cư Sĩ Lý Nguyên. Lý Nguyên từ quan, sống trong Chùa của Ngài Viên Trạch. Có một hôm, hai người bàn bạc, tính sang núi Nga Mi triều bái. Lý Nguyên chủ trương đi theo đường thủy, Viên Trạch tính đi theo đường bộ. Cuối cùng, theo ý Lý Nguyên đi đường thủy. Đi đến một tiểu trấn, gặp một phụ nữ có thai giặt áo bên sông. Viên Trạch vừa trông thấy liền rơi nước mắt không ngừng. Lý Cư Sĩ hỏi nguyên do, Sư nói: “Ta sở dĩ chẳng muốn đi theo đường thủy là sợ gặp bà ta. Bà ta mang thai đã ba năm, đợi ta đầu thai. Hôm nay chẳng thể trốn được nữa, ba ngày nữa xin ông hãy đến nhà bà ta, ta thấy ông sẽ cười để làm tin. Mười lăm năm sau, vào ngày Trung Thu tháng Tám sẽ lại gặp nhau tại Chùa Linh Ân ở Hàng Châu”. Về sau, mỗi mỗi đều ứng nghiệm. Sư Viên Trạch có thần thông, có thể biết được quá khứ, vị lai, mà vẫn chưa thoát khỏi luân hồi đầu thai, chỉ vì tập khí chưa trừ! Trong thế gian, những người làm quan lớn, phát tài lớn đều là những bậc đại tu hành trong quá khứ, tập khí chưa trừ, chẳng chịu Vãng Sanh Tây Phương, nhọc nhằn tu luyện nhiều năm để đạt vinh hoa, phú quý trong một đời, trở thành tam thế oán, thật chẳng đáng chút nào, đáng than thay!

(Giải) Vĩnh Minh Tổ Sư, sở vị “thập nhân cứu tha lộ. Âm cảnh nhược hiện tiền, miết nhĩ tùy tha khứ”. Thử thành khả hàn tâm giả dã.

(Giải: Tổ Sư Vĩnh Minh nói: “Mười người, chín chân chừ. Âm cảnh nếu hiện tiền, chớp mắt đi theo nó”. Nghĩ đến điều này đúng là lạnh buốt cõi lòng vậy).

Vĩnh Minh Diên Thọ Đại Sư là người sống dưới triều đại của Ngô Việt Vương Tiên Thục cuối thời kỳ Ngũ Đại. Ngài nối pháp Thiệu quốc sư tông Thiên Thai, mất vào năm Khai Bảo thứ tám (975) đời Tống Thái Tổ, thọ bảy mươi hai tuổi. Theo lịch sử ghi chép, khi chưa xuất gia, Ngài làm một chức quan nhỏ, trông coi việc chi thu thuế khóa, thường giao nhận tiền bạc. Ngài lấy tiền từ của công để phóng sanh, bị thượng cấp phát giác, tâu lên Văn Mục Vương (Tiên Nguyên Quyền), vua phán tội tử hình. Vua dặn riêng người hành hình: “Nếu lúc hành hình mà hấn không có lòng sợ hãi thì hãy dẫn đến gặp ta”. Trong lúc bị giải ra pháp trường, mặt Sư không đổi sắc, cật vấn, Sư nói: “Tôi dùng một mạng để đổi lấy hàng ngàn hàng vạn cái mạng, đáng lắm chứ!” Sau đấy, giám trăm quan dẫn Sư về gặp Văn Mục Vương. Vua hỏi Sư: “Sau này ông muốn làm chuyện gì?” Sư nói muốn xuất gia. Vua liền giúp Sư thỏa nguyện và còn làm hộ pháp cho Sư. Có một hôm, vua cúng

Trai Tăng một ngàn vị sư, bình đẳng cúng Tăng. Trong Trai Đường có bày ghế chủ tọa, mọi người đều khiêm nhượng không ai ngồi, chợt có một vị xuất gia quần áo xóc xếch ngồi ngẫu nhiên trên ghế chủ tọa. Trai tăng xong, mọi người đã giải tán, vua hỏi Đại Sư Vĩnh Minh: “Buổi trai tăng hôm nay có Thánh Hiền giảng lâm hay không?” Sư đáp: “Có, Định Quang cô Phật đến thọ cúng”. Hỏi: “Vị nào vậy?” Sư nói: “Vị Hòa Thượng ngồi ghế chủ tọa”. Vua vừa nghe nói liền sai người đi kiếm, tìm được vị ấy trong một hang núi. Thị giả thỉnh vị ấy về cung, tiếp nhận sự cúng dường. Hòa Thượng chỉ nói một câu: “Di Đà lắm lời” rồi nhập diệt. Thị giả trở về tâu lên Hoàng Đế: “Hòa Thượng đã Viên Tịch, lâm chung chỉ nói một câu Di Đà lắm lời”. Hoàng Đế nghĩ Vĩnh Minh Đại Sư nhất định là hóa thân của Phật Di Đà, hóa thân của Định Quang Phật tuy Viên Tịch, nhưng hóa thân của Phật Di Đà vẫn còn, phái người thỉnh Ngài Vĩnh Minh nhập cung. Nào ngờ lúc ấy có người đến báo: “Vĩnh Minh Đại Sư đã Viên Tịch”. Chư Phật, Bồ Tát hóa độ chúng sanh trong thế gian này, chẳng thể bộc lộ thân phận. Hễ thân phận bị lộ bèn ra đi. Nếu bị lộ thân phận mà vẫn chẳng nhập diệt thì chính là mạo nhận. Ngài Vĩnh Minh do Thiên Tông mà đại triệt đại ngộ, đến tuổi già chuyên tu Tịnh Độ. Ngài có nói ra bốn bài Liệu Giản rất nổi tiếng. Bài thứ hai là: “Hữu Thiên, vô Tịnh Độ. Thập nhân cửu tha lộ, ám cảnh nhược hiện tiền, miết

nhĩ tùy tha khứ” (Có Thiên, không Tịnh Độ. Mười người chín chân chừ, nếu âm cảnh hiện tiền, chớp mắt đi theo nó). Đây là vì thuở ấy Thiên Tông rất thịnh hành, mọi người coi rẻ Tịnh Độ. nhằm độ những người học Thiên, nên Ngài mới nói: “Có Thiên không Tịnh Độ, mười người chín chân chừ” nhằm dẫn dắt bọn họ trở về Tịnh Độ. Ngài nói Thiên Tịnh Song Tu chính là một cách nói phương tiện quyền xảo bất đắc dĩ dành cho những người tham Thiên. Có những người tu Thiên rất khá, nhằm khỏi tổn thương lòng tự tôn của họ, nên Ngài mới nói Thiên cũng rất hay, nếu thêm vào một chút Tịnh Độ thì càng hay hơn. Nói thật ra, tu Tịnh Độ có thể Vãng Sanh, chứ tu Thiên rất khó thành tựu.

Trong câu “hữu Thiên, hữu Tịnh Độ” hãy chú ý chữ Hữu. “Hữu Thiên” là đại triệt đại ngộ, “hữu Tịnh Độ” là trong một niệm trọn đủ tin sâu, nguyện thiết, chấp trì danh hiệu. Có Thiên, không Tịnh Độ, mười người chín chân chừ. Thiên Sư Viên Trạch như đã nói trong phần trước chính là hạng người “có Thiên”, có thể biết quá khứ, vị lai, nhưng vẫn phải đầu thai luân hồi, từ xưa đến nay, những người giống như Viên Trạch chẳng ít.

“Âm cảnh nhược hiện tiền”: Chữ “Âm cảnh” có hai nghĩa, một là trong Định có ma xuất hiện, tức Ngũ Âm Ma xuất hiện. Kinh Lăng Nghiêm nói có năm mươi loại Âm Ma. Hiện thời có kẻ

bảo tôi: “Có người khi tịnh tọa, tay rung động không cách nào không chế được”. Bọn họ cho đó là cảnh giới tốt đẹp, đây chính là vờ ma đến. Định là tịnh, chẳng phải tay múa, chân nhảy. Nghĩa thứ hai của chữ Âm Cảnh là thân Trung Âm. Con người chết đi, thần thức rời khỏi thân thể, còn chưa đầu thai, trong thời gian ấy gọi là Trung Âm Thân. Trung Âm Thân đại đa số tồn tại trong vòng bốn mươi chín ngày. Trong thời gian ấy, gia đình, quyến thuộc tụng Kinh, niệm Phật để hồi hướng thì người ấy sẽ được lợi ích. nhưng người ấy sẽ sanh vào chỗ nào vẫn là lưu chuyển theo nghiệp, chính mình chẳng thể làm chủ được. “Có Thiên, không Tịnh Độ”, không có Phật lực gia trì, hoàn toàn dựa vào Định lực của chính mình thì lỡ một mai Định lực mất đi, sẽ bị nghiệp lực khống chế. Nghiệp nào mạnh sẽ lôi đi trước, suốt đời tu hành nếu tốt đẹp thì sẽ đổi lấy phú quý trong đời sau. còn nếu tu hành không ra gì, sẽ phải lưu chuyển trong tam đồ. Quán sát cận kề sẽ thấy không Vãng Sanh Tây Phương phiền phức rất lớn!

(Giải) Sơ Quả muội u xuất thai, Bồ Tát hôn u cách ẩm. Giả lý khởi dung cưỡng tác chủ tử, kiểu hãnh, man han? Duy hữu tín nguyện trì danh, trượng tha lực cố, Phật từ bi nguyện, định bất đường quyên. Di Đà Thánh Chúng, hiện tiền ủy đạo, cố đắc vô đảo, tự tại Vãng Sanh. Phật kiến chúng sanh lâm chung đảo

loạn chi khổ, đặc vị bảo nhậm thử sự, sở dĩ, ân cần tái khuyến phát nguyện, dĩ nguyện năng đạo hạnh cố dã.

(Giải: Sơ Quả mê muội khi ra khỏi thai, Bồ Tát hôn trước lúc chuyển từ thân Ngũ Ấm này sang thân Ngũ Ấm khác, trong khi ấy, há nó có dung cho mình gắng gượng làm chủ tử mà còn lơ mơ mong được may mắn hay sao? Chỉ có tín nguyện trì danh là do cậy vào tha lực và thệ nguyện từ bi của Phật, nhất định chẳng luống uổng. Phật Di Đà và Thánh Chúng hiện đến trước mặt an ủi, hướng dẫn, nên tâm không điên đảo, tự tại Vãng Sanh. Phật thấy chúng sanh chịu khổ vì điên đảo tán loạn khi lâm chung, nhằm đặc biệt đảm bảo cho chúng sanh chuyển Vãng Sanh này, nên mới một lần nữa ân cần khuyến nhủ hãy phát nguyện, bởi lẽ, nguyện có thể dẫn đường cho hạnh vậy).

“Sơ Quả” là Tu Đà Hoàn trong Tiểu Thừa, đã đoạn tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc trong tam giới, dự vào dòng thánh. Tuy còn có tám mươi một phẩm Tư Hoặc chưa đoạn, vẫn tu hành trong tam giới, nhưng quyết định chẳng đọa vào tam ác đạo. Sống chết bảy lần trong cõi Trời, cõi người liền thoát khỏi tam giới. Nếu lần thứ bảy sanh vào nhân gian, gặp Phật, nhất định chứng quả A La Hán. Nếu không có Phật xuất hiện trong cõi đời, vị ấy cũng vượt thoát tam giới, gọi là Độc Giác, tức Bích Chi Phật. Sơ Quả đầu thai

trong nhân gian, khi nhập thai thì hiểu biết rõ ràng, nhưng lúc đẻ ra sẽ quên hết. Trí huệ lẫn công phu đoạn phiền não của Bồ Tát đều vượt trội Tiểu Thừa, chỉ có điều là vẫn mê khi cách âm (từ thân Ngũ Âm này chuyển sang thân Ngũ Âm khác). Trong quá trình luân hồi trong sanh tử, Bồ Tát và Thánh Nhân Sơ Quả còn chẳng thể làm chủ được, huống gì là phàm phu? Lẽ đâu lại ôm lòng cầu may, mà phải dựa vào bốn nguyện, oai thần của Phật gia trì.

“Phật từ bi nguyện” chính là bốn mươi tám nguyện, nguyện nguyện đều được thực hiện rành rành. Người niệm Phật khi lâm chung, trọn chẳng giống với những kẻ phàm phu tay chân cuống quít. Phật Di Đà và Thánh Chúng hiện ra trước mặt an ủi, hướng dẫn, nên người ấy không điên đảo, tự tại Vãng Sanh. Chúng sanh khi lâm chung thường bị khổ vì điên đảo, lầm loạn, nên phải thuận theo nghiệp lực, đọa trong đường ác, khổ chẳng thể nói được. Nếu khi lâm chung, đầu óc tỉnh táo, người ấy tuy không học Phật, chưa cầu Vãng Sanh thì cũng chẳng đọa tam đồ. Đức Phật thấy tình huống ấy đặc biệt rõ rệt, vì chúng ta nói ra Pháp Môn tín nguyện trì danh Vãng Sanh Tịnh Độ. Trong Kinh này đã khuyên lần thứ nhất, rồi lại khuyên lần thứ hai, rồi khuyên lần thứ ba, đặc biệt nhắc nhở, chỉ dạy, một lần nữa ân cần khuyên chúng sanh hãy nên phát nguyện, nhằm đảm bảo chúng ta Vãng Sanh, bởi lẽ, Nguyện có thể

hướng dẫn Hạnh. Có nguyện vọng mạnh mẽ thì mới có thể cảm ứng đạo giao với A Di Đà Phật.

(Giải) Vấn: Phật ký “tâm tác, tâm thị”, hà bất cánh ngôn tự Phật, nhi tất dĩ tha Phật vi thắng? Hà dã?

Đáp: Thử chi Pháp Môn, toàn tại liễu tha tức tự. Nhược hựu ngôn tha Phật, tắc thị Tha Kiến vị vong. Nhược thiên trọng tự Phật, khước thành Ngã Kiến điên đảo.

(Giải: Hỏi: Phật đã là “tâm này làm Phật, tâm này là Phật”, thì sao chẳng hoàn toàn nói về tự Phật (vị Phật của chính mình) mà cứ đề cao tha Phật (vị Phật khác) là thù thắng? Vì có sao thế?

Đáp: Pháp Môn này hoàn toàn ở chỗ hiểu rõ Tha chính là Tự. Nếu kiêng không nói tới vị Phật nào khác tức là chưa quên Tha Kiến (cái thấy có người khác ngoài ta ra). Nếu thiên trọng tự Phật, sẽ trở thành Ngã Kiến điên đảo).

Trong Kinh Phật thường nói: “Thị tâm tác Phật, thị tâm thị Phật” (Tâm này làm Phật, tâm này là Phật). Vậy thì tâm của chính mình đã là Phật, có sao chẳng nói tới tự tánh Phật (vị Phật ở trong tự tánh) mà lại nói A Di Đà Phật ở Tây Phương Cực Lạc Thế Giới? Đại Sư trả lời: Pháp Môn này hoàn toàn nhằm hiểu rõ Tha chính là Tự. Tha và Tự là một, không hai. Nói là một, tức là nói theo Thể. Nói theo Tánh thì là một. Nói theo Tướng thì là hai. “Nếu kiêng

không nói Đức Phật khác thì là chưa quên Tha Kiến. Nếu thiên trọng Tự Phật sẽ trở thành Ngã Kiến điên đảo”. Chưa hiểu rõ chân tướng sự thật, ắt phải phá trừ nghi vấn. Nếu không, sẽ có chướng ngại. Dầu tu trì siêng năng cũng chỉ có thể sanh về biên địa nghi thành. Hãy nên biết: Pháp Môn này giống như Hoa Nghiêm, lại còn vượt trội Hoa Nghiêm, vì trong Kinh Hoa Nghiêm đến phẩm cuối cùng, mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Hoa Nghiêm là đại pháp viên đốn, Kinh này là Kinh viên nhất trong các pháp viên, đốn nhất trong các pháp đốn. Chỉ có nhất tâm thì mới có thể khế nhập. Nếu có hai tâm, sẽ sanh chướng ngại. Nếu có nghi vấn, sẽ biến thành hai tâm, có Tự, có Tha, Tự và Tha là hai, không còn là một nữa.

Trong Đàn Kinh, Lục Tổ Đại Sư đã nói rất khéo. Ngài mới gặp sư Ấn Tông, Ấn Tông hỏi Ngài: “Nghe nói ông đặc pháp ở núi Hoàng Mai, bình thường Ngũ Tổ thuyết pháp có nói phương pháp tham Thiền hay không?” Lục Tổ đáp: “Phật Pháp chân chánh là một”. Phật Pháp là Pháp Môn Bất Nhị. do vậy, hai bên Tự và Tha đều quên sạch, dùng một câu A Di Đà Phật để gom vọng niệm về một mối. Những tri kiến, phân biệt, chấp trước khác đều chẳng có, chỉ có một câu A Di Đà Phật. Có như thế mới hòng vào được Tây Phương Cực Lạc Thế Giới,

đó cũng là Nhất Chân pháp giới, hoàn toàn hiểu rõ “Tha chính là Tự”. Nếu nói là Tha Phật (Đức Phật khác, chẳng phải là Đức Phật trong tự tâm) thì là chưa quên Tha Kiến. Nếu thiên chấp coi trọng Tự Phật thì là Ngã Kiến điên đảo. Kinh Kim Cang dạy: “Nhược nhược tiểu pháp giả, trước Ngã Kiến, Nhân Kiến, Chúng Sanh Kiến, Thọ Giả Kiến, tác ư thử Kinh, bất năng thính, thọ, đọc, tụng, vị nhân giải thuyết” (Nếu là kẻ thích pháp nhỏ, chấp trước vào Ngã Kiến, Nhân Kiến, Chúng Sanh Kiến, Thọ Giả Kiến sẽ chẳng thể nghe, nhận, đọc, tụng, vì người khác giải nói Kinh này). Nửa phần đầu Kinh Kim Cang nói về Tứ Tướng, nửa phần sau giảng về Tứ Kiến. So với phần giảng về Tướng thì phần giảng về Kiến càng sâu đậm hơn. Nếu chẳng thể hiểu rõ “Tha chính là Tự”, chắc là sẽ khó khế nhập Nhất Chân pháp giới.

(Giải) Hựu Tất Đàn tứ ích, hậu tam ích, sự bất cô khởi. Thảng bất tùng Thế Giới thâm phát khánh tín, tác Hân Yém nhị ích thượng bất năng sanh. Hà hưởng ngộ nhập lý Phật! Duy tức Sự Trì đạt Lý Trì. Sở dĩ Di Đà Thánh Chúng hiện tiền, tức thị bổn tánh minh hiển. Vãng Sanh bỉ độ, kiến Phật, văn pháp, tức thị thành tựu huệ thân, bất do tha ngộ. Pháp Môn thâm diệu, phá tận nhất thiết hý luận, trăm tận nhất thiết ý kiến. Duy Mã

Minh, Long Thọ, Trí Giả, Vĩnh Minh chi lưu, triệt để đảm hà đắc khứ. Kỳ dư thế trí biện thông, thông Nho, Thiên khách, tận tư độ lượng, dữ thôi dữ viễn. Hựu bất nhược ngu phu phụ lão thật niệm Phật giả, vi năng tiệm thông Phật trí, ám hợp đạo diệu dã. Ngã kiến thị lợi, cố thuyết thử ngôn, phân minh dĩ Phật nhân, Phật âm, ấn định thử sự, khởi cảm vi kháng, bất thiện thuận nhập dã tai? Nhị Chánh Tông Phần cánh.

(Giải: Lại nữa, trong bốn món lợi ích Tất Đàn, ba thứ lợi ích sau chẳng thể tự nó khởi lên được. Nếu chẳng từ môn Tất Đàn thứ nhất là Thế Giới Tất Đàn phát khởi sâu xa lòng vui mừng, tin tưởng thì hai thứ lợi ích là ưa thích cõi Cực Lạc và chán nhàm cõi Sa Bà sẽ chẳng thể sanh được, huống gì là ngộ nhập lý Phật? Chỉ do Sự Trì mà đạt đến Lý Trì, cho nên Phật Di Đà và Thánh Chúng hiện tiền chính là do bốn tánh đã hiện rõ ra. Sanh về cõi kia, thấy Phật, nghe pháp chính là thành tựu huệ thân (cái thân kết tinh bằng trí huệ), chứ chẳng phải do cái gì khác mà ngộ được huệ thân ấy. Pháp Môn sâu mầu, phá sạch hết thấy hý luận, chặt sạch hết thấy ý kiến. Chỉ có những vị như Mã Minh, Long Thọ, Trí Giả, Vĩnh Minh mới triệt để gánh vác pháp này được. Còn những kẻ Thế Trí Biện Thông khác, những kẻ thông hiểu cả Nho lẫn Thiên, tận hết sức suy lường, càng suy nghĩ càng xa cách hơn, hóa ra

chẳng bằng những ông những bà ngu muội, thật thà niệm Phật, mà có thể ngẫm thông Phật trí, thâm hợp đạo mâu. “Ta thấy điều lợi ấy nên nói lời này”, dùng Phật nhãn, Phật âm để nói ẩn định rành rành chuyện này, há dám trái nghịch, chống đối, chẳng khéo thuận vâng theo hòng chứng nhập u? Phần thứ hai là Chánh Tông Phần đến đây là hết)

Thích Ca Mâu Ni Phật dùng bốn món Tát Đàn làm chỗ căn cứ hòng định đặt việc giáo hóa. “Tát Đàn” có nghĩa là “thí trọn khắp”. Trong phần trước tôi đã giải thích cặn kẽ. Bốn món lợi ích Tát Đàn này nếu dùng để bàn luận sự niệm Phật Vãng Sanh trong Tịnh Tông thì chúng chính là tổng cương lãnh tiếp dẫn chúng sanh, Phật Pháp Đại Thừa hay Tiểu Thừa đều chẳng thể lìa khỏi nguyên tắc này. Chúng ta là phàm phu nghiệp chướng sâu nặng, đi theo con đường này sẽ ôn hòa, thích đáng nhất. Nhất tâm dùng Sự Trì, chẳng hiểu Lý cũng không sao. Có nhiều ông cụ, bà cụ ăn chay, niệm Phật Vãng Sanh, biết trước lúc mất. Hỏi họ Kinh Điển Tịnh Độ, họ không hiểu, sanh về Tây Phương họ sẽ hiểu hết. Sự Trì khẩn thiết, tâm định, tín nguyện kiên cố, khi Phật đến tiếp dẫn, trước hết sẽ dùng Phật quang chiếu đến, nghiệp chướng của người ấy tiêu trừ, khai trí huệ. Từ Sự Trì mà đạt đến Lý Trì. Do vậy, Phật Di Đà và Thánh Chúng hiện tiền, thấy Phật tức là bốn tánh sáng

ngồi, trí huệ hiện tiền, một là vì công đức niệm Phật, hai là do được Phật quang gia trì, những Pháp Môn khác chẳng có điều này. Sinh về Tây Phương, hằng ngày ở cùng một chỗ với A Di Đà Phật, sáu trần trong Tây Phương đều thuyết pháp không ngừng. Thấy Phật, nghe pháp, thành tựu thân trí huệ, thân trí huệ chính là Báo Thân. Cảnh giới này giống như cảnh giới của bậc Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo. Trong thế gian tu những Pháp Môn thông thường để đạt đến cảnh giới này thì phải mất một A tăng kỳ kiếp. Trong A tăng kỳ kiếp thứ hai mới bắt đầu chứng được quả vị Sơ Trụ Bồ Tát của Viên Giáo. Chúng sanh trong chín pháp giới rất khó dùng trí huệ và năng lực của chính mình để thấu hiểu tột cùng sự lý của Tây Phương Thế Giới, chỉ có Phật với Phật mới có thể thấu hiểu rốt ráo. Chỗ mâu nhiệm là đời nghiệp Vãng Sanh, chưa đoạn một phẩm phiền não nào, mà sanh về Tây Phương liền chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái, mâu nhiệm ở chỗ này.

“Phá sạch hết thảy hý luận, chặt đứt hết thảy mọi ý kiến”. Hai câu này nói về những kẻ tu hành theo đường lối thông thường. Chữ “hý luận” chỉ Giáo Hạ, chữ “ý kiến” chỉ Tông Môn. Pháp Môn này là nhất tâm chấp trì danh hiệu, chẳng cần phải phân biệt, suy lường, cho nên phá sạch hết thảy mọi hý luận. “Hý luận” là các thứ phê bình của Giáo Hạ đối với Tịnh Tông, bất luận họ nói như thế

nào cũng chẳng liên quan gì! “Chặt đứt hết thấy mọi ý kiến”: “Ý kiến” là phân biệt. Pháp Môn màu nhiệm viên đôn rất sâu vô thượng này chỉ có những vị như Mã Minh, Long Thọ, Trí Giả, Vĩnh Minh mới hòng triệt để gánh vác được. Các vị Mã Minh và Long Thọ đều là người Ấn Độ, đều cầu sanh Tịnh Độ. Tại Trung Quốc, Ngài Long Thọ được xưng là Tổ của tám tông phái Đại Thừa. Trí Giả và Vĩnh Minh là người Trung Quốc. Trí Giả là Tổ Sư tông Thiên Thai, còn Ngài Vĩnh Minh từ Thiên trở về Tịnh, là Tổ Sư đời thứ sáu của Tịnh Tông. Các Ngài chẳng có ý kiến phân biệt, ngay lập tức gánh vác. Những kẻ học thức thông minh tài trí khác và những Thiên khách thông thạo Nho học tận hết sức suy lường, càng suy tưởng càng sai lệch. Hàng Đẳng Giác Bồ Tát nếu chẳng được gia trì bởi oai thần của Phật cũng chẳng hiểu rõ. Kẻ thông minh tài trí đâm ra chẳng bằng ngu phu ngu phụ! Kẻ hạ ngu chẳng phân biệt, chấp trước, thật thà niệm Phật, bỏ sạch ý niệm vọng tưởng, chấp trước của chính mình, đắc Niệm Phật Tam Muội. Công phu sâu thì sẽ đạt đến Lý nhất tâm bất loạn, khai trí huệ, tương ứng với trí huệ nơi quả địa Như Lai, thâm hợp chỗ nhiệm màu trong đạo. Do vậy, những người thuộc căn tánh bậc trung đâm ra thua kẻ hạ ngu. Đức Phật trông thấy lợi ích thù thắng như vậy, nên đem sự thật muôn vàn chân thật, xác thực này buốt lòng rất miêng khuyên dạy chúng ta Vãng Sanh, chúng ta há dám trái

ngịch, chống đối? Nếu khéo thuận theo ý nguyện giáo huấn của Phật thì sẽ giống hệt như các Đại Sư Mã Minh, Long Thọ, Trí Giả, Vĩnh Minh hoàn toàn tiếp nhận, y giáo phụng hành, là học trò tốt của Đức Phật. Lợi ích Tứ Tất Đản thù thắng viên mãn rất ráo nhất chúng ta đều đạt được trong hiện tiền. Phần Chánh Tông của Kinh này đến đây là hết.

A Di Đà Phật.